
MỘT SỐ VÍ DỤ CHỌN LỌC VỀ NGHIÊN CỨU THAM DỰ

Chủ biên
Marc P. Lammerink
Ivan Wolffers



Chương trình nghiên cứu Việt nam-Hà Lan (VNRP)

Một số ví dụ chọn lọc

VỀ NGHIÊN CỨU THAM DỰ

Chủ biên: MARC P. LAMMERINK
IVAN WOLFFERS



Chương trình nghiên cứu
Việt Nam -Hà Lan (VNRP)

Chương trình nghiên cứu Việt Nam - Hà Lan (VNRP)

MỘT SỐ VÍ DỤ CHỌN LỌC VỀ NGHIÊN CỨU THAM DỰ

Chủ biên: Marc P. Lammerink
Ivan WolFFers
Người dịch: TS. Lê Đình Tiên
KS. Chu Đức Dũng
Hiệu đính: GS. Đặng Ngọc Dinh

HÀ NỘI – 2001

Some selected examples of participatory research

Marc P. Lammerink / Ivan Wolffers (eds.)

Lời tựa

(Tái bản lần thứ nhất)

Trong 5 năm qua, kể từ khi cuốn sách "*Một số ví dụ chọn lọc về nghiên cứu tham dự*" được dịch ra tiếng Việt và xuất bản phục vụ cho công tác nghiên cứu của Chương trình nghiên cứu Việt Nam – Hà Lan (VNRP), cuốn sách đã được sự hưởng ứng của nhiều bạn đọc trong và ngoài Chương trình.

Đối với Chương trình nghiên cứu Việt Nam – Hà Lan, cuốn sách này được coi là một trong những tài liệu cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu đối với các đề án nghiên cứu phát triển. Cuốn sách đã giúp ích cho các nhóm nghiên cứu đề án nấm vũng và vận dụng các phương pháp nghiên cứu tham dự trong quá trình triển khai thực hiện nghiên cứu, đặc biệt trong lĩnh vực nghiên cứu phát triển bền vững nông thôn. Ngoài việc giới thiệu sách, hàng năm Chương trình còn mời chính tác giả – TS. Marc P. Lammerink – sang Việt Nam truyền đạt những kiến thức và kinh nghiệm về nghiên cứu tham dự cho cán bộ nghiên cứu thực hiện các đề án của Chương trình VNRP.

Được sự đồng ý của tác giả, theo yêu cầu của bạn đọc trong và ngoài Chương trình VNRP, Ban thư ký Chương trình cho tái bản cuốn sách này với hy vọng đóng góp tích cực vào sự hiểu biết về những phương pháp nghiên cứu tham dự đối với cộng đồng khoa học trong nước.

Trong lần tái bản này, chúng tôi đã cố gắng rà soát và hiệu đính lại bản dịch của cuốn sách. Tuy nhiên, chắc chắn còn nhiều khiếm khuyết, mong bạn đọc lượng thứ và góp ý để cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Hà Nội, 4/20001

TS. Lê Đình Tiến

Giám đốc Ban thư ký Chương trình VNRP

Mục lục

	Trang
Lời tựa	3
Lời nói đầu	5
1. Giới thiệu	7
2. Các khía cạnh phương pháp luận của nghiên cứu tham dự	29
2.1. Giới thiệu về phương pháp đánh giá nông thôn tham dự	43
2.2. Nghiên cứu tham dự như là một quá trình giáo dục có tính phê phán - Những định hướng phương pháp luận	63
2.3. Hai mươi mốt gợi ý đối với những cuộc hội thảo ngắn, đông người về phương pháp tham dự nhanh (PRA)	81
2.4. Một số nhận xét về kiểm tra chất lượng trong nghiên cứu tham dự	89
2.5. Những công cụ tham dự nhằm phát huy sáng kiến địa phương	96
2.6. Đánh giá nông thôn tham dự và những phương pháp nghiên cứu tham dự: những kinh nghiệm gần đây của tổ chức MYRADA và Nam Án Độ	107
3. Một số ví dụ về nghiên cứu tham dự	
3.1. Lao động trẻ em ở thành phố Bôgôta trong cuộc tấn công vào những thành trì độc đoán	120
3.2. Một trường hợp triển khai công nghệ theo phương pháp tham dự ở Philippin	133
3.3. Tự phát triển nông nghiệp của nông dân	141

Lời nói đầu

Nghiên cứu (research) có thể được hiểu là một quá trình phân tích những câu hỏi, những mâu thuẫn - xung đột nằm trong hiện trạng có liên hệ với hoàn cảnh, môi trường xung quanh, nhằm tìm ra những giải pháp hiệu quả cho phát triển.

Cho đến nay, nghiên cứu cơ bản (fundamental research) được quan niệm là một quá trình mở rộng và làm sâu sắc kiến thức nhằm phát hiện, tìm kiếm những nguyên lý mới, kết quả mới thuộc bản thân từng lĩnh vực (toán, cơ học, triết học, lịch sử...). Nghiên cứu cơ bản - chiến lược (strategic - fundamental research) hoặc còn gọi là nghiên cứu phát triển (development research) là loại hình nghiên cứu riêng về phân tích những luận cứ, tìm hiểu nguyên nhân của thực trạng, xem xét nguồn lực, điều tra, khảo sát đối tượng, nhằm đưa ra những giải pháp phục vụ công cuộc phát triển xã hội gắn chặt với những điều kiện đặc thù của địa phương và của cộng đồng được thụ hưởng kết quả. Nghiên cứu ứng dụng (applied research) hoặc triển khai nhằm áp dụng những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ vào thực tiễn.

Chương trình nghiên cứu Việt Nam - Hà Lan (VNRP) nhằm hỗ trợ năng lực nghiên cứu của cộng đồng khoa học Việt Nam trong dạng nghiên cứu phát triển.

Trong triết lý của VNRP, nghiên cứu phát triển được thể hiện trong các đề án mang tính xã hội (không phải dạng triển khai áp dụng kỹ thuật cụ thể cho sản xuất), chưa đựng cách tiếp cận liên ngành nhằm đáp ứng cho nhu cầu phát triển bền vững (về môi trường - sinh thái và văn hoá - xã hội) của một cộng đồng, một địa phương, một lĩnh vực cụ thể.

Trong quá trình triển khai các chương trình nghiên cứu phát triển ở nhiều nước đang phát triển, người ta rút ra một nhận xét bổ ích là: Để các đề án có hữu ích (tính khả dụng cao) thì cộng đồng thụ hưởng (dân nghèo, nông dân, phụ nữ, trẻ em, những người bị

thịt thời ... và đồng thời là đối tượng mà đề án cần khảo cứu) cần được tham dự trong quá trình tiến hành nghiên cứu.

Sự tham dự này không chỉ thể hiện trong những cuộc điều tra, phỏng vấn của đội ngũ nghiên cứu viên (nhằm thu thập số liệu để thực hiện các bước nghiên cứu), mà điều quan trọng hơn là cộng đồng thụ hưởng phải được chủ động đóng góp trong các khâu từ phân tích hiện trạng; lý giải nguyên nhân, hoàn cảnh; và đề xuất những giải pháp. Cách tiếp cận như vậy được gọi là công cuộc nghiên cứu có sự tham dự của cộng đồng thụ hưởng hoặc gọi ngắn gọn là nghiên cứu tham dự.

Chương trình nghiên cứu Việt Nam - Hà Lan xin trân trọng giới thiệu bản dịch một số bài báo về nghiên cứu tham dự, do các chuyên gia quốc tế viết. Họ là những người đã có nhiều năm kinh nghiệm tiến hành những đề án nghiên cứu phát triển, giúp đỡ các nước ở châu Phi, châu Mỹ La tinh và châu Á. Bên cạnh những khía cạnh liên quan đến ý nghĩa xã hội và phương pháp luận của nghiên cứu tham dự, các tác giả đã thông qua một số trường hợp nghiên cứu cụ thể mô tả những bước thực hiện và những khuyến nghị.

Những phân tích - thảo luận trong tài liệu này hy vọng sẽ cung cấp tới độc giả những gợi ý, những tham khảo bổ ích trong quá trình tiến hành đề án nghiên cứu phát triển không những trong phạm vi các lĩnh vực ưu tiên của Chương trình VNRP mà còn mở rộng cho các loại hình nghiên cứu khác nhau mang tính xã hội và liên ngành.

Chương trình VNRP xin chân thành cảm ơn Tổng vụ hợp tác quốc tế (DGIS) thuộc Bộ Hợp tác - Phát triển Hà Lan, đặc biệt là GS. J. Waardenburg, GS. Ivan Wolffers, TS. Marc Lammerink, TS. Martin de la Bey và TS. Nguyễn Ngọc Lưu đã cung cấp tư liệu, trao đổi và khích lệ việc phổ cập phương pháp nghiên cứu tham dự tới cộng đồng khoa học Việt Nam.

Hà Nội, tháng 4 năm 1996

GS. Đặng Ngọc Dinh

Giám đốc Ban thư ký Chương trình VNRP

1. Giới thiệu

Thực tiễn ngày càng chứng tỏ rằng nghiên cứu có thể đóng một vai trò quan trọng trong quá trình phát triển. Trong mười năm trở lại đây sự quan tâm đến nghiên cứu như là một công cụ phục vụ phát triển cũng tăng lên. Hoạt động nghiên cứu không chỉ tập trung vào các công nghệ mới, những can thiệp mới, mà còn tập trung vào sự hiểu biết qua trình đổi mới và biến đổi, đặt sự phát triển trên cơ sở thực tế thay vì những kế hoạch và những ước muôn như trước đây. Sự khác nhau giữa các loại nghiên cứu này còn chưa rõ ràng, bởi vì mọi sản phẩm nghiên cứu còn phải được đem sử dụng và kiểm nghiệm, phải có trao đổi, thảo luận giữa nhà nghiên cứu với người sử dụng, với cộng đồng để có thể nhận thấy thái độ của họ, hưởng ứng, thờ ơ hay bác bỏ.

Quan niệm của các nhà khoa học làm việc trong phòng thí nghiệm về đổi mới cho cộng đồng mà mục đích của cộng đồng chỉ sau đó mới được xác định, có thể được xem như là một quan niệm đã lỗi thời (mặc dù nó chưa hoàn toàn mất hẳn). Tuy nhiên, quan điểm phổ biến về nghiên cứu vẫn còn là: nhà khoa học có nhiệm vụ khám phá ra những bản chất khoa học và những quan hệ giữa chúng, còn những người khác, bằng cách nào đó, có nhiệm vụ triển khai, sử dụng những khám phá này. Trong các nỗ lực để đạt được kết quả khoa học xuất sắc, các nhà nghiên cứu thường phải giới hạn các mục đích của họ và cố gắng kiểm soát được những nhân tố không tin cậy càng nhiều càng tốt. Có thể nhìn nhận rằng, một khoa học tốt cuối cùng phải dẫn đến một thực tiễn phát triển được cải thiện tốt hơn. Tuy nhiên, trong một đánh giá phê phán gần đây về cách tiếp cận truyền thống trong các nghiên cứu phát triển, Edwards chỉ ra rằng, trong hầu hết các trường hợp, nghiên cứu phát triển "đã trở thành một bộ phận của vấn đề chưa phát triển hơn là bộ phận giải pháp cho các vấn đề này"(1). Khi xem xét công cuộc phát triển trong những điều kiện thực tế,

khi giải quyết các vấn đề liên quan tới cộng đồng, nền văn hoá, lịch sử, hoàn cảnh kinh tế-xã hội và chính trị cũng như những quan tâm khác của họ, có rất nhiều yếu tố không xác định. Người ta không thể bỏ qua các yếu tố này cũng như không thể cho rằng thế giới bên ngoài phòng thí nghiệm cũng tương tự như thế giới nội tại của nó. Ở đây yếu tố quan trọng cần được quan tâm và nhấn mạnh là tri thức mang tính địa phương, có ý nghĩa trong khuôn khổ của một nền văn hoá. Việc bỏ qua tầm quan trọng của môi trường văn hoá có lẽ là một nguyên nhân chủ yếu về sự không thành công của các nhà nghiên cứu (2). Tri thức địa phương không chỉ là lĩnh vực của những người bản xứ mà nó còn là một yếu tố quan trọng nhưng thường chưa được quan tâm đến trong chính phủ, trong các tổ chức phi chính phủ và thậm chí ngay cả trong giới nghiên cứu. Quá trình tạo ra các hoàn cảnh và các phương pháp luận có khả năng phản ánh những ý tưởng của chính mình và mở ra năng lực trí tuệ cho những ý tưởng mới, những viễn cảnh mới, là một thách thức quan trọng trong nghiên cứu có liên quan đến phát triển.

Hơn nữa, phát triển có nghĩa là biến đổi và điều này lại cần được thực hiện nhằm phục vụ con người, vì thế họ phải được thu hút vào quá trình biến đổi. Quân chúng trong cộng đồng có những nhu cầu và ưu tiên của họ và chính vì lẽ đó mà năng lực nghiên cứu được phát triển và sử dụng. Đặc biệt khi hành động giữ một vai trò quan trọng trong quá trình phát triển thì quan hệ giữa nghiên cứu và cộng đồng không được phép bỏ qua. Điều đó có ý nghĩa quan trọng cho cả sự tiến bộ khoa học cũng như việc hoàn thiện các quá trình phát triển, quá trình hoạch định chiến lược mà trong đó nghiên cứu và hành động được liên kết chặt chẽ với nhau.

Lịch sử của tham dự

Khuynh hướng tham dự cộng đồng (community participation) được biết đến vào những năm 1930, nhưng nổi bật hơn là sau chiến tranh thế giới thứ II. Có một sự khác biệt giữa các cộng đồng ở nông

thôn và thành thị, giữa các nhóm dân tộc ít người và các nhóm khu vực, và giữa các cộng đồng với những lối sống và hệ giá trị khác nhau. Sự khác biệt này chỉ có thể vượt qua được bằng chính ảnh hưởng của cộng đồng tới những dịch vụ mà họ được cung cấp (về sức khoẻ, giáo dục, dinh dưỡng, nông nghiệp hoặc kinh tế, v.v...). Hơn nữa, những dịch vụ này là đầu tư cho quân chúng chứ không phải cho hệ thống và chính quân chúng phải có vai trò của mình trong hệ thống.

Việc khích lệ sự tham dự nhiều hơn của quân chúng vào quá trình nghiên cứu được xuất phát từ nhiều phía. Trước hết, là các chỉ tiêu chủ yếu, cần thiết cho phát triển để hiểu được những gì đã làm và khả năng sửa đổi chúng. Càng ngày càng có nhiều phương pháp luận kiểm tra và đánh giá tinh vi được đưa ra. Điều này không chỉ do các tổ chức quốc tế như: Ngân hàng thế giới, Tổ chức Y tế thế giới, UNDP, v.v... đảm nhận, mà cả các tổ chức phi chính phủ (NGOs) cũng đã chứng tỏ tầm quan trọng của mình. Ngay cả các nhà khoa học có năng lực (được đào tạo cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu), làm việc cho các tổ chức phi chính phủ nói trên, vẫn cần phải thích ứng với các đòi hỏi mới. Các tổ chức phi chính phủ khác cũng sử dụng các nhà khoa học cho mục tiêu này.

Trong một bài tổng quan về lịch sử nghiên cứu tham dự, Rajesh Tandon đã chỉ ra sáu khuynh hướng đóng góp cho sự phát triển về lý luận và thực tiễn của nghiên cứu tham dự. Chúng tôi xin trích dẫn một đoạn trong bài nghiên cứu "Căn nguyên lịch sử và những thúc bách đương đại trong nghiên cứu tham dự" của Tandon (3):

"Trước hết và nổi bật nhất là sự tranh luận về mặt xã hội học của tri thức và những liên quan về sự hình thành môn khoa học luận trong quá trình văn minh hóa của nhân loại. Cuộc tranh luận này vẫn tiếp tục đưa ra vấn đề là tri thức của văn minh nhân loại được quy định bởi hoàn cảnh lịch sử (Habermas, 1968) (4), do vậy, nó lại do chính lịch sử nhân loại quy định. Những quan điểm lịch sử khác nhau của quá

trình biến đổi xã hội và sự đấu tranh nổ ra là nằm trong khuôn khổ này. Nổi tiếng nhất trong số các tư liệu này là các nghiên cứu của Subaltern. Những nghiên cứu của Subaltern đã thể hiện cách nhìn nhận xã hội, nhân loại và lịch sử nhân loại theo quan điểm của tầng lớp ngoài lề xã hội - việc làm, người nghèo đói và bị bóc lột - đối lập với hình thái cao nhất của tri thức được sáng tạo và liên kết lại trong quá trình lịch sử - theo quan điểm của những kẻ thống trị, vua chúa và của các đẳng cấp Bà La Môn.

Khuynh hướng lịch sử thứ hai xuất phát từ thực tiễn của các nhà giáo dục người lớn (adult educator) ở các nước phía Nam, đã kích thích quá trình liên kết rất cơ bản nhóm từ "Nghiên cứu tham dự". Tin tưởng vào tác dụng thực sự trong giáo dục người lớn (adult education) và trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho đối thoại bình đẳng giữa giáo viên và học viên, các nhà giáo dục người lớn đã hình thành một phương pháp luận của quá trình học tập và giáo dục, giúp học viên tự kiểm soát quá trình học tập của chính họ. Cùng một nhà giáo dục người lớn, nếu được đào tạo như các nhà chuyên môn và được bố trí vào nghiên cứu có hệ thống, đặc biệt liên quan đến các kết quả và sự can thiệp của chính họ, họ bắt đầu phải đối phó với mâu thuẫn đã bén rễ trong quá trình đào tạo của họ giống như là các nhà nghiên cứu. Xét từ giác độ là nhà nghiên cứu được đào tạo chuyên môn, họ bắt đầu xa rời vị trí học viên của mình, tạo ra sự kiểm soát riêng của họ lên quá trình nghiên cứu và giả bộ thực hiện nghiên cứu của họ theo cách mà ít hoặc không làm ảnh hưởng đến địa vị học viên của họ. Mâu thuẫn này đã dẫn đến việc tái hình thành, cả về lý thuyết lẫn thực hành, các quan điểm nghiên cứu làm sao để hòa hợp và thích ứng với những tiền đề thực tiễn của quá trình giáo dục người lớn. Vào những năm 1974 - 1975, cụm từ nghiên cứu tham dự lần đầu tiên được đưa ra và phổ biến thông qua nhóm các nhà giáo dục người lớn này và tiếp theo đó được xúc tiến thông qua Hội đồng quốc tế về Giáo dục người lớn, và các tổ

chức thành viên khu vực và quốc gia của nó trên toàn thế giới (Tandon, 1988) (5).

Khuynh hướng tồn tại song song thứ ba và sự hỗ trợ lẫn nhau cho các ý tưởng và thực tiễn của nghiên cứu tham dự, bắt nguồn từ nghiên cứu của Paulo Freire và Ivan Illich. Sự phê phán nền giáo dục trong các xã hội hiện đại của Illich và những cống hiến của Freire cho một phương pháp sư phạm đã trở thành cơ sở cho việc liên kết nghiên cứu tham dự như một quá trình giáo dục trong khuôn khổ giáo dục phổ thông. Một số đóng góp có liên quan đến chủ đề này vào cuối những năm 1960 và đầu những năm 1970 đã mở đường cho việc tăng cường các luận cứ của nghiên cứu tham dự (Freire, 1982) (6). Đặc biệt, quá trình nhận thức và quá trình giáo dục đã được liên kết lại, và bằng cách đó, khẳng định lại năng lực về nhận thức, học tập và phản ánh của con người. Điều này đã cung cấp thêm các lý lẽ mà các nhà giáo dục người lớn xúc tiến để ủng hộ nghiên cứu tham dự.

Một khuynh hướng khác tồn tại đồng thời trong một vài thập kỷ, đó là những đóng góp của nghiên cứu hành động (action research). Đặc biệt, nghiên cứu hành động đã không thừa nhận tính hoang đường của khái niệm tĩnh về nghiên cứu và điều tra. Nó biện hộ cho "hành động" như là cơ sở của quá trình học tập và nhận thức. Trở lại tác phẩm của Kurt Lewin, sự hình thành nghiên cứu hành động này được lặp lại ở châu Mỹ La tinh và dần dần trở thành cơ sở cho sự hình thành nghiên cứu hành động có sự tham dự (Fals Borda, 1985) (7). Nghiên cứu hành động nhấn mạnh khái niệm hành động như một mô thức của quá trình nhận thức, và bằng cách đó đưa lĩnh vực tri thức xâm nhập vào lĩnh vực thực tiễn. Trong tác phẩm của mình, Lewin viết "Nếu bạn muốn biết thực chất của sự vật như thế nào thì hãy thử biến đổi nó" (8).

Một khuynh hướng khác có đóng góp đáng kể của khoa học luận cho nghiên cứu tham dự, được xuất phát từ nghiên cứu của các nhà hiện tượng học (Solomon, 1987) (9). Những đóng góp này biện minh

kinh nghiệm như là cơ sở của quá trình nhận thức. Điều này đã nâng cảm xúc và cảm giác của con người thành những mô thức của quá trình hiểu biết cùng với hành động và nhận thức. Bằng cách đó, đóng góp của các nhà hiện tượng học (phenomenologists) đã mở rộng cơ sở của quá trình hiểu biết vượt ra ngoài cả nhận thức, các công việc được triển khai có ý nghĩa quan trọng như là một thực thể của tri thức và thực tiễn trong khuôn khổ của học tập bằng kinh nghiệm (Kolb, 1984) (10).

Cuối cùng, vào giữa và cuối những năm 1970, cuộc tranh luận về mẫu hình phát triển đã đặt vấn đề tham dự như là sự thay đổi có tính phê phán trong quá trình phát triển nhân loại - tham dự của nhân dân, tham dự của phụ nữ, tham dự cộng đồng, và tham dự của những ai đang nỗ lực cho sự phát triển của chính họ. Điều này là cần thiết để tránh sự thất bại của các đề án và các chương trình phát triển do các chuyên gia thiết kế theo cách tiếp cận từ trên xuống. Trong quá trình xúc tiến tham dự, một nguyên lý cơ bản giống như một khái niệm trung tâm trong phát triển, đó là yêu cầu sử dụng tri thức và các kỹ năng của những thành viên tham dự có phê phán và của các nhân vật trung tâm trong quá trình phát triển (Chambers, 1983; Oakley, 1991) (11, 12)".

Từ góc độ người nghiên cứu, dễ nhận thấy là có nhiều nghiên cứu đơn giản nhưng không thể thực hiện được nếu như quần chúng có liên quan không được tham dự. Mặc dù sự tham dự nghiên cứu của cộng đồng hiển nhiên là cái gì đó có lợi cho cả các thành viên cộng đồng và các nhà khoa học, việc nghiên cứu như vậy không nhất thiết bao hàm các mục đích hành động. Việc phổ biến các phương pháp tiếp cận tham dự trong nghiên cứu phát triển đã nhanh chóng lan rộng, đặc biệt từ những năm 1980. Một loạt các phương pháp tiếp cận được đưa ra với những nét tương đồng về phương pháp luận và các khái niệm như là: nghiên cứu tham dự, đánh giá tham dự, nghiên cứu các hệ thống canh tác, các quy trình đánh giá nhanh, nghiên cứu hành động có tham dự. Trong phần giới thiệu này, chúng ta sẽ xem xét các khái niệm

tham dự và nghiên cứu tham dự, đồng thời cũng xem xét mối quan hệ giữa nghiên cứu tham dự và nghiên cứu thông thường, các nhà nghiên cứu, các viện nghiên cứu và Nhà nước.

Tham dự cộng đồng

"Tham dự cộng đồng" là một nhóm từ bị nhiều người sử dụng sai ý nghĩa và do đó trở nên đa nghĩa. Cộng đồng là một nhóm người sống trong cùng một làng xã hoặc là những người hàng xóm láng giềng lân cận và do đó được tổ chức thành một thực thể cộng đồng hoặc thực thể xã hội. Tham dự là một quá trình của quần chúng cùng tham gia các hoạt động có mục đích cộng đồng (13).

Định nghĩa này được xem như rất rõ ràng, nhưng người ta có thể lập tức hỏi rằng: mục tiêu cộng đồng của những ai? Và điều này sẽ có các cách biểu thị khác nhau. Một cộng đồng bao gồm những người mà họ không nhất thiết phải cùng chia sẻ các lợi ích và các giá trị giống nhau, mà thường lại có những mâu thuẫn về lợi ích ở cả bên trong cũng như bên ngoài cộng đồng.

Thí dụ, trong quan hệ về sử dụng tài nguyên thiên nhiên, quan tâm của người chủ khai thác gỗ chỉ xoay quanh vào khả năng sinh lợi trong thời hạn ngắn, trong khi đó những người sống nhờ rừng thường xuyên thì tiêu chuẩn giảm thiểu khó khăn và khả năng chấp nhận của xã hội lại đóng vai trò quan trọng. Người phụ nữ trong làng sẽ được hướng dẫn trong hành động của họ, trước hết là do nhu cầu hàng ngày để làm sao nuôi dạy và chăm sóc chính gia đình họ. Những xung đột về quyền lợi đặc biệt có thể nảy sinh giữa người dân bản xứ và những người chỉ có quyền lợi tạm thời hoặc những người từ bên ngoài đến, thí dụ giữa những người nông dân trồng trọt với những chủ chăn nuôi du cư, hoặc giữa những người sử dụng rừng địa phương và các chủ khai thác gỗ. Những quyền lợi nào phải được ưu tiên, và bằng cách nào để có thể huy động được các hoạt động chung? Các ưu tiên này là của các nhà chức trách địa phương trong cộng đồng hay là của những người không

có quyền lực? Các ưu tiên này dành cho nam giới hay nữ giới? Các ưu tiên này dành cho những người không có ruộng đất hay cho những điền chủ? Các ưu tiên này do những người có chuyên môn xem xét (nhân viên chăm sóc sức khoẻ, các nhà chính trị quốc gia, các nhà kinh tế, các nhà môi trường) hay là do những người không chuyên nghiệp xem xét?

Có nhiều người đã viết về vấn đề này, nghĩa là có thể có nhiều quan điểm khác nhau về tham dự cộng đồng (14 -16). Một mặt, theo quan điểm thông thường thì tham dự cộng đồng được xem là một biện pháp để cải thiện việc đáp ứng các dịch vụ cần thiết. Bằng cách để dân chúng địa phương thực hiện các hoạt động đã được xác định trước, thì tất cả các dịch vụ có thể được mở rộng và được chấp nhận tốt hơn. Mặt khác, theo quan điểm của các nhà hoạt động xã hội thì tham dự cộng đồng được xem là một quá trình mà trong đó những người nghèo cùng làm việc để vượt qua những khó khăn và giành được nhiều quyền hạn hơn trong cuộc sống của họ. Quan điểm đầu nhằm vào các giá trị được chia sẻ và sự hợp tác giữa các cá thể ở mọi trình độ xã hội và giả thiết có tồn tại các lợi ích chung. Quan điểm thứ hai thừa nhận các mâu thuẫn xã hội về quyền lợi. Trong quan điểm này, đối thoại và nghiên cứu tham dự được sử dụng để tăng cường nhận thức và lòng tin của quần chúng và để trao quyền hành động cho họ. Quan điểm này bắt nguồn từ công việc của Paulo Freire (17) trong phong trào giáo dục người lớn và các nhà khoa học xã hội khác ở châu Mỹ La tinh như Fals Borda (18). Kinh nghiệm có được trong các hoạt động này có giá trị rất lớn, cho cả những người không quan tâm đến các hoạt động xã hội nhưng tán thành quan điểm xem phát triển là một quá trình biến đổi. Tham dự cộng đồng và nghiên cứu tham dự không phải là những quan niệm dung hoà và do vậy chúng có hệ quả riêng về định nghĩa, cách biểu thị, phương pháp thảo luận và cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, là phương pháp luận của tham dự và nghiên cứu tham dự.

Về quá trình tham dự trong lĩnh vực chăm sóc sức khoẻ, Katzenellenbogen và những người khác cho rằng: không có một quan

điểm đồng nhất và duy nhất về vai trò cộng đồng trong các chương trình giáo dục, dịch vụ xã hội và sức khoẻ. Những sự khác nhau trong cách tiếp cận tập trung vào việc đề xướng các hoạt động, vai trò của những nhà chuyên nghiệp và của quần chúng không có chuyên môn trong các hoạt động đó, các chiến lược được áp dụng để đạt các mục tiêu của đề án và định hướng tới các cấu trúc quyền lực đã được thiết lập (13).

Oakley trích dẫn các thí dụ về cách biểu thị khái niệm tham dự cộng đồng nhằm làm rõ tính đa dạng cũng như để tránh sự nhầm lẫn về các khái niệm này (19):

"1. Quá trình tham dự, nói theo nghĩa rộng, là quá trình tạo ra khả năng nhạy cảm của quần chúng và do vậy làm tăng khả năng tiếp thu và năng lực của quần chúng nông thôn nhằm đáp ứng các chương trình phát triển cũng như khích lệ những sáng kiến của địa phương.

2. Liên quan đến vấn đề phát triển, tham dự bao hàm việc thu hút quần chúng vào quá trình ra quyết định, thực hiện các chương trình, phân chia lợi ích trong các chương trình phát triển và lôi cuốn họ vào việc đánh giá các chương trình này.

3. Quá trình tham dự hướng tới những nỗ lực có tổ chức nhằm tăng cường kiểm soát các nguồn lực và các tổ chức điều hành trong những hoàn cảnh xã hội nhất định, kiểm soát các nhóm, các phong trào mà từ trước đến giờ vẫn nằm ngoài sự kiểm soát như vậy."

Susan Rifkin khi viết về tham dự cộng đồng đã luận giải rằng chúng ta không thể xem khái niệm tham dự như đã được thừa nhận. Người ta chỉ có thể hiểu được tham dự cộng đồng muôn nói gì nếu đặt ra các câu hỏi sau đây:

- Tại sao lại tham dự?

- Ai tham dự?

- Quần chúng tham dự như thế nào? (20)

Mc.Call phân biệt ba mức tham dự: tham dự như là một phương tiện để tạo ra các điều kiện dễ dàng cho việc thực hiện các can thiệp từ bên ngoài vào; tham dự như là một phương tiện để dung hoà trong quá

trình ra quyết định và tạo lập chính sách cho các can thiệp từ bên ngoài; và tham dự như là một mục đích tự thân - trao quyền cho các nhóm xã hội tiếp cận và kiểm soát nguồn lực và ra quyết định. Ở mức sau cùng, tham dự tự nó là mục đích chứ không phải là phương tiện, nó hàm ý sự chấp nhận mà quần chúng tự xác định và thay đổi các giải pháp cho các nhu cầu của họ trong một phạm vi rộng (21). Điều này muốn nói rằng các nhà nghiên cứu và phát triển cần giúp đỡ nhân dân địa phương để họ nâng cao năng lực kiểm soát những biến đổi trong môi trường của họ. Ở chương 2 chúng ta sẽ thấy những sự khác biệt sâu sắc này có những hệ quả cho việc tiếp cận mang tính phương pháp luận của nghiên cứu tham dự.

Như chúng ta đã thấy, các hình thức khác nhau của tham dự hàm ý nói đến các chương trình khác nhau và các phương pháp luận khác nhau. Tuy nhiên, thực tế có những lợi ích khác nhau và do vậy dẫn đến các cách luận giải khác nhau về khái niệm tham dự và đây là bước quan trọng đầu tiên giúp chúng ta tránh được những sai sót trong việc lựa chọn phương pháp luận. Người ta không quan tâm đến việc tìm hiểu cẩn kẽ để minh chứng rằng những khác biệt trong cách biểu thị là không tồn tại, bởi vì điều này có thể làm phương hại đến ý nghĩa của toàn bộ khái niệm. Một sự phát triển tương tự về nghiên cứu tham dự cũng được thấy trong lĩnh vực Chăm sóc sức khoẻ ban đầu (22).

Một thí dụ cụ thể về các cách tiếp cận khác nhau có thể dẫn chúng thông qua chiến dịch chống bệnh tả của UNICEF: Chương trình GOBI (23). Quần chúng được thông báo về các mục tiêu của chương trình (điều trị sự mất nước của trẻ mắc bệnh tả để giảm bớt mức tử vong ở trẻ sơ sinh) và được huy động cùng hợp tác. Đó là một chương trình điều trị tiếp nước qua đường miệng do cơ quan của UNICEF ở New York lập ra và phổ biến cho quần chúng thông qua việc tiếp thị xã hội, đào tạo các bà mẹ trong làng để họ thúc đẩy lẫn nhau thực hiện và để chuẩn bị Chương trình ORT (24). Công việc này đã thu hút

nguồn vốn, nhân lực và năng lượng mà chưa bao giờ được huy động đến trong các công việc khác. Một số người quả quyết rằng đó là một chương trình theo ngành dọc (25,26) và không dựa trên các ưu tiên của chính nhân dân. Họ mong muốn một chương trình tham dự theo diện rộng hơn. Trong quá trình tham dự như thế, quần chúng tự phân tích hoàn cảnh riêng của mình, xác định các ưu tiên của họ và tham gia với một tổ chức phi chính phủ (NGO) hay một tổ chức của chính phủ (GO) để biến đổi hoàn cảnh. Trong những trường hợp như vậy, họ sẽ là những nhân tố chính và không chỉ đơn thuần là người đóng góp. Những người khác lại đòi hỏi không nên phân biệt sự khác nhau giữa các chương trình có quần chúng tham dự, bởi vì hiệu quả tích cực lại ở chỗ, họ học hỏi được từ quá trình này phương thức để có thể tham gia như thế nào và nhận thức rằng họ sẽ không là người hoàn toàn bị mất quyền lực.

Mặc dù những người chủ trương các cách tiếp cận khác nhau này đều sử dụng một từ chung là "tham dự", họ vẫn dùng như muốn nói một điều gì khác. Cách biểu thị đầu tiên mang tính hợp tác (collaborative), trong khi đó cách biểu thị thứ hai lại là tham dự (participation) ở mức công bằng hơn. Chẳng hạn, một số người luận chứng cho sự khác biệt giữa khái niệm "sự tham dự cộng đồng (community participation)" và khái niệm "sự tham gia cộng đồng (community involvement)" (19). Quan niệm sau muốn nói lên tính cam kết tích cực hơn của cộng đồng: cộng đồng hợp tác với các nhà chuyên môn, họ đề xướng vấn đề và nhận trách nhiệm.

Các mức độ tham dự khác nhau nói trên bị ảnh hưởng bởi vai trò của Nhà nước, địa vị của các nhà chuyên môn, nghệ thuật lãnh đạo và kinh nghiệm về chính trị dân chủ. Một số các nhân tố này sẽ được trình bày trong các phần sau.

Có một sự nhầm lẫn chung về tham dự đó là một số người tích cực trong công việc này đã lý tưởng hóa các quan niệm về tham dự theo kiểu khuôn mẫu, họ cho rằng, kết quả tốt nhất trong một đề án

hoặc một nghiên cứu sẽ đạt được khi toàn bộ cộng đồng tham dự với tất cả nhiệt tâm của họ. Sẽ là một ý tưởng hão huyền nếu cho rằng sự tham dự đầy đủ có thể thực hiện được bởi mọi thành viên cộng đồng ở tất cả các giai đoạn của quá trình tham dự. Như chúng ta đã luận chứng ở trên, một cộng đồng không thể là một tập thể đồng nhất được.

Trong khuôn khổ của tài liệu này, chúng tôi không có ý định đưa ra câu trả lời kết thúc cho vấn đề đang thảo luận, nhưng cần phải lưu ý sự khác biệt này khi xem xét các dạng khác nhau của nghiên cứu tham dự. Có thể có sự khác biệt về hình thức và mức độ tham dự trong nghiên cứu và do vậy cũng có những chiến lược và những phương pháp luận khía cạnh khác nhau được sử dụng.

Nghiên cứu tham dự

Theo những luận cứ được nêu ra từ các mục nêu trên, chúng ta sẽ hiểu rằng: có nhiều hình thức nghiên cứu tham dự khác nhau, chúng bao hàm ngay từ bước đầu tiên của tham dự hướng tới sự thay đổi cơ bản về chính trị, đến quá trình tham dự để thu được các dữ liệu tin cậy; thay đổi từ quá trình tạo ra sự nhạy cảm để quần chúng hợp tác với nhau trong một chương trình đến việc đáp ứng nhiều hơn cho quần chúng quyền kiểm soát những phương tiện phục vụ họ. Nghiên cứu tham dự có nhiều dạng và nhiều mức độ: có thể là một hành động có định hướng và do cộng đồng khởi xướng (hoặc do các tổ chức phi chính phủ hoặc các tổ chức chính phủ hành động như là một tác nhân xúc tác). Trong trường hợp này, cộng đồng được xếp đặt theo các mức ưu tiên và luôn được tham gia trong toàn bộ quá trình, kể cả việc phân tích dữ liệu và hình thành chương trình hành động. Mặt khác, có một dạng nghiên cứu tham dự mang tính chiêu dọc nhiều hơn, ở đó nhà nghiên cứu hay viện nghiên cứu khởi xướng và tiếp xúc với cộng đồng để tạo được điều kiện dễ dàng cho nghiên cứu của họ. Cả hai hình thức nghiên cứu trên đều được gọi là nghiên cứu tham dự, nhưng rõ ràng là có thể rất khác nhau về tính chất. Vì vậy, một số đề án nghiên cứu

tham dự có thể rất khác nhau về yêu cầu đối với công cuộc phát triển và điều này cũng dẫn đến những cuộc thảo luận sôi nổi.

Viết về sự tham dự của nông dân (một trong các dạng quen thuộc nhất), Ashby chia chúng ra thành bốn hình thức như sau:

1. Hình thức hợp đồng (contract): nhà khoa học hợp đồng với nông dân để cung cấp các dịch vụ;
2. Hình thức tư vấn (consultative): các nhà khoa học hỏi ý kiến nông dân về các vấn đề trớ ngại của họ và sau đó đưa ra các giải pháp;
3. Hình thức hợp tác (collaborative): các nhà khoa học và nông dân hợp tác với nhau như là các thành viên cùng tham gia vào quá trình nghiên cứu;
4. Hình thức hiệp hội (collegiate): các nhà khoa học tăng cường nghiên cứu không độc lập phi hình thức và phát triển hệ thống hiện có ở các vùng nông thôn.

Các nhà chính trị địa phương, các đại diện cộng đồng và đội ngũ nhân viên đề án như đã đề cập ở chương trước, đóng vai trò quan trọng sống còn đối với các khả năng trong tham dự, và có ảnh hưởng quyết định đến kết quả của công việc (28). Trong bốn hình thức nêu trên của Ashby, có sự phân biệt rõ giữa hình thức 1 và ba hình thức sau (2,3 và 4). Hình thức đầu đặc trưng hơn cho cách tiếp cận dọc, trong khi đó ba hình thức sau có đặc tính chiêu ngang hơn.

Hình thức tiếp cận hợp tác hoặc hiệp hội trong nghiên cứu tham dự tương phản rõ ràng với cách tiếp cận kiểu hợp đồng nghiên cứu thông thường. Ở hình thức hợp đồng nghiên cứu các thành viên của cộng đồng được đối xử như những đối tượng thụ động. Trong hình thức hợp đồng, chỉ có một số ít tham dự vào phạm vi làm chủ đề án và thu nhận kết quả. Trong khi đó, trong nghiên cứu tham dự hợp tác (collaborative participatory research) và thậm chí cả nghiên cứu kiểu hiệp hội, một số quần chúng trong tổ chức hoặc trong cộng đồng thuộc phạm vi nghiên cứu, tham gia tích cực với nhà nghiên cứu suốt trong quá trình nghiên

cứu, từ phác thảo đề cương ban đầu đến việc trình bày kết quả cuối cùng và thảo luận các vấn đề có liên quan đến hành động của họ.

Nghiên cứu tham dự hợp tác là dạng nghiên cứu ứng dụng, nhưng nó cũng tương phản với dạng thông thường của nghiên cứu ứng dụng, trong đó các nhà nghiên cứu phục vụ như các chuyên gia chuyên nghiệp trong việc phác thảo đề án, thu thập dữ liệu, giải thích kết quả và chỉ dẫn hành động cho cộng đồng hoặc khách hàng. Trong nghiên cứu tham dự, một số thành viên của cộng đồng nằm trong phạm vi nghiên cứu được gắn với nhiệm vụ tìm kiếm thông tin và ý tưởng để hướng dẫn cho các hành động tương lai của họ (29).

Nói một cách lý tưởng, nghiên cứu tham dự là cùng nhân dân, vì nhân dân và không phải là đứng trên nhân dân. Điều này có nghĩa là các đại diện của dân và các cán bộ phải có đủ năng lực để tham gia như là các nhóm hướng dẫn trong nghiên cứu tham dự, ngay từ khi bắt đầu, tại thời điểm quyết định về đối tượng của nghiên cứu. Họ cần phải tham gia ở mọi thời điểm của quá trình cho đến khi các kết quả được công bố và thông tin được đưa trở lại với quần chúng theo nhiều đường khác nhau. Điều đó khác với kiểu nghiên cứu thông thường mà ở đó người quan sát (bị tách biệt) đề xướng và đảm đương trách nhiệm đối với công việc, đôi khi kèm theo các mục đích cá nhân khác (như sự tiến bộ trong khoa học, sự thăng tiến hay uy tín cá nhân). Trong bước đầu, sự thừa nhận của xã hội về tri thức không chỉ bằng cách đương đầu với các ý tưởng và giả thuyết trước đó, mà còn thông qua các cơ chế thừa nhận của chính quần chúng (30). Tất cả các nhân tố này làm thay đổi mối quan hệ giữa nhà nghiên cứu và kết quả nghiên cứu, điều này một lần nữa đưa chúng ta trở lại cuộc tranh luận trước đây về tham dự.

Nghiên cứu tham dự còn lôi cuốn các nhà thực tiễn vào quá trình nghiên cứu, từ đề cương ban đầu của đề án, qua quá trình thu lượm số liệu và phân tích đến những kết luận cuối cùng và hành động được đưa ra từ nghiên cứu (31).

Như vậy, ngoài những điểm khác nhau về tính chất của nghiên cứu tham dự, chúng ta còn thấy rằng có những giai đoạn khác nhau của quá trình nghiên cứu mà trong đó có vai trò của tham dự. Trong chương 2 sẽ mô tả chi tiết hơn về các giai đoạn khác nhau này.

Quan hệ với nghiên cứu thông thường

Giới nghiên cứu (bao gồm các viện nghiên cứu và những người làm việc ở đó) có những lợi ích riêng của mình. Mặc dù nhiều viện nghiên cứu có thể có nguồn trợ cấp cơ bản, họ vẫn bị phụ thuộc vào các hợp đồng nghiên cứu vì sự sinh tồn của họ. Những hợp đồng này có thể là các chương trình nghiên cứu dài hạn, các đề án ngắn hạn, hoặc thậm chí là các dịch vụ tư vấn ngắn hạn. Điều này là đúng đối với các viện nghiên cứu ở các nước phát triển, đặc biệt là ở các nước đang phát triển. Ở một số nước nghèo, do không có những nguồn lực riêng nên các nhà nghiên cứu hoàn toàn phụ thuộc vào các tổ chức tài trợ và do đó phụ thuộc vào chương trình làm việc, triết lý, phương pháp luận và các ưu tiên của người tài trợ.

Tri thức và điều kiện tiếp cận thông tin là vốn liếng của nhà khoa học. Chúng ta cho rằng một nhà doanh nghiệp không bao giờ ban phát nguồn vốn của họ là một điều hết sức bình thường, nhưng nhà khoa học lại cần phải phổ biến tri thức và thông tin của họ. Về cơ bản, điều này đối lập với lợi ích riêng của chính họ và nghiên cứu tham dự, trong đó sự kiểm soát một chương trình nghiên cứu (các ưu tiên, nguồn vốn, sự đánh giá) được chia sẻ với người khác, không phải là ưu tiên đầu tiên đối với hầu hết các viện nghiên cứu.

Hơn nữa, các viện nghiên cứu trong xã hội đều phản ánh và tái sản xuất những quan hệ quyền lực hiện hành đem lại cho các viện này một cơ sở ổn định vững chắc. Phân tích về các chương trình nghiên cứu quốc tế thấy rằng các viện nghiên cứu ở các nước nghèo phụ thuộc rất lớn vào các viện nghiên cứu ở các nước giàu (32-35). Cũng như vậy, những người không chuyên nghiệp ở các nước đang phát triển lại

phụ thuộc vào các nhà chuyên môn trong nước họ (kể cả các nhà nghiên cứu). Người ta không thể trông đợi những quan hệ này sẽ đột nhiên thay đổi chỉ nhờ áp dụng phương pháp nghiên cứu tham dự.

Nhiều nhà nghiên cứu không hài lòng với nghiên cứu tham dự bởi họ cho rằng nó không mang tính khoa học thực sự và chất lượng của nó thấp. Các viện nghiên cứu hết sức quan tâm khi đánh giá các kết quả của họ có vị trí hàng đầu về mặt khoa học. Đối với hầu hết các viện nghiên cứu, việc có một bài đăng trong các tạp chí khoa học nổi tiếng được xem là quan trọng hơn việc có những báo cáo bình dân, thú vị mà các tổ chức phi chính phủ có thể dùng được.

Mark Nichter (36) nhấn mạnh rằng có một nhu cầu khoa học to lớn đối với nghiên cứu tham dự. Ông nhấn mạnh một sự thật là quan điểm của nhiều nhà khoa học đã hoàn toàn bị đảo lộn bởi vì họ không làm việc theo phương pháp tham dự. Thí dụ, trong lĩnh vực chăm sóc sức khoẻ, ông viết: "Điều gì sẽ xảy ra nếu xem xét hệ thống chăm sóc sức khoẻ ban đầu từ dưới lên theo quan điểm cho rằng các trung tâm sức khoẻ tồn tại bên ngoài cộng đồng cả về mặt văn hoá cũng như về mặt tự nhiên".

Cũng có thể đưa ra những ví dụ tương tự về các nghiên cứu trong nông nghiệp. Whyte phân tích: "Việc đột phá vào khâu tạo giống cây trồng của cuộc "cách mạng xanh" trong những năm 1960, tạo ra nhiều loại ngũ cốc có năng suất cao, đã dẫn tới những tiến bộ to lớn trong sản xuất lương thực ở một số nước; còn một số nhà phê bình lại nhận xét, công nghệ mới có xu hướng làm lợi cho một số người sản xuất mà họ đã có những vị trí khá thuận lợi ở nông thôn, nhưng đối với đại bộ phận nông dân lại chẳng cải thiện được bao nhiêu cho họ, thậm chí trong một số trường hợp còn có tác động tiêu cực: mất việc làm và tập trung đất đai" (33). Whyte nhấn mạnh đến nhu cầu cho một chiến lược mới trong nghiên cứu nông nghiệp. Ngày càng có nhiều hơn các nhà nghiên cứu thấy rõ nhu cầu về các phương pháp luận mới và những cách tiếp cận mới trong nghiên cứu phát triển.

Tuy nhiên, hầu hết kinh nghiệm về nghiên cứu tham dự lại xuất phát từ phía các tổ chức phi chính phủ và họ không cần các bài công bố màu mè về các hoạt động của họ. Điều này muốn nói rằng rất nhiều kinh nghiệm về phương pháp luận có giá trị của họ không được phổ biến. Gần đây đã có sự quan tâm đáng kể trong nghiên cứu tham dự và ngày càng có thêm các hoạt động liên kết được phát triển. Các viện nghiên cứu cũng như các tổ chức phi chính phủ đang được thu hút vào các mạng (networks) liên kết này.

Những nhận xét này rất quan trọng đối với ai cho rằng nghiên cứu tham dự có thể góp phần cơ bản cho việc phát triển. Trước hết, người ta không thể trông mong rằng tất cả các nhà nghiên cứu đều có khả năng làm việc theo phương pháp này. Họ chỉ thích duy trì quyền kiểm soát của họ đối với toàn bộ quá trình và quyết định về các ưu tiên, các phương pháp luận và các kết quả. Nhân tố thứ hai cần lưu ý là một số trong các sản phẩm tốt nhất của nghiên cứu tham dự vẫn chưa từng được công bố giống như chúng không tồn tại. Nếu nghiên cứu tham dự được đóng một vai trò cơ bản hơn trong nghiên cứu phát triển thì chúng ta cần phải quan tâm đến một sự thực là nó phải có tính pháp lý nhiều hơn để hấp dẫn các khoa học và để làm cho nó trở nên quan trọng đối với các tổ chức phi chính phủ giúp họ tiến thêm trong lĩnh vực này.

Quan hệ với Nhà nước

Một nhân tố quan trọng khác ảnh hưởng đến các khả năng hoạt động của nghiên cứu tham dự là hoàn cảnh chính trị. Một trong các tác giả của tài liệu này, trong khi đang làm việc ở Guatémala vào năm 1980, đã bị những người lính giám sát trong mỗi cuộc thăm viếng các làng để thảo luận về các ưu tiên của nông dân. Trong hoàn cảnh như vậy, những người nông dân tất nhiên phải nói một cách miến cưỡng. Trong một đề án nghiên cứu về thói quen dinh dưỡng ở Indonesia vào

năm 1981, nhà chính trị địa phương đã yêu cầu được xem các bảng điều tra trước khi tiến hành nghiên cứu. Ông ta đề nghị rằng mọi câu hỏi về sự đói khát cần phải được loại bỏ vì lý do chúng có thể dẫn đến sự suy diễn của nông dân ở Java.

Tham dự là một khái niệm có thể được xem xét trong một bối cảnh dân chủ rộng hơn, và vì vậy, khái niệm này cũng có hệ tư tưởng của nó. Các diễn đàn để thảo luận về các nhu cầu và những giải pháp của chúng là cần thiết. Nếu không có chúng thì quá trình tham dự sẽ khó khăn. Và khi sự tham dự gặp khó khăn thì nghiên cứu tham dự cũng trở nên khó khăn hơn.

Ở các nước mà các tổ chức phi chính phủ không tồn tại hoặc họ bị kiểm soát gắt gao, nghiên cứu tham dự sẽ gặp nhiều khó khăn hơn so với những nước có các diễn đàn trao đổi ý kiến và các quan điểm tự do tồn tại. Điều này cần phải được lưu ý khi cố gắng thực hiện nghiên cứu tham dự ở những nước này. Chỉ có khả năng qua các nhà lãnh đạo địa phương, những người có khả năng quyền lực để chống lại sức ép từ trung ương và những người nhận thức được rằng có một tiềm năng phong phú trong dân chúng mà họ cần đề cập đến.

Những nội dung của tài liệu này

Rõ ràng là không có những quy tắc nghiêm ngặt cho phương pháp luận tham dự và còn những ý kiến rất khác nhau về một phương pháp luận đúng. Chúng tôi không có ý định muốn thuyết giáo về cảm nang của nghiên cứu tham dự và đưa ra một phương pháp luận duy nhất. Tiến hành nghiên cứu tham dự thậm chí còn có ích hơn là nói về quan điểm cho một phương pháp luận. Theo ý nghĩa đó Rahman viết rằng nghiên cứu tham dự là một môn triết học và là một kiểu làm việc với quần chúng để xúc tiến việc trao quyền lực cho quần chúng (30). Nhận thức rằng quần chúng có hiểu biết và sự từng trải riêng của họ và họ cần có một vị trí trong quá trình nghiên cứu, đó là bước quan trọng đầu tiên. Bước tiếp theo, cần nhận thức việc biện minh cho khoa học

nghi thức đã sinh ra những sản phẩm có hiệu quả xa lánh đại bộ phận dân chúng, và nằm ngoài sự hiểu biết các chính sách cũng như những tác động lên cuộc sống hàng ngày. Ngay khi có những thiện ý thực hiện nghiên cứu tham dự và bước khởi thủy ngà khoa học, điều có ích là xem xét một số ví dụ. Những nhà khoa học khác đã làm như thế nào? Các tổ chức phi chính phủ, các chính phủ hoặc phong trào nhân dân có làm nghiên cứu như vậy không?

Trong tài liệu này, ở Chương 2 sẽ trình bày một số bài đã được nêu ở trên và sẽ đưa ra một sự phối hợp riêng để chứng minh một số vấn đề về phương pháp luận có thể đã được thử nghiệm trong nghiên cứu tham dự.

Trong phần hai của tài liệu (Chương 3) sẽ trình bày các ví dụ về nghiên cứu tham dự. Chúng sẽ mô tả một số các nhận xét chung và các nhận xét về phương pháp luận đã thực hiện. Chúng tôi cố gắng chọn các thí dụ về các đề án từ các khu vực và lục địa khác nhau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Edwards M. Tính không thích hợp của các nghiên cứu phát triển. Tập chí Thế giới thứ ba, ra hàng quý, số 11, 1989, trích của G. Huizer, "Nghiên cứu hành động và tham dự của quần chúng". Luận văn đặc biệt số 19. Nijmegen 1989, trang 1.
2. Bản tin FTP, số 23, 2/1993.
3. Tandon R. Căn nguyên lịch sử và các thúc đẩy đương đại trong nghiên cứu tham dự, các vấn đề liên quan đến chăm sóc sức khoẻ. Luận văn ở Trung tâm nghiên cứu Liverpool về Nghiên cứu tham dự, 9/1993.
4. Habermans J. Nhận thức và lợi ích của nhân loại. Boston, Beacon, 1971.
5. Tandon R. Biến đổi xã hội và nghiên cứu tham dự. Xã luận trong số đặc biệt. Tập chí Hội tụ. Tập XXI, các số 2,3.
6. Freire F. Sáng tạo các phương pháp nghiên cứu thay thế. Trong sáng tạo và nhận thức: một sự độc quyền, 1982.
7. Fals Borda. Nhận thức và quyền lực của nhân dân. New Dehli. Viện Xã hội học Án Độ, 1985.
8. Lewin K. Xem xét các mâu thuẫn xã hội: New York, Harper, 1958.
9. Solomon RC. Từ Hêghen đến học thuyết sinh tồn. New York. Oxford University Press, 1987.
10. Kolb DA. Nhận thức kinh nghiệm. Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall, 1984.
11. Chambers R. Phát triển nông thôn. London Longman Press, 1983.
12. Oakley P. Các đề án với nhân dân, ILO, Geneva 1991.
13. Katzenellenbogen JM, Pick WM, Hofman M, Weir G. Tham gia cộng đồng trong đề án sức khỏe cộng đồng. Mamre, S.Afr Med J 1988; 74: 335-38.
14. Huizer G. Phát triển cộng đồng, cải cách ruộng đất và tham dự chính trị Sharin T. Nông dân và các xã hội nông dân. London, 1971.
15. Wolfers I. Những bệnh nhân không biên giới - Đàm luận về thị trường sức khoẻ. Amsterdam. VU. University Press, 1990.
16. Annet H., Nickson PJ. Cuốn hút cộng đồng vào chương trình sức khoẻ: tại sao lại cần thiết? Trop Doctor, 1991, 21: 3-5.
17. Freire P. Giáo dục học về sự áp bức, New York Seabury Press, 1968.
18. Fals Borda O. Khoa học và nhân dân. Dubell FAO. Nghiên cứu vì nhân dân, nghiên cứu với nhân dân. Linkopphng Sweden, 1981.
19. Oakley P. Cuốn hút cộng đồng trong phát triển sức khoẻ: một sự kiểm tra các vấn đề phê phán. Geneve, WHO, 1989.
20. Rifkin S. Tham dự cộng đồng trong các chương trình gia đình, sức khoẻ trẻ em và bà mẹ. Geneve, WHO, 1990.
21. McCall. M. Các hệ thống giáo dục bản xứ như là cơ sở của tham dự: các tiềm năng Đông Phi. Working paper số 36. University of Enschede, 1987.
22. Wolffers I. Văn hoá và phát triển trong chăm sóc sức khoẻ. Chúng ta cần một quan niệm mới về chăm sóc sức khoẻ ban đầu. Văn hoá. Phát triển và thông tin. W.A Shadid, PJM Nas, Leiden, Centre of Non-Western Studies, 1993: 90-100.
23. Taylor C., Jolly R. Những con rối của chăm sóc sức khoẻ ban đầu. Soc Sci Med. 1988; 26: 971-7.
24. Wolffers I., Nelson O. Chăm sóc sức khoẻ ban đầu và bệnh tả. Amsterdam VU-University Press, 1991.
25. Wisner B. GOBI Versus PHC. Một số nguy hiểm của chăm sóc sức khoẻ ban đầu chọn lọc. Soc Sci Med, 1988, 26: 963-9.
26. Banerji D. Hidden Menace of the universal child immunization program Jnt.J of Health Serv 1988; 18: 293-9.
27. Ashby JA; Quiros CA. Riversa YM. Tham dự nông dân trong các cố gắng. Hành chính nông nghiệp. (Nghiên cứu và triển khai) Network Discussion Paper 22.ODI, London, 1987.
28. Merrill Sands D, Biggs SD, Kean S, Poats S, Mc Allister J, Moscardi E, Ruands S, Phương pháp luận cho nghiên cứu INSAR về vấn đề tổ chức và quản lý. Nghiên cứu nông dân, INSAR, The Hague, 1986.
29. Whyte WF. Nghiên cứu hành động tham dự. London, 1991, P.20.

30. Fals Borda O, Anisur Rahman M. Hành động và nhận thức. New York Apex Press, 1991, P.149.
31. Lammerink MP. Participatief actieonderzoek met rijstboeren, steenbakkers en vissersvolk. Thesis Nijmegen, 1993; p.3.
32. Ngân hàng thế giới. Báo cáo phát triển thế giới: Đầu tư vào sức khoẻ Oxford University Press, 1993.
33. Whyte WF. Tiếp cận tham dự vào nghiên cứu và phát triển nông nghiệp. Cosnele University New York, 1987.
34. Nhiệm vụ nghiên cứu sức khoẻ cho phát triển. Nghiên cứu sức khoẻ. Oxford University Press, 1990.
35. Maun J, Tarantola DJM, Netter TW; AIDS trên thế giới. Báo cáo toàn cầu. Harward University Press, Cambridge, 1992.
36. Nitcher M. Đề án chẩn đoán cộng đồng. Nghiên cứu tham dự, bước đầu tiên đi đến cuốn hút cộng đồng vào chăm sóc sức khoẻ ban đầu. Soc Sci Med. 1984; 19: 237-52.

2. Các khía cạnh phương pháp luận của nghiên cứu tham dự

Nhu đã được đề cập trong phần giới thiệu, một số cách giải thích về nghiên cứu tham dự có thể dẫn đến các phương pháp luận khác nhau. Ở đây chúng tôi không nhằm đưa ra một phương pháp đúng, mà chỉ muốn làm sáng tỏ cách tiếp cận, những khả năng và những khó khăn trong nghiên cứu tham dự.

Phương pháp luận của nghiên cứu tham dự có thể bắt đầu từ quá trình giải phóng cộng đồng. Quá trình này đòi hỏi các phương tiện (bao hàm cả nghiên cứu) để phục vụ các nhu cầu và ưu tiên của họ (trong trường hợp này, cộng đồng nắm quyền chủ động). Nếu một cộng đồng muốn được tham dự và muốn có khả năng để trở thành những người cùng tham gia trong các cuộc thảo luận về các quyết định có liên quan đến định hướng cuộc sống của họ thì các nhà nghiên cần hợp tác với dân chúng: giúp đỡ họ xác định các ưu tiên, sử dụng sự hiểu biết và sự từng trải của cộng đồng, lôi cuốn họ vào quá trình ra quyết định về các chính sách có thể làm thay đổi cuộc sống của họ (trong trường hợp này, các nhà nghiên cứu nắm quyền chủ động). Sự tách biệt hai trường hợp nói trên có vẻ phi thực tế, người ta cũng nói đến sự kết hợp hai khả năng này. Tuy nhiên, khi xem xét từ cả hai góc độ, người ta thấy rằng, những tách biệt nói trên có thể dẫn đến hai loại phương pháp luận. Loại thứ nhất là quá trình động viên xã hội (mà hầu hết là do các tổ chức chính trị hoặc các tổ chức phi chính phủ đề xướng), trong đó cộng đồng phát triển các kỹ năng và tìm ra con đường của mình thông qua các thủ tục hành chính để có được tri thức, thông tin, và để được tham dự vào quá trình ra quyết định. Loại thứ hai - các nhà nghiên cứu tìm kiếm con đường tốt nhất để lôi cuốn quần chúng vào quá trình phát triển cộng đồng.

Nghiên cứu là gì?

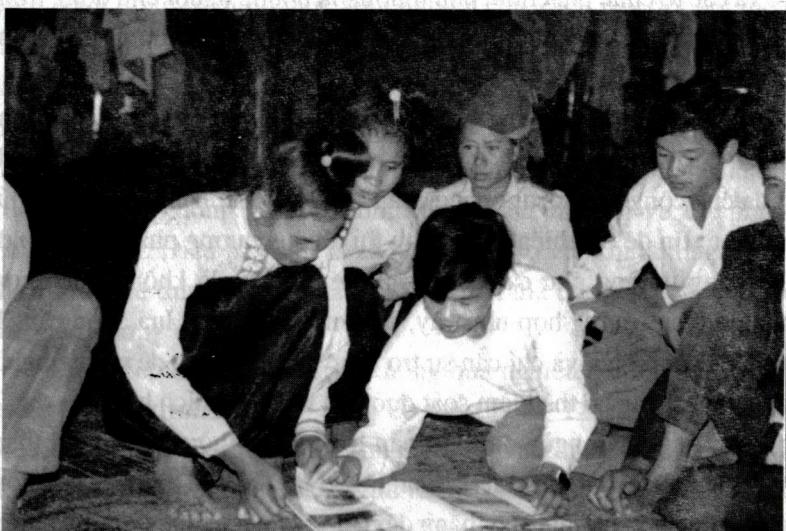
Có một số phương pháp để giải quyết vấn đề thực tiễn. Để tồn tại, con người cố gắng dự đoán và tác động lên những gì đang xảy ra. Trong một bài nghiên cứu, Malinowski đã mô tả phép thuật, tôn giáo và khoa học là ba phương pháp đặc trưng (1), trong đó, khoa học được xem là phương pháp dân chủ nhất, bởi vì nó không cần đến một đức tin sẵn có trong mô hình giải thích, hoặc một sự khởi đầu và một tiếp cận nào đó tới các lực lượng siêu tự nhiên. Khoa học chỉ đơn thuần là một quá trình, bao gồm: kiểm nghiệm các giả thuyết (nghiên cứu), thiết kế các kiểm nghiệm hoặc thử nghiệm này, mô tả quá trình tiến hành để người khác cũng có thể lặp lại thử nghiệm, và cuối cùng là thảo luận các kết quả nghiên cứu với các nhà khoa học khác và với xã hội, nơi mà các kết quả nghiên cứu sẽ được sử dụng.

Từng bước ở quá trình nêu trên đều phải có khả năng kiểm soát và lập lại được. Nghiên cứu tham dự không có gì khác các quy tắc cơ sở nêu trên và các bước cơ sở này cũng được thấy trong nghiên cứu tham dự, như:

1. Có nhu cầu cần nghiên cứu dẫn đến vấn đề nghiên cứu.
2. Một phương pháp (thiết kế) - được hiểu là cách thức thu thập dữ liệu cần thiết để trả lời được vấn đề đặt ra (có nhiều phương pháp và thiết kế, chúng khác nhau về chất lượng và số lượng). Tất nhiên có những nguyên tắc để thu được dữ liệu có giá trị và tin cậy.
3. Thu thập các dữ liệu (chất lượng của công việc này cần được kiểm tra thường xuyên).
4. Phân tích dữ liệu (làm rõ ý nghĩa trong bối cảnh các câu hỏi nghiên cứu đặt ra), và
5. Làm báo cáo các kết quả liên quan.

Xem xét các điểm nêu trên cũng có sự khác biệt giữa nghiên cứu thông thường và nghiên cứu tham dự. Sự khác biệt quan trọng nhất, có thể là trong nghiên cứu tham dự, các câu hỏi nghiên cứu và các ưu tiên

được dựa trên cơ sở các nhu cầu của cộng đồng và được hình thành bởi chính cộng đồng.



Cộng đồng trao đổi về mô hình phát triển nông-lâm nghiệp bền vững tại vùng núi cao tỉnh Sơn La

Do vậy, *giai đoạn đầu tiên* là giai đoạn quan trọng nhất trong cả quá trình. Đó là bước xác lập các ưu tiên và ấn định các mục tiêu. Ở bước này, người ta có thể thấy được mức độ tham dự trong phương pháp luận như là một chỉnh thể. Một số nhà khoa học có thể đưa ra hai hoặc ba đề xuất nghiên cứu và tư vấn cho cộng đồng về đề xuất thích hợp nhất để nghiên cứu. Phải chăng có thể gọi đó là nghiên cứu tham dự? Mặt khác, bạn cũng có thể tổ chức một hội thảo cộng đồng, trong đó thành viên cộng đồng đưa ra các ưu tiên và yêu cầu các nhà nghiên cứu tiến hành nghiên cứu để tìm ra các giải pháp. Điều này chỉ có thể làm được nếu có sự hiểu biết chung ngay từ đầu giữa cộng đồng và các nhà nghiên cứu về các mục tiêu, hình thức của hợp tác và vai trò của các bên tham gia. Việc thông tin giữa cộng đồng và những người ngoài cộng

đồng có thể gặp những điều bất ngờ. Do vậy, đôi khi thật khó khăn để nhận ra sự khác nhau giữa hai cách tiếp cận nêu trên, vì các nhà khoa học và các tổ chức phi chính phủ thường là những người chủ động trong quá trình thông tin và họ thường khó che dấu được chương trình định trước của họ.

Giai đoạn thứ hai của nghiên cứu là triển khai thực tế đề cương nghiên cứu. Trong nghiên cứu tham dự, nếu muốn đạt được sự tham dự tối đa của cộng đồng trong việc chẩn đoán vấn đề, nâng cao nhận thức và tính tự tin để cải thiện hoàn cảnh thì nhiều phương pháp thu thập dữ liệu thông thường như các bảng câu hỏi điều tra là không thích hợp. Trong những trường hợp như vậy, phương pháp được lựa chọn cần: 1) tương đối đơn giản và chỉ cần sự trợ giúp của trực giác để những người trong cộng đồng có thể kiểm soát được và khuyến khích họ tham dự; 2) nhanh chóng ngăn ngừa được sự nản lòng và sự thờ ơ của người tham dự; 3.) nhằm vào sự hiểu biết chỉ những gì thật sự cần thiết; 4) bao gồm những cuộc họp nhóm căng thẳng để nâng cao nhận thức và trách nhiệm chung. Các bảng câu hỏi điều tra không hẳn là hoàn toàn không sử dụng được, nhưng chúng cần được dựa trên các câu hỏi của cộng đồng (phản ánh các ưu tiên và dùng ngôn ngữ địa phương của họ). Thí dụ, người ta có thể thiết kế một bảng câu hỏi điều tra, làm nghiên cứu thử với bảng câu hỏi này và thảo luận với cộng đồng xem những điểm nào là tốt và những điểm nào là không tốt. Các thành viên cộng đồng có thể sử dụng bảng câu hỏi này để tiến hành các cuộc phỏng vấn.

Điểm trọng tâm cần chú ý trong nghiên cứu tham dự là sự khác nhau trong nhận thức và phân tích vấn đề giữa những người ngoài cộng đồng có kiến thức khoa học và các thành viên trong cộng đồng. Trong việc nghiên cứu như vậy có một vai trò cơ bản là cần phải liên hệ với các nhu cầu, và việc chẩn đoán có sự tham dự. Điều này cũng đồng thời đặt nền móng cho sự tham dự tiếp theo của cộng đồng trong các hoạt động khác.

Việc thu thập số liệu thực tế cũng có thể được thực hiện theo phương pháp tham dự. Trong trường hợp này, thực chất là các thành viên cộng đồng tự mình thực hiện nghiên cứu, điều này đòi hỏi một sự cam kết đáng kể về phía cộng đồng. Rõ ràng là đề cương nghiên cứu cần phải thích hợp để trả lời các câu hỏi nghiên cứu của họ. Trong nghiên cứu mà ở đó quần chúng được hỏi về quan điểm, thái độ, phong tục, sự hiểu biết và cách ứng xử thì một phương pháp luận tốt sẽ cuốn hút cộng đồng vào việc hình thành các câu hỏi và các phương pháp tốt nhất. Điều này còn đi xa hơn nhiều so với khi làm nghiên cứu thử (pilot) để tìm ra những vấn đề thực tiễn mà các nhà nghiên cứu có thể phải đương đầu.

Phân tích dữ liệu thu được thông qua nghiên cứu là một lĩnh vực mà ở đó quá trình tham dự cũng có thể xảy ra. Tất nhiên nó thay đổi theo đề án nghiên cứu cụ thể, nhưng cần phải nhận thức rằng những kết quả do các nhà nghiên cứu tìm ra theo phương pháp thông thường vẫn cần phải chuyển giao cho cộng đồng. Trong khi đó, những kết quả do chính các thành viên cộng đồng tìm ra thì không cần sự chuyển giao và chúng sẽ có ảnh hưởng nhiều hơn. Một số phương pháp luận tự chúng đảm bảo việc thu hút cộng đồng vào quá trình này. Thí dụ, việc phân tích tình hình làng xã đã được thực hiện ở một số làng phía Đông-Bắc Thái Lan là một ví dụ tốt. Dân làng cùng nhau lập một bản đồ về làng của họ và cung cấp các dữ liệu đầu vào - đầu ra (về tài chính, sản phẩm và con người). Trong khi thông tin này đang được cung cấp, thì việc phân tích ý nghĩa của nó cũng được tiến hành. Một số thí dụ khác sẽ được trình bày trong phần giới thiệu về đánh giá nông thôn tham dự (Chương 2).

Phương pháp làm báo cáo cũng là một điểm khác biệt cơ bản giữa nghiên cứu thông thường và nghiên cứu tham dự. Các nhà nghiên cứu thường có thể báo cáo ngay đến đồng nghiệp và các nhà tài trợ nghiên cứu của họ. Đôi khi họ không được đào tạo viết báo cáo một

cách toàn diện. Những báo cáo của họ thường khó đọc và sử dụng các thuật ngữ chuyên môn làm khó chấp nhận đối với những người ngoài cuộc. Điều này làm cho các cuộc thảo luận dân chủ về các kết quả nghiên cứu gặp khó khăn. Những báo cáo như vậy chỉ nên thực hiện riêng đối với các nhóm chuyên môn, trong trường hợp đó, ngay cả các nhà tài trợ cũng có thể bị phụ thuộc vào phương pháp truyền đạt và giải thích của các nhà chuyên môn. Nghiên cứu tham dự dễ nhận thấy như là một dạng nghiên cứu mà trong đó các kết quả được trình bày theo cách mà những người không có chuyên môn khoa học có thể tham dự vào các cuộc thảo luận. Điều này có thể có ít uy tín về mặt khoa học nhưng lại thỏa mãn nhiều nhu cầu và đó là phương pháp kiểm tra tốt về giá trị và tính thoả đáng của kết quả.

Trong nghiên cứu tham dự, nhiều phương pháp và thủ tục được kết hợp với nhau để hệ thống hoá tri thức và dữ liệu mới theo trình độ nhận thức chính trị và khả năng hiểu được các thông điệp dưới dạng văn bản, lời nói hoặc hình ảnh cho các nhóm cơ sở hoặc quần chúng nói chung. Như vậy, có ba mức thông tin được thiết lập tùy thuộc vào việc thông điệp và tri thức đã được hệ thống hoá có được gửi đến đó là: quần chúng địa phương (đôi khi chỉ mới biết chữ); các cán bộ; và các nhà trí thức.

Theo Fals Borda, một nhà nghiên cứu tham dự giỏi phải có khả năng đưa ra được cả ba mức thông tin nêu trên với cùng một thông điệp dưới nhiều dạng khác nhau, như: viết, nghe hoặc nhìn. Điều đó bao hàm cả việc sử dụng hình ảnh, âm thanh, hội họa, điệu bộ, cử chỉ, tranh ảnh, các chương trình phát thanh, nhà hát nhân dân, băng hình, tư liệu nghe nhìn, thơ, nhạc, múa rối và triển lãm (2). Trong nghiên cứu tham dự người ta nhấn mạnh nghĩa vụ phải đưa trở lại hệ thống tri thức cho cộng đồng và các tổ chức, bởi vì họ sẽ là những người tiếp tục làm chủ tri thức đó. Những người chủ này có thể xác định các ưu tiên liên quan đến việc sử dụng và quyền sử dụng, thiết lập các điều

kiện để công bố và phổ biến những tri thức. Việc phổ biến tri thức cần được thực hiện dưới dạng ngôn ngữ rõ ràng, dễ hiểu theo cách diễn đạt thường ngày để mọi người tiếp thu được. Cần tránh những biệt ngữ kỹ thuật và phô trương mang tính hàn lâm khó hiểu đối với cộng đồng.

Các hình thức và mức độ tham dự đã được đề cập ở trên có thể thấy trong tất cả các giai đoạn nghiên cứu. Có nhiều dạng nghiên cứu tham dự, nhưng không có các nguyên tắc chuẩn mực nào chung cho những nghiên cứu như vậy. Tuy nhiên, cũng có một số nguyên lý cơ bản có liên quan đến quá trình tham dự, đến việc kiểm tra chất lượng và các kỹ năng truyền đạt thông tin.

Người ta cảm thấy rằng, một sự tham dự đầy đủ ở mọi mức và mọi giai đoạn có thể trở thành dạng lý tưởng của nghiên cứu tham dự. Tuy nhiên, đó chỉ là một ảo tưởng. Đặc biệt ở các nước đang phát triển, dân chúng thường bị hạn chế về thời gian và năng lực để tham dự. Nếu bạn muốn sử dụng các thành viên cộng đồng như là những người phỏng vấn, bạn phải trả tiền cho công việc của họ. Nếu như một đề án nghiên cứu kéo dài thời gian, có thể sẽ gặp khó khăn để duy trì sự nhiệt tình đang có, đặc biệt khi đề án không tạo ra được các kết quả có ích lợi trực quan. Mặc khác, nếu các lợi ích và kết quả khả dĩ liên quan đến việc cải thiện sinh kế của cộng đồng thì hiển nhiên có thể kéo dài sự tham dự và sức cuốn hút của cộng đồng. Trong những trường hợp như vậy, thay vì tiếp tục sự tham dự của cộng đồng, đề án nghiên cứu nên kết thúc trong sự nỗ lực phát triển của cộng đồng.

Liên hệ với nghiên cứu định lượng và các thủ tục đánh giá nhanh

Trước khi bàn về vấn đề phương pháp luận một cách chi tiết, chúng ta quan tâm đến các dạng nghiên cứu có liên quan hoặc chúng được nhắc đến thường xuyên. Trước hết, nói về sự khác nhau giữa

nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính. Đối với những nhà nghiên cứu xã hội thì điều này sẽ trở nên thừa, nhưng đối với những người có kiến thức khác thì có thể có một sự nhầm lẫn đáng kể. Chẳng hạn, nhiều nhà khoa học trong lĩnh vực y - sinh học cho rằng nghiên cứu định lượng mới là nghiên cứu thực, còn nghiên cứu định tính chỉ như một phương pháp phụ thêm thú vị để nhận thông tin. Quan điểm này đang thay đổi rất nhanh bởi sự thắt vọng về sử dụng thông tin định lượng. Nhiều nghiên cứu tham dự có bản chất định tính, nhưng nghiên cứu định lượng cũng có thể thực hiện được bằng phương pháp tham dự. Thực ra, điều cần thiết là phải biết kết hợp cả nghiên cứu định tính và định lượng, cả hai đều có vị trí như nhau với các phương pháp luận riêng của chúng. Các nhà nghiên cứu định lượng có thể cần phải hợp tác với các tổ chức phi chính phủ và các đại diện của các ngành khoa học xã hội trong nghiên cứu tham dự để đảm bảo việc thu thập các dữ liệu định tính. Nghiên cứu tham dự, theo định nghĩa thì nó mang tính đa ngành, bởi vì người ta không thể làm việc đơn thuần theo các chuyên ngành hẹp; ở đây cần thiết phải có một cách tiếp cận holistic.

Trong điều kiện thiếu thốn về tài chính, những vấn đề lớn lại đòi hỏi phải có câu trả lời ngay. Do các phương pháp luận nghiên cứu thông thường lại khá chậm, người ta đã đưa ra các phương pháp luận đánh giá nhanh. Những người phản biện của phương pháp đánh giá nhanh gọi phương pháp này là nhanh nhưng nhung "không sạch", trong khi đó họ mô tả phương pháp thông thường là phương pháp chậm nhưng "sạch". Tất nhiên, không phải mọi thứ đều được nghiên cứu trên cơ sở của phương pháp đánh giá nhanh, nhưng sự phát triển của nghiên cứu nhanh đã mang lại những phương pháp luận mới, trong đó có nhiều phương pháp mang tính chất tham dự. Các phương pháp luận này cũng có thể có ích cho nghiên cứu dài hạn. Phương pháp đánh giá nông thôn nhanh (RRA) được đưa ra vào những năm cuối của

thập niên 70 và đã được sử dụng để đưa ra các thông tin nhanh và chính xác cho việc nhận dạng và đánh giá các chương trình phát triển nông thôn (3). Gần đây, dựa trên kinh nghiệm có được ở Ấn Độ, RRA đã nhanh chóng trở thành một phương pháp tham dự và dẫn đến một khái niệm mới là đánh giá nhanh có tham dự (PRA). Khái niệm này mô tả các cách tiếp cận và phương pháp để tạo ra khả năng cho dân chúng địa phương được chia sẻ và nâng cao kiến thức của họ về cuộc sống, và để phân tích các điều kiện nhằm tạo cho họ khả năng lập kế hoạch và hành động. PRA có mối liên quan với nghiên cứu hành động tham dự, các phân tích hệ thống nông-sinh thái, nhân chủng học ứng dụng, nghiên cứu chuyên môn trong các hệ thống nông nghiệp và với RRA. Trong RRA, thông tin có được là thường do những người ngoài cuộc gợi hỏi; còn trong PRA - là do trao đổi với quần chúng địa phương. Trong số các ứng dụng, PRA đã được sử dụng trong quản lý tài nguyên thiên nhiên, nông nghiệp, các chương trình xoá đói giảm nghèo, an toàn lương thực và sức khoẻ (4). Vào đầu những năm 1980, trong lĩnh vực nghiên cứu sức khoẻ người ta đã áp dụng phương pháp đánh giá nhanh dịch bệnh (REA). Các thủ tục đánh giá nhanh (RAP) để thu thập tư liệu có chất lượng đã được giới thiệu sau đó. Một số lượng phong phú các kinh nghiệm về cách tiếp cận này cũng đã được công bố (5). Đánh giá nhanh về dân tộc học (REA) là một biến dạng của chủ đề này, tập trung vào các đức tin của dân chúng và những thực tế có liên quan đến một căn bệnh đặc biệt. Hầu hết các thủ tục nhanh cũng mang tính tham dự và nhiều thí dụ đã trình bày trong tài liệu này được rút ra từ nghiên cứu như vậy.

Bảng danh mục tổng hợp về các phương pháp tiếp cận dưới đây do Carnwell A.O (6) đưa ra, là những phương pháp tiếp cận tham dự được phát triển từ những năm 1970.

Bảng 1. Một số nghiên cứu tham dự đã được phát triển từ những năm 1970 (theo thứ tự ABC)

AEA	Phân tích các hệ thống nông-sinh thái
BA	Đánh giá lợi ích
DELTA	Các nhóm chỉ đạo về giáo dục phát triển
D&D	Chẩn đoán và quyết định
DRP	Chẩn đoán nông thôn có tham dự
FRR	Nghiên cứu có tham dự của người nông dân
FSR	Nghiên cứu các hệ thống nông nghiệp
GRAAP	Nhóm nghiên cứu và hỗ trợ cho sự tự thúc đẩy của nông dân
MARP	Phương pháp gia tốc nghiên cứu tham dự
PALM	Phân tích tham dự và các phương pháp học tập
PAR	Nghiên cứu hành động tham dự
PD	Xử lý tài liệu
PRA	Đánh giá nông thôn tham dự
PRAP	Lập kế hoạch và đánh giá nông thôn tham dự
PRM	Các phương pháp nghiên cứu tham dự
PMD	Phát triển phương pháp luận tham dự
RA	Đánh giá nhanh
RAAKS	Đánh giá nhanh các hệ thống kiến thức nông nghiệp
RAP	Các thủ tục đánh giá nhanh
RCA	Phân tích nắm bắt nhanh
REA	Đánh giá nhanh dân tộc học
RFSA	Đánh giá nhanh an toàn lương thực
RMA	Đánh giá nhanh đa triển vọng
ROA	Đánh giá nhanh về tổ chức
RRA	Đánh giá nông thôn nhanh
SB	Samuhik Brahman (di cư hai chiều)
TFD	Nhà hát phục vụ phát triển
TFT	Đào tạo vì mục đích biến đổi.

Xác định các ưu tiên

Khi nói đến xác định các ưu tiên thì các cách biểu hiện khác nhau của nghiên cứu tham dự có một tầm quan trọng to lớn. Ai là người quyết định các ưu tiên trong nghiên cứu dân số? Có phải người nông dân, những người cần có nhiều trẻ em hơn để chúng làm việc trên đồng ruộng? Hay các nhà kinh tế, những người luôn lo lắng về sức ép dân số và họ cho rằng kiểm soát dân số là vấn đề cơ bản? Hay các tổ chức đòi quyền bình đẳng cho phụ nữ, những người có thể thấy rằng những bậc làm cha mẹ ưu ái con trai hơn, còn những em gái thì bị bỏ quên (tỷ lệ trẻ em gái sơ sinh tử vong cao ở các nước có sự nạo thai chọn lọc) và họ đòi hỏi các quyền cho phụ nữ phải được cải thiện trước khi các chương trình kế hoạch hóa gia đình được thực hiện? hay là cả ba trường hợp nêu trên (thậm chí có thể nhiều hơn) đều phải được chấp nhận?

Phương pháp xác định ưu tiên được lựa chọn là phương pháp lôi cuốn được sự tham gia của cộng đồng, dựa vào định hướng nghiên cứu, và sử dụng các giá trị thực tiễn của các kết quả nghiên cứu để xác định ưu tiên. Tất nhiên, có sự khác biệt rõ rệt giữa các cấp vi mô, vĩ mô và trung gian. Kiến thức phổ thông thường có ở cấp vi mô, nó dẫn đến sự hiểu biết các vấn đề ở cấp trung gian hoặc vĩ mô; cấp vi mô dường như là nhu cầu về thông tin để tạo ra khả năng tham dự của cộng đồng.

Thông tin là một yếu tố then chốt trong phương pháp luận của nghiên cứu tham dự, tuy nhiên, cách biểu thị khác nhau cũng đóng vai trò quan trọng. Có thể thông tin là một quá trình tìm hiểu các ưu tiên xã hội được quyết định ở Geneva hoặc New York (bạn không được có hơn hai con, giới thiệu về mức tăng nhanh các chủng loại gạo v.v...) hoặc cũng có thể dựa trên cơ sở đối thoại mà trong đó cộng đồng có cơ hội biểu lộ những kinh nghiệm của họ và hiểu được đâu là cấp vĩ mô và đâu là cấp trung gian có liên quan đến sự tồn tại của họ? Chúng tôi muốn tập trung vào phương pháp tiếp cận đối thoại này.

Một số tổ chức và các nhà nghiên cứu có thể rất tích cực trong việc hỗ trợ các nhu cầu của cộng đồng nhưng họ lại bị cản trở bởi các

thiên kiến nghề nghiệp. Công việc trước tiên mà họ bắt đầu làm khi khởi sự các hoạt động là hình thành các nhu cầu. Họ sẽ làm một cuộc khảo sát cơ bản để tìm ra các nhu cầu này. Việc khảo sát cơ bản này sẽ được tiến hành như thế nào? Chẳng hạn, trong các chương trình về người tàn tật chúng ta đã thấy các thành viên cộng đồng được đào tạo nghề nghiệp tốt, đi đến các gia đình để hỏi số người bị tàn tật về mắt, về thính giác, bị thần kinh, v.v... Kết quả cuối cùng là một danh sách những người tàn tật về mặt y-sinh học. Nhưng phải chăng những yêu cầu này xuất phát từ quần chúng? Cũng có thể bắt đầu bằng đối thoại với cộng đồng để xây dựng khái niệm về tàn tật dưới một góc độ khác. Điều này sẽ dẫn đến một định nghĩa mang tính cộng đồng dựa trên khái niệm tàn tật có ý nghĩa điều chỉnh cuộc sống của họ theo nghĩa rộng hơn là ý nghĩa y- sinh học.



Nhóm nghiên cứu thảo luận với cán bộ phụ nữ địa phương về hoàn cảnh đời sống của phụ nữ ngoại ô TP. Hồ Chí Minh dưới tác động của công nghiệp hóa và đô thị hóa

Người ta không bao giờ bắt đầu từ tay không. Một tổ chức phi chính phủ bắt đầu quá trình nghiên cứu cần có hiểu biết riêng của mình. Có thể đó là một tổ chức phi chính phủ giúp đỡ quyền của phụ nữ, hoặc bảo vệ sức khoẻ. Tổ chức phi chính phủ đó có thể có kiến thức về môi trường hoặc dựa trên cơ sở của một khái niệm rộng như phát triển cộng đồng. Một quá trình nghiên cứu tham dự không bao giờ bắt đầu bằng một vấn đề hoàn toàn trống rỗng mà phải có một quá trình thương lượng giữa cộng đồng và tổ chức khởi xướng (có thể là một tổ chức phi chính phủ hoặc một trường đại học) để xác định các ưu tiên phát triển của cộng đồng.

Các nhu cầu có thể nảy sinh hoặc có thể được xác định thông qua hội thảo, trong đó cộng đồng và các nhà khoa học có thể đối thoại với nhau. Một số người cho rằng một hội thảo phải được tổ chức vào thời gian bắt đầu quá trình tham dự. Tuy nhiên, quá trình tu vấn thường xuyên giữa các nhà khoa học và cộng đồng có vai trò rất quan trọng. Đối thoại vẫn cần phải tiếp tục.

Một hội thảo như vậy cần phải có "đầu vào" và "đầu ra". Đầu vào của hội thảo là các chủ đề thảo luận, đủ cởi mở để có được đối thoại tự do, nhưng phải được thiết kế tốt để đưa đến kết quả nhất định. Đối thoại cần phải được thực hiện theo một ngôn ngữ thích hợp, thu hút được càng nhiều thành viên cộng đồng càng tốt (hoặc phải có đại diện các trình độ khác nhau của cộng đồng). Đầu ra của hội thảo là các nhu cầu của cộng đồng và các vấn đề nghiên cứu. Trong Mục 2.3 sẽ trình bày các khía cạnh rất thực tiễn của một hội thảo.

Quá trình xác định các nhu cầu trong một hội thảo được xem là một phần của quá trình thu thập dữ liệu. Thường đó là một loại phỏng vấn theo nhóm có trọng tâm của cộng đồng. Khi có nhiều thành viên cộng đồng (đặc biệt với những người có ít cơ hội) không biết chữ, điều quan trọng là phải tổ chức được đối thoại sao cho thích hợp với mọi thành viên và không nên chỉ bao gồm trong phạm vi những người sử dụng thông thạo ngôn ngữ.

Nội dung của Chương 2

Một số khía cạnh của nghiên cứu tham dự sẽ được trình bày ở chương này.

- Mục 2.1. gồm: Giới thiệu về "Đánh giá nông thôn tham dự" (PRA) của W.Mwagiru, B. P. Thomas-Slayter và R.Ford. Chương này trình bày các khía cạnh của nghiên cứu tham dự ở các giai đoạn khác nhau.
- Mục 2.2. gồm một số bài của G. Le Botef "Nghiên cứu tham dự như là một quá trình giáo dục có phê phán. Những hướng dẫn về phương pháp luận".
- Mục 2.3. gồm "Hai mươi mốt quy tắc cho các hội thảo tham dự với nhiều người" của Chambers và đây là một hướng dẫn có ích cho những người tổ chức một hội thảo.
- Mục 2.4. gồm "Một số lưu ý về kiểm soát chất lượng".
- Mục 2.5. gồm "Các công cụ tham dự để tăng cường sáng kiến địa phương" của M.P. Lammerink và G.Prinsen.
- Mục 2.6. gồm "Đánh giá nông thôn tham dự và các phương pháp học tập có tham dự", bài nghiên cứu về các khía cạnh đào tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Malinowski B. Magic, Science and knowledge. New York 1948.
2. Fals - Borda O, Anisur Rahman M. Action and knowledge - Breaking the monopoly with participatory action research. 1991; page 9.
3. Chambers R. Rural Development: putting the last first. New York Longman, 1983.
4. Chambers R. Rural Appraisal: Rapid, Relaxed and Participatory. Discussion paper 311. Brighton, Institute of Development Studies, 1992.
5. Scrimshaw NS, Gleason GR. Rapid assessment procedures. Boston, International Nutrition Foundation for developing countries, 1992.
6. Cornwall A. Guyt J, Welbourn A. Acknowledging Process: Challenges for Agricultural Research and Extension Methodology. Discussion paper 333. Brighton, Institute of Development Studies . 12/1993.

2.1. Giới thiệu về phương pháp đánh giá nông thôn tham dự

Wanjiku Mwagiru, Barbara P.Thomas - Slayter và Richard Ford⁽¹⁾

Chương này tóm tắt cuốn "Sổ tay hướng dẫn về phương pháp đánh giá nông thôn tham dự (PRA)"⁽²⁾, làm rõ các giá trị của đánh giá nông thôn tham dự, mô tả cõi động cơ sở và các bước để thực hiện chúng. PRA là một phương pháp luận đơn giản, lấy làng xã làm trọng tâm để phát triển nông thôn và tạo ra khả năng cho cộng đồng nông thôn tham dự vào việc soạn thảo và thực hiện các kế hoạch quản lý tài nguyên của làng xã. Các kế hoạch này giúp các đề án quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững ở phạm vi làng xã. PRA cho rằng sự phát triển bền vững có thể thực hiện được tốt nhất bằng cách:

1. Tăng cường các thể chế làng xã, bao gồm ban lãnh đạo địa phương, các tổ chức dựa trên cơ sở nông thôn, các đơn vị của chính phủ và các đơn vị của các tổ chức phi chính phủ.
2. Triển khai tổng hợp việc lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch trực tiếp đến làng xã.
3. Thu hút các công nghệ mà các nhóm làng xã có khả năng quản lý và duy trì được.

Các đội PRA gồm các cán bộ từ văn phòng môi trường Quốc gia Kenya và các cán bộ kỹ thuật khu vực đã thực hiện các thử nghiệm ở 5 cộng đồng của Kenya. Họ đã khuyến khích việc bảo trì đất đai đã cải tạo, trồng cây, phát triển nguồn nước, kiểm tra sức khoẻ và sản xuất

⁽¹⁾ Chương trình phát triển Quốc tế, Đại học Tổng hợp Clark, Worcester, Massachusetts; Ban Thư ký Môi trường Quốc gia, Bộ Môi trường và các nguồn tài nguyên thiên nhiên, Nairobi, Kenya.

⁽²⁾ PRA Handbook (Sổ tay hướng dẫn về phương pháp đánh giá nông thôn tham dự) là cuốn sách hướng dẫn tiến hành công việc đánh giá nông thôn tham dự ở Kenya, có thể tham khảo tại thư viện của Đại học Tổng hợp Clark.

lượng thực. Một số làng xã cũng đã sử dụng PRA để tăng thu nhập. Thông qua một đề án do Viện Tài nguyên Thế giới chỉ đạo có tên gọi là "Đi lên từ đất" ("From Ground Up"), PRA hiện đang được thử nghiệm ở 8 quốc gia khác.

Cơ sở lý luận và thực tiễn của PRA

PRA dựa trên cơ sở phương pháp luận đã được Gordon Coway và Robert Chambers phát triển trong thời gian họ làm việc tại Viện Quốc tế Môi trường và Phát triển. Dưới tên gọi Đánh giá nông thôn nhanh (RRA), phương pháp luận cơ sở đã được chuyên môn hoá theo các hướng nhỏ bao gồm các RRA mang tính thời sự, RRA khảo sát và RRA giám sát cũng như các phương pháp đánh giá nông thôn tham dự (PRA). Các PRA cổ vũ cho sự phát triển nông thôn ở cấp huyện của Kenya, một chiến lược đang khuyến khích các thiết chế nông thôn khởi xướng sự phát triển của chính họ.

PRA đặt trọng tâm vào các cộng đồng nông thôn:

Với những quan điểm như lấy cấp huyện làm trọng tâm, các cộng đồng nông thôn đang bước đầu xây dựng các công trình nhằm chống sự suy thoái của các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Ba phần tư dân số châu Phi sống trong các vùng nông thôn. Các vùng nông thôn này sẽ nuôi sống một bộ phận lớn dân cư trong nhiều thế hệ nữa. Ít nhất trong hai hay ba thập kỷ tới, việc tăng khả năng bảo đảm đời sống vẫn phải dựa vào các thiết chế nông thôn.

PRA mở ra những giải pháp thay thế cho các vùng cằn cỗi:

PRA nhận định rằng các chiến lược phát triển vĩ mô như điều chỉnh cơ cấu hay sản xuất cây trồng có giá trị kinh tế cao có khả năng đáp ứng được đòi hỏi của một số khu vực của châu Phi. Tuy nhiên, các chiến lược vĩ mô thường bỏ qua các cộng đồng nông thôn, nhất là các cộng đồng ở trong các vùng cằn cỗi về sinh thái, nơi mà dân số đang tăng nhanh, các công việc gia đình thường do phụ nữ đảm nhận, và sản lượng lương thực trong những năm gần đây đang giảm xuống.



Kết hợp hướng dẫn lý thuyết và thực hành kỹ thuật canh tác cho bà con nông dân trên đồng ruộng (Áp Bà Gồng, Minh Hải)

PRA xuất phát từ niềm tin vững chắc vào phương pháp tham dự. Trước đây, do thiếu một phương pháp luận có cấu trúc chặt chẽ, phương pháp tham dự trở nên tốn kém và không hiệu quả đối với các cơ quan phát triển. PRA đã cung cấp một cấu trúc cho phép tập hợp được các cư dân, các thủ lĩnh của các cộng đồng, các nhân viên kỹ thuật của vùng và các tổ chức phi chính phủ (NGOs) phối hợp với nhau. Việc xoá bỏ sự ngăn cách giữa những người hưởng lợi theo dự kiến và những người quản lý các nguồn lực dẫn đến những hoạt động mà các thiết chế làng xã có thể duy trì.

Các cộng đồng nông thôn lập ra kế hoạch quản lý các nguồn lực:

PRA mở rộng tối đa sự tham dự qua việc thu thập các dữ liệu trong các cuộc hội thảo nhóm, chủ yếu sử dụng các công cụ trực quan. Người

ta tổ chức các hội nghị cộng đồng với sự tham gia của các nhân viên triển khai kỹ thuật nhằm lựa chọn những giải pháp phù hợp với những ưu tiên của làng xã và lập ra một kế hoạch quản lý các nguồn lực của làng xã. Kế hoạch này chỉ ra những gì phải làm, ai sẽ làm, các nguyên vật liệu sẽ được tổ chức như thế nào và ai sẽ quản lý việc thực hiện.

Các lĩnh vực được liên kết với nhau:

PRA dùng chủ đề quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên để liên kết các lĩnh vực cần được phát triển lại với nhau, thúc đẩy sự liên kết giữa các lĩnh vực này thông qua các nhu cầu phát triển được lựa chọn bởi các nhóm trong cộng đồng và các chuyên gia kỹ thuật am hiểu về nguồn nước, già cầm, động vật hoang dã, nông nghiệp, lâm nghiệp và về các chương trình phát triển cộng đồng của các tổ chức dịch vụ kỹ thuật của chính phủ, của các hãng tài trợ và của các tổ chức phi chính phủ.

Tám bước tiến hành PRA

1. Chọn địa điểm :

Các địa điểm để tiến hành nghiên cứu PRA được xác định hoặc theo yêu cầu của cộng đồng hoặc dựa trên gợi ý của các chuyên gia phát triển hay các công chức chính phủ. Các địa điểm này thường là nơi gặp khó khăn triền miên về sinh thái hay sút kém về năng suất. Ở Kenya, cấp đơn vị hành chính để tiến hành có hiệu quả PRA thường có ít hơn 10.000 dân và với diện tích dưới 15 km².

2. Các chuyến đi tiếp xúc làm công tác chuẩn bị:

Một đội PRA thường gồm từ 4 đến 6 chuyên gia, trong đó ít nhất một nửa là các nhân viên kỹ thuật đảm nhiệm công việc của vùng đang xem xét. Họ phải có chuyên môn về thuỷ lợi, thổ nhưỡng, lâm nghiệp, già cầm và sự phát triển cộng đồng và những kỹ năng khác liên quan đến việc quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Đội này sẽ gặp gỡ những người lãnh đạo của làng xã trước khi tiến hành PRA và xác định rõ những gì PRA sẽ làm cũng như những gì sẽ không làm.

3. Thu thập dữ liệu:

Có bốn loại dữ liệu cơ bản phải được thu thập. Cả bốn loại dữ liệu này bổ sung cho các nguồn thông tin khác cũng như những thông tin về các đề án hiện hành, về các thiết chế và các dịch vụ của chính phủ hiện có.

3.1. Dữ liệu về không gian:

Công tác với những người lãnh đạo làng xã lập ra Bản lược đồ làng xã nhằm xác định rõ những yếu tố tự nhiên và kinh tế, cơ sở hạ tầng của cộng đồng.

Thời gian cần thiết : 1/2 ngày.

Công tác với các cư dân, đội công tác PRA lập Bản vẽ cắt ngang của làng nhằm xác định rõ các hình thái sử dụng đất, những vấn đề và những khả năng giải quyết vấn đề. Bản vẽ cắt ngang còn giúp cho đội xác định xem có hay không có những khu vực thấp trong cộng đồng cần được đặc biệt lưu ý.

Từ các mẫu đại diện cho các hộ gia đình, lập ra các Lược đồ trang trại. Từ 6 đến 8 trang trại sẽ được miêu tả, trong đó chú ý làm rõ những khác biệt về sinh thái, thu nhập, cách sử dụng đất, chủng tộc có trong cộng đồng. Các thành viên của đội công tác lập lược đồ này bằng cách đi bộ cùng với người chủ hộ xung quanh trang trại.

Thời gian cần thiết : một ngày, kết hợp với các cuộc phỏng vấn về trang trại được nói rõ ở Mục 3.3.

3.2. Dữ liệu về thời gian:

Đội công tác PRA họp mặt với các cư dân để thảo luận về những gì được họ coi là những sự kiện quan trọng nhất trong lịch sử của cộng đồng và lập ra Lịch trình sự kiện. Các dữ liệu được thu thập trong các cuộc họp nhóm bao gồm các cư dân của cộng đồng thuộc các hoàn cảnh và tiền đồ khác nhau, cả trẻ và già, cả nam và nữ. Các vấn đề và các cơ hội được đem ra thảo luận. Ví dụ về một lịch trình sự kiện, xem bảng 3.

Thời gian cần thiết : 1/2 ngày.

Các Biểu đồ xu hướng được lập dựa trên hoàn cảnh của làng thể hiện những thay đổi đã diễn ra trong 30 hay 40 năm về các nguồn lực như lượng mưa, sản lượng cây trồng, sự xói mòn đất, sự phá rừng, sức khoẻ, dân số và các chủ đề khác liên quan đến cộng đồng. Đội công tác PRA tổ chức các nhóm cư dân và những người lãnh đạo tiến hành hoạt động trên.

Thời gian cần thiết: 1/2 ngày.

Đội công tác PRA tổ chức các cuộc họp nhóm, như các cuộc họp đã nêu ở lịch trình sự kiện và về việc phân tích xu hướng, để lập ra Lịch thời vụ. Những dữ liệu về các chủ đề như sử dụng đất, nạn đói, bệnh tật, dư thừa thực phẩm và dư lượng tiền mặt được tập hợp và trình bày trong thang thời gian từ 12 đến 18 tháng. Lịch thời vụ còn làm sáng tỏ cách nhìn nhận của làng về các vấn đề và các cơ hội.

Thời gian cần thiết: 1/2 ngày.

3.3. Dữ liệu về xã hội:

Các cuộc Phỏng vấn trang trại riêng rẽ được tiến hành tại các hộ gia đình trong khi lập các lược đồ trang trại. Tuỳ theo các mục tiêu hoạt động, những thông tin chi tiết thu được có thể khác nhau, nhưng thường là giống với lược đồ trang trại đã nói ở Mục 3.1. Thông thường các cuộc phỏng vấn này kéo dài khoảng 1 đến 1 giờ rưỡi và sẽ giúp ta khẳng định được độ tin cậy của những thông tin thu được trong các cuộc họp nhóm về tình hình của cộng đồng.

Thời gian cần thiết: 1 ngày.

Đội công tác PRA còn thu thập các dữ liệu về Các thiết chế làng. Các nhóm dân cư được yêu cầu sắp xếp các thiết chế cộng đồng theo thứ tự mức độ quan trọng và lập ra biểu đồ, trong đó thể hiện mối quan hệ lẫn nhau giữa các tổ chức của làng.

Thời gian cần thiết: 1/2 ngày.

3.4. Dữ liệu về kỹ thuật:

Để bổ sung cho các dữ liệu về không gian, thời gian và xã hội, các nhân viên kỹ thuật trong đội công tác PRA tập hợp những thông tin về

tính khả thi kinh tế và kỹ thuật, chủ yếu về nguồn nước hay thổ nhưỡng, nhằm giúp cho cư dân trong làng lựa chọn tốt đề án hoạt động.

Thời gian cần thiết: 1 ngày.

4. Tổng hợp và phân tích dữ liệu:

Đội công tác PRA, có thể cùng với một hoặc hai người lãnh đạo của làng, nghiên cứu những dữ liệu đã thu thập được và lập danh sách những vấn đề và những cơ hội hành động có thể chấp nhận. Các vấn đề được sắp xếp theo lĩnh vực hoặc có thể được đơn giản hóa ra theo một danh sách dài các chủ đề án. Các cơ hội cũng được thảo luận, đánh giá và trình bày trong một bản danh sách đầy đủ.

Thời gian cần thiết: 1 ngày.

5. Xếp hạng các vấn đề:

Các cư dân của làng cùng nhau xếp hạng các vấn đề đã được liệt kê. Trong một số trường hợp, các thành viên của đội công tác PRA hướng dẫn cuộc thảo luận. Cũng có khi, một vị lãnh đạo làng ngồi ở ghế chủ tịch. Kết quả thu được là danh sách các vấn đề được các nhóm cư dân của làng nhất trí xếp hạng theo mức độ hữu ích của chúng.

Thời gian cần thiết: 1/2 ngày.

6. Xếp hạng các cơ hội:

Lúc này các nhóm cư dân của làng xếp hạng các cơ hội đối với những vấn đề được ưu tiên cao nhất. Có nhiều cách khác nhau để đạt được sự nhất trí về những cơ hội khả thi nhất. Các tiêu chuẩn để xếp hạng gồm tính ổn định, tính công minh, năng suất, khả năng bảo đảm đời sống và tính khả thi. Các nhân viên kỹ thuật đóng vai trò quan trọng trong cuộc thảo luận này, sao cho các giải pháp đó có tính khả thi cả về kỹ thuật, kinh tế, sinh thái lẫn xã hội. Ví dụ về việc này: xem bảng 1.

Thời gian cần thiết: 1/2 ngày.

7. Thông qua kế hoạch quản lý các nguồn lực của làng (VRMP):

Những giải pháp ưu tiên nhất được sắp xếp trong một VRMP dưới hình thức là một hợp đồng giữa các nhóm cư dân của làng, các nhân

viên kỹ thuật, các tổ chức phi chính phủ (nếu có tham gia) và các nhóm bên ngoài (như các nhà tài trợ hay các hãng quốc tế). Trong 5 cộng đồng ở Kenya áp dụng PRA, các VRMP trở thành những kế hoạch hành động cơ bản của mọi thành viên cộng đồng, bao gồm những người lãnh đạo, các nhóm phụ nữ, các hội nhà thờ, các hợp tác xã tín dụng, các nhóm chủ trang trại, và các tổ chức chính trị. Ví dụ: bảng 4.

Thời gian cần thiết: 1 đến 2 tuần sau khi hoàn thành PRA.

8. Thực hiện:

Giai đoạn hành động sẽ được tiến hành sau khi VRMP được thông qua, là đến lúc bước vào hành động. Sẽ đạt được kết quả tốt nhất nếu một người lãnh đạo làng (ví dụ vị phó chủ tịch, vị chủ tịch liên đoàn hợp tác của các chủ trang trại, vị hiệu trưởng trường học) nắm vai trò lãnh đạo. Có khi, một kỹ sư phụ trách công tác thuỷ lợi địa phương có vai trò quyết định đối với việc thực hiện. Trong những trường hợp cần đến những nguồn lực bên ngoài (như xi măng, hàng rào thép gai, các công cụ cầm tay, các bao nhựa đựng cây giống), các tổ chức phi chính phủ đã trợ giúp. Thông thường, công việc hàng ngày được thực hiện chủ yếu bởi các nhóm cư dân tương trợ lẫn nhau trong cộng đồng.

Những ưu thế của PRA

Huy động cộng đồng:

Một ưu thế lớn duy nhất của PRA là khả năng trong việc huy động các thiết chế cộng đồng giải quyết các vấn đề nhằm tăng khả năng bảo đảm đời sống. PRA cũng làm nâng cao nhận thức của các nhóm cư dân địa phương, kể cả các nhóm phụ nữ về các công việc cần làm, phương pháp và khả năng thực hiện chúng.

Các công cụ trực quan cơ bản:

PRA cho rằng các cộng đồng nông thôn tham gia có hiệu quả nhất nếu các phương tiện thu thập dữ liệu mang tính trực quan. PRA sử dụng các biểu đồ, bản đồ, tranh ảnh mà dân làng có thể hiểu, bình luận về chúng và chỉnh lý trong quá trình thu thập và phân tích dữ liệu.

Tác động hỗ trợ qua lại khi phân tích vấn đề:

Việc sử dụng phương pháp tham dự và các phương tiện trực quan tạo điều kiện cho đội công tác PRA duy trì sự tác động thường xuyên với các thành viên am hiểu của cộng đồng khi xác định vấn đề, xem xét những thành công trước đây, và đề ra những giải pháp có thể thực hiện.

Xác định những ưu tiên của làng xã:

PRA tạo điều kiện cho dân làng xếp hạng những giải pháp dựa trên những ưu tiên của địa phương, tính khả thi kỹ thuật, khả năng cải thiện điều kiện sinh thái và hiệu quả vốn. Việc này được thực hiện thông qua việc lập VRMP.

Hệ thống hóa sự tham dự nông thôn:

Các VRMP đề xuất cho các tổ chức phi chính phủ, các cơ quan chính phủ, các ủy ban phát triển huyện, vùng và các nhóm cư dân địa phương những đề nghị mà các cơ quan bên ngoài có thể hỗ trợ, do đó, sự hỗ trợ này là trực tiếp tới các cộng đồng nông thôn.

Được tiếp tục bởi những người lãnh đạo địa phương:

Đầu vào của PRA là những thứ mà cộng đồng địa phương có thể quản lý và kiểm soát. Việc thực hiện, giám sát và đánh giá diễn ra với chi phí thấp, bởi vì những người lãnh đạo địa phương có trách nhiệm và có khả năng đối với việc tiếp tục quá trình.

Tính liên kết :

Vì PRA thông qua việc quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên để liên kết các hoạt động của cộng đồng, nên nó thúc đẩy các lĩnh vực cơ bản như thuỷ lợi, nông nghiệp, lâm nghiệp, y tế và giáo dục phối hợp với nhau trong các hoạt động của đề án.

Nhanh mà không tốn kém:

PRA được tiến hành nhanh. Trung bình nó cần 6 ngày điền dã và 3 ngày xử lý thông tin. PRA sử dụng những nhân viên kỹ thuật đã và đang đảm nhiệm những công việc ngay tại địa phương, cho nên giảm tối đa các phí tổn.

Những sản phẩm của PRA

Các VRMP:

Sản phẩm dễ nhận thấy nhất của PRA là VRMP mà cộng đồng có được. Trong một số trường hợp, các cộng đồng nông thôn, vốn trước đây bất đồng ý kiến hoặc thù o với sự suy thoái các nguồn tài nguyên hay sự giảm sút sản lượng lương thực, đã được chấn chỉnh. Mặc dù VRMP không bảo đảm chắc chắn rằng mọi công việc sẽ được hoàn thành và cũng không nhất thiết tạo ra những sự khác biệt trong mỗi cộng đồng, nhưng kinh nghiệm của 5 cộng đồng điểm ở Kenya cho thấy có những thay đổi lớn đã diễn ra.

Hơn nữa, những thay đổi này có thể được thực hiện chủ yếu nhờ những nhân tố bên trong cộng đồng.

Những đề nghị có tổ chức:

Thành quả thứ hai của PRA là giúp cho các cộng đồng thu hút sự hỗ trợ từ bên ngoài vào các đề án nhỏ. Trong khi các nhà tài trợ và các cơ quan chính phủ không có nhân lực để tiến hành những đề án dành cho các cộng đồng riêng rẽ, họ đã hỗ trợ cho các cộng đồng tự giải quyết công việc. Trong hai trường hợp, các cộng đồng tiến hành PRA đã đưa ra những đề nghị; một số đề nghị đã thu hút được sự chú ý của các tổ chức phi chính phủ; ba đề nghị đã thuyết phục được các cơ quan phát triển cung cấp vật liệu và các kỹ thuật viên. Vấn đề then chốt là sắp xếp có hệ thống và trật tự những ưu tiên của cộng đồng, như đã được thực hiện thông qua PRA và được thể hiện trong VRMP.

Các thiết chế nông thôn được tăng cường:

Toàn bộ quá trình thu thập dữ liệu, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch cung cấp những kinh nghiệm quản lý và kỹ thuật quan trọng cho các thiết chế nông thôn và tăng cường năng lực của chúng trong việc xử lý những vấn đề của mình. Bản chất của việc tăng khả năng bảo đảm đời sống đòi hỏi phải có những người lãnh đạo và các tổ chức ở các vùng nông thôn có khả năng tổ chức sự phát triển theo sáng kiến của riêng mình. PRA giúp cho khả năng đó trở thành hiện thực.

Hành động:

PRA còn dẫn đến hành động, như một số ví dụ đã nêu ở trên. PRA và những tác động của VRMP đã cải thiện tình hình thuỷ lợi, gỗ nhiên liệu, đồng cỏ chăn nuôi, sản xuất lương thực và thu nhập. Điều đó cho thấy sự cải thiện tình hình như vậy cũng có thể được thực hiện ở các cộng đồng khác.

Những ứng dụng tiềm tàng

Các vùng cần cỗi:

Tuy phù hợp với mọi vùng sinh thái, PRA có vẻ đặc biệt thích hợp với những vùng môi trường khó khăn. Trong các vùng nửa khô hạn trên khắp châu Phi mà số phận giờ đây đang tùy thuộc vào sự giàn xếp hoàn toàn mới và cách sử dụng mới đất nông nghiệp, PRA chắc chắn sẽ hỗ trợ cho các nhóm cư dân địa phương để họ tự giúp nhau.

Các tổ chức phi chính phủ:

Các tổ chức phi chính phủ đầu tư vào những chương trình quản lý các nguồn lực có thể sử dụng PRA trong công việc nghiên cứu và lập kế hoạch thực hiện đề án với phí tổn thấp và xác suất thu lợi nhuận thực tế cao.

Trọng tâm cấp huyện:

Ở những nước như Kenya, nơi mà phi tập trung hoá trong việc soạn thảo và thực hiện kế hoạch đã trở thành chính sách Nhà nước, PRA là một phương tiện cho các thiết chế khu vực và địa phương để tiến hành có hiệu quả việc tăng khả năng bảo đảm đời sống.

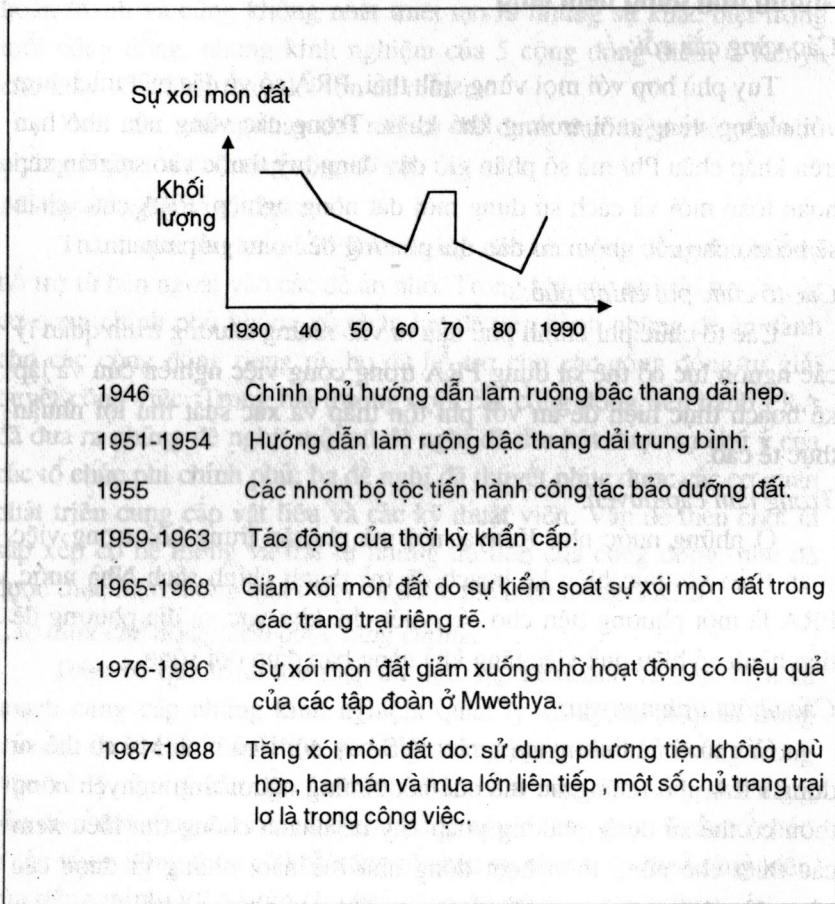
Các nhóm tình nguyện:

Các tổ chức tình nguyện như IVS hay đội Hòa bình Mỹ có thể sử dụng PRA nhờ những ưu thế của nó. Những người tình nguyện nông thôn có thể sử dụng phương pháp này để nhanh chóng tìm hiểu xem các thiết chế nông thôn hoạt động như thế nào, những gì được các cộng đồng nông thôn xem là những ưu tiên cao nhất của họ.

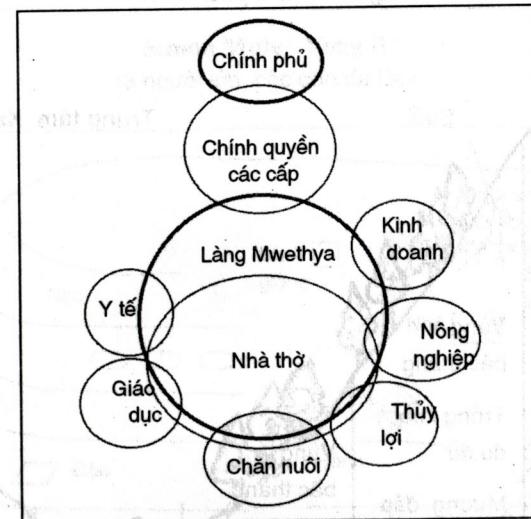
Các tổ chức quốc tế:

Các tập đoàn hỗ trợ kỹ thuật song phương và đa phương lớn đang ngày càng hướng sang việc soạn thảo và thực hiện kế hoạch phi tập trung hoá cũng như tới những đơn vị phi chính phủ để tiến hành các hoạt động phát triển. Chính PRA đang hỗ trợ tốt cho những cố gắng đó.

Hình 1. Biểu đồ xu hướng

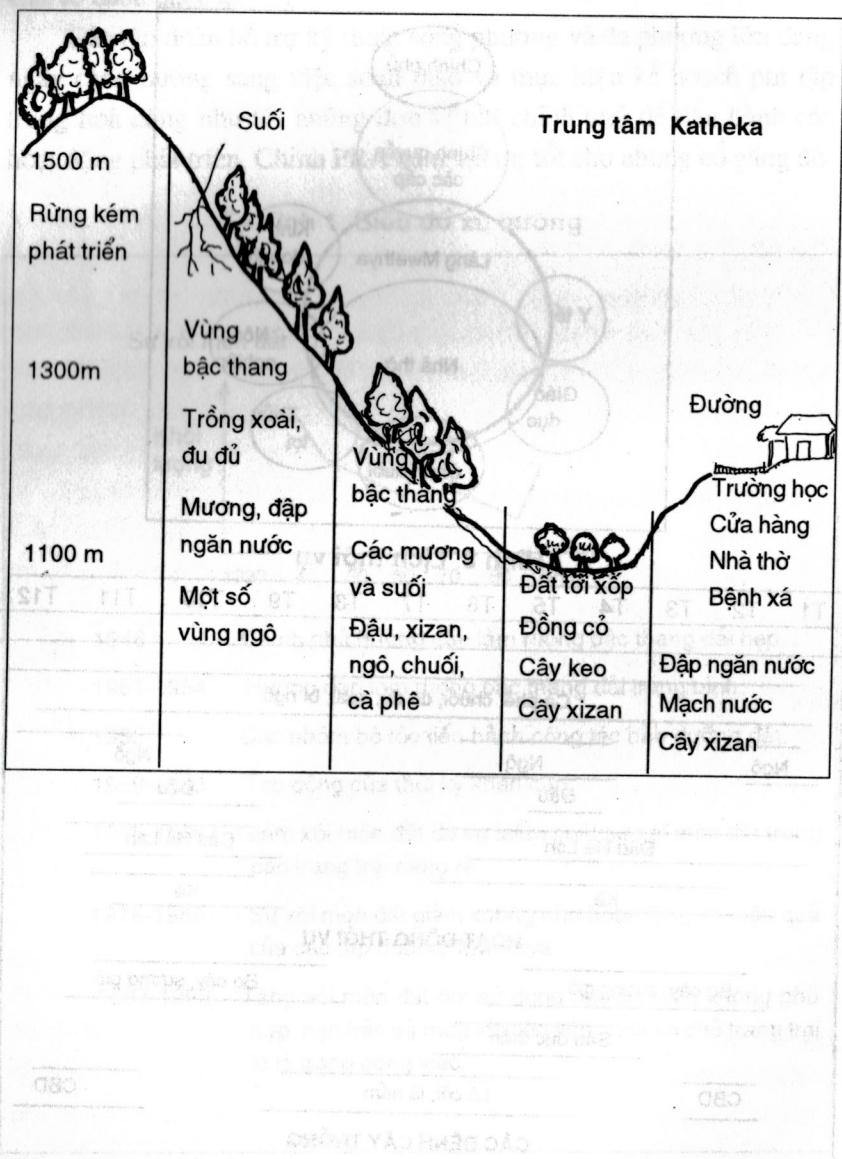


Hình 2. Các thiết chế làng



Hình 3. Lịch thời vụ

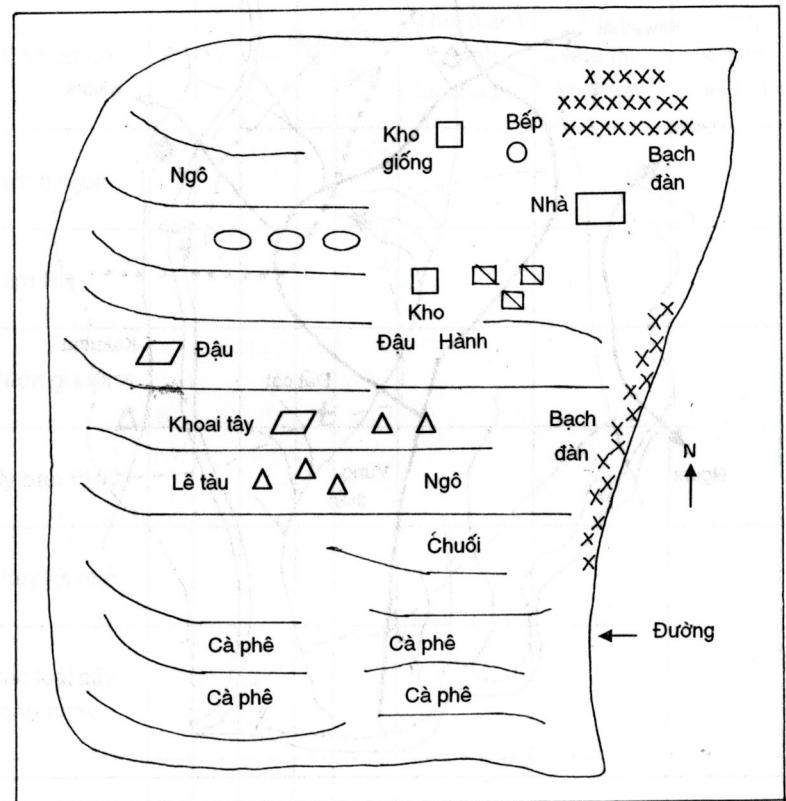
Hình 4. Bản vẽ cắt ngang



56

Hình 5. Lược đồ trang trại

Simon Mule Vùng II
(3 người lớn, các con đã lớn)



Đê được đắp và bảo dưỡng cẩn thận, phủ cỏ ở giữa và cả hai bên cùng một số cây xizan

6 – 7 mẫu

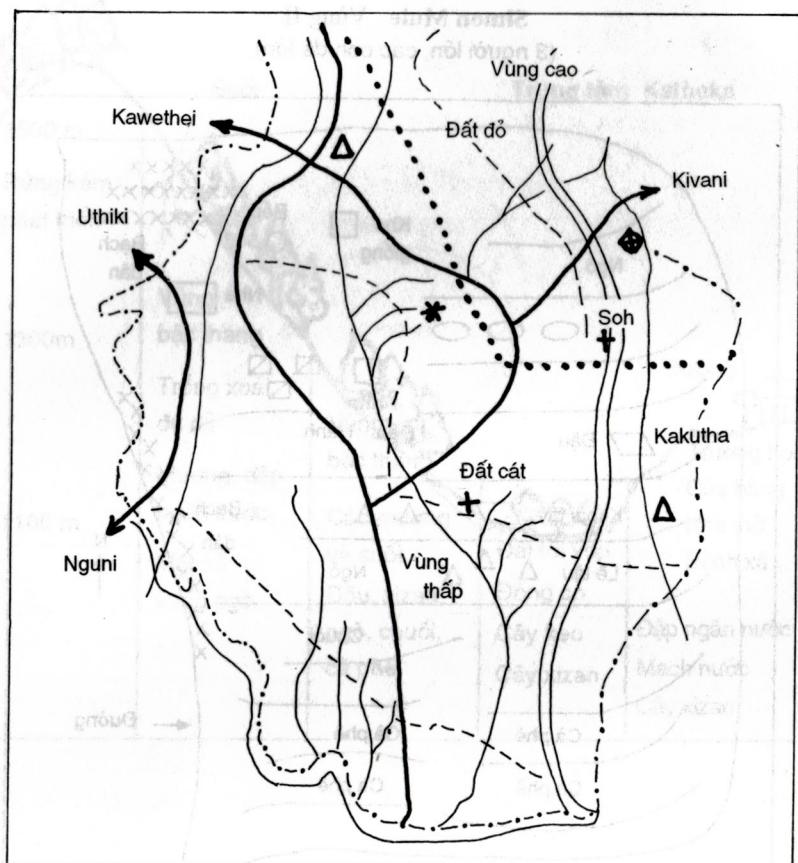
□ xoài

△ đu đủ

□ lê tàu

57

Hình 6. Bản lược đồ



Ký hiệu: --- địa giới

···· ranh giới vùng

- - - đường cắt ngang

— sông

===== đường bộ

* suối

+ nhà thờ

◆ trạm xá

Bảng 1. Xếp hạng các cơ hội

Các cơ hội	P	St	Su	E	Chi phí	Thời gian hưởng lợi nhuận	Tính khả thi kỹ thuật	Tính khả thi xã hội
Trồng rừng								
Lâm NN								
Vườn gia đình								
Ủy ban PHC								
Thủy lợi nhỏ								
Các loại cây ngắn ngày								
Tín dụng								

Ký hiệu:

P- năng suất

St- tính ổn định

S- tính bảo dưỡng

E- tính công minh

Bảng 2. Tính khả thi kinh tế và kỹ thuật

Cơ hội	Tính chất	Tiềm năng phát triển
Vùng 1		
Đập nước Kathome	Khô cạn	Tìm địa điểm thay thế vì đập không giữ được nước sau khi mưa. Có thể có khe nứt trong núi đá.
Trường tiểu học Kwa Makalya	Thời vụ	Hứng nước trên mái để dùng cho nhà trường và những người xung quanh, đồng thời làm mẫu cho vùng.
Suối Kwa Makalya	Thời vụ	Hiện đang bị đứt đoạn. Thông lại bằng cách đào vét, chuyển những cây bạch đàn ra khỏi dòng suối cũ. Đào sâu lòng suối. Bảo vệ bằng hàng rào.
Sông Muu	Một phần thời vụ; ít giun sán; tập trung đông dân	Xây đập với cửa lấy nước sông sẽ cấp nước cho người sử dụng theo nguyên lý tự chảy. Bảo vệ bằng hàng rào.
Đập Kwa Nzambu	Nửa thời vụ; nước tốt	Cần được bảo vệ. Bảo quản vùng lưu nước.

Bảng 3. Lịch trình sự kiện

Thời gian	Các sự kiện
1836	Nạn đói ở Yangovo
1850	Nạn đói ở Ya Kiusa
1861	Nạn đói ở Mutulungo
1870	Nạn đói ở Ngetele
1880	Nạn đói ở Ndata
1885	Kyumbe (khiêu vũ)
1897	Dịch hạch bò bùng nổ
1898	Nạn đói ở Luayamunyilia
1898 - 1900	Truyền giáo ở Muisuini – Kangundo
1899	Đường sắt ở Konza
1906 - 1910	Một số người di cư khỏi Mbooni
1910	Ndataila Yaumie
1910 - 1911	Nạn đói ở Yua ya ndata (malakue)
1912 - 1914	Tiền được sử dụng
1914 - 1918	Người da trắng xuất kho dự trữ – malua, nam giới tham gia chiến tranh
1915 - 1918	Giáo dục bắt buộc
1918	Nạn ả cháy
1918 - 1919	Dịch nhiễm đường hô hấp ở gia súc – munilya
1928 - 1929	Nạn đói ở Nzialukangya
1930 - 1931	Dịch châu chấu
1931	Kuthuua Kikuyuni: làm hàng rào bằng cây xizan
1939 - 1940	Muindi Mbingu: xuất kho bắt buộc
1939 - 1945	Chiến tranh thế giới thứ II
1942	Nạn đói ở Munyoloko: những dự trữ bắt buộc
1943 - 1945	Mwolyo
1949 - 1951	Bắt đầu làm các đập nước
1950	Lụt ở Mbua ya Kanzi/Manbolco
1950 - 1951	Hạn hán sau nạn lụt: xuất kho bắt buộc

**Bảng 4. Kế hoạch quản lý nguồn lực làng
(VRMP)**

Nguồn nước: Vùng I

Nguồn: theo ưu tiên	Các nhu cầu dự tính	Chịu trách nhiệm	Thời gian ước tính
Đập Kathome Trường tiểu học	1. Đá sỏi (21 tấn)	1. Cộng đồng	Nhóm sẽ làm việc hàng tuần, sử dụng
	2. Cát (28 tấn)	2. Cộng đồng	những người tình nguyện; sẽ bắt đầu vào
	3. Đá xây dựng	3. Bên ngoài	
	4. Xi măng (150 bao)	4. Bên ngoài	
	5. Xi măng không thấm nước (50 kg)	5. Bên ngoài	
	6. Ống máng (200 m)	6. Bên ngoài	
	7. Bảng đồng hồ (200')	7. Cộng đồng	
	8. Nhũng thanh tròn (1200m)	8. Bên ngoài	
	9. Gỗ (6 x 1'a 1000'; 3 x 2 600')	9. Bên ngoài	
	10. Lao động không lành nghề	10. Cộng đồng	
	11. Lao động lành nghề (30 ngày)	11. MOWD	

2.2 Nghiên cứu tham dự như là một quá trình giáo dục có tính phê phán - Những định hướng phương pháp luận

Guy le Boterf

Nhập đề

Tình hình nghiên cứu về đê tài:

Từ tháng 9/1976 các kinh nghiệm nghiên cứu tham dự dựa trên quan niệm về "các nhu cầu giáo dục cơ bản" đã được triển khai trong nhiều chương trình giáo dục trong và ngoài học đường cũng như trong những đề án đào tạo giáo viên ở một số cộng đồng nông thôn Trung Mỹ. Mục đích của các hoạt động đó là làm sáng tỏ vấn đề mà dân cư nông thôn các vùng được nghiên cứu đang gặp phải - cần lựa chọn các hoạt động giáo dục như thế nào cho phù hợp (cả trong và ngoài học đường).

Mục đích của tài liệu:

Mục đích của tài liệu này là đề xuất ra những nét đại cương của phương pháp nghiên cứu tham dự.

Chúng tôi không có ý định đưa ra một mô hình có thể áp dụng cho loại nghiên cứu mọi loại tình huống. Thiết nghĩ, ở đây chỉ đề cập đến những định hướng chung và nguyên lý đại cương có thể áp dụng được trong những tình huống khác nhau.

Tài liệu này không trình bày các công cụ đặc thù (như hướng dẫn phỏng vấn, bảng điều tra, số liệu thống kê...) thích hợp với một số phần riêng biệt của phương pháp nghiên cứu đang được xem xét.

Các công cụ đó chỉ có thể được soạn thảo ra trên cơ sở từng đề án nghiên cứu tham dự cụ thể⁽³⁾, chứ không thể nêu ra trước được.

1. Đặc điểm và mục tiêu cơ bản của nghiên cứu tham dự

Theo cách "nghiên cứu truyền thống" dân chúng ở địa bàn nghiên cứu được xem xét như "thụ động", như một "nơi lưu trữ thông tin", không có khả năng nghiên cứu tình trạng của chính mình hoặc tìm ra các giải pháp cho những vấn đề của mình. Như vậy, nghiên cứu là trách nhiệm duy nhất của các chuyên gia (các nhà xã hội học, các nhà kinh tế, các chuyên gia công nghệ ...), những người được xem như là chỉ huy mới có khả năng làm rõ các vấn đề của dân chúng trong vùng được nghiên cứu và đưa ra các giải pháp tương ứng. Những kết quả của việc nghiên cứu như vậy thuộc độc quyền sử dụng của các nhà nghiên cứu và các "nhà ra quyết định", còn dân chúng thì không có hy vọng được thông tin hoặc đặt vấn đề đối với họ.

Những đặc điểm này giải thích tại sao các hoạt động được quyết định dựa trên các nghiên cứu truyền thống lại thường có hiệu quả thấp. Các hoạt động dễ trở nên xung đột với "sự phản ứng" của dân chúng khi họ phải miễn cưỡng đảm nhận thực hiện một đề án mà ở đó quan niệm và những động cơ thúc đẩy của họ đã không được tính đến.

Trái lại, với nỗ lực khắc phục những hạn chế nói trên, nghiên cứu tham dự cố gắng giúp dân chúng trong vùng nghiên cứu nhận thức rõ và phân tích có phê phán các vấn đề và các nhu cầu của mình và tìm kiếm các giải pháp cho các vấn đề mà chính họ muốn nghiên cứu và giải quyết.

⁽³⁾ Các dự án này có thể là: phát triển chương trình giáo dục khu vực, phát triển chương trình giáo dục học đường dựa trên các vấn đề của cộng đồng, lập chương trình cho các hoạt động giáo dục ngoài học đường cho người lớn, xác định chính sách hoạt động của một tổ chức, lập chương trình cho hệ thống đào tạo nông nghiệp, lựa chọn các công nghệ thích hợp nhằm đổi mới những vấn đề riêng biệt, xem xét lại chương trình giảng dạy của các trung tâm giáo dục, tiến hành khảo cứu mang tính chất quần chúng trong một lĩnh vực đặc trưng...

2. Đề xuất một mô hình nghiên cứu tham dự

Không có một mô hình duy nhất về nghiên cứu tham dự bởi vì nghiên cứu tham dự phải thích ứng với các điều kiện đặc thù (các nguồn lực, các hạn chế, bối cảnh chính trị - xã hội, các mục tiêu được lựa chọn) của từng hoàn cảnh riêng biệt.

Phương pháp đề xuất dưới đây được soạn thảo dựa trên các đánh giá của nhiều hội thảo quốc gia và khu vực về các kinh nghiệm trong nghiên cứu tham dự. Do vậy đây không phải là việc mô tả quy trình đã kiểm nghiệm mà chỉ được gọi ý một cách tiếp cận mới.

Có tính đến những nhận định trên, mô hình được đề xuất ở đây bao gồm bốn giai đoạn như sau:

- *Giai đoạn một:*

Thiết lập tổ chức và phương pháp luận nghiên cứu tham dự.

- *Giai đoạn hai:*

Nghiên cứu sơ bộ bước đầu về vùng và dân cư trong vùng được nghiên cứu.

- Xác định cấu trúc xã hội của dân cư.

- Thu thập các quan điểm của các cá nhân và các nhóm theo các vùng địa lý được nghiên cứu và những sự kiện lớn trong lịch sử của họ.

- Thu thập các thông tin kinh tế - xã hội và kỹ thuật, có sử dụng các chỉ số kinh tế - xã hội và công nghệ.

Ở cuối giai đoạn này, tiến hành thông tin trở lại các kết quả nghiên cứu cho dân chúng trong vùng được nghiên cứu.

- *Giai đoạn ba:*

Phân tích có phê phán những vấn đề được coi là ưu tiên và những vấn đề mà những người tham gia (trong các "nhóm nghiên cứu") muốn nghiên cứu và giải quyết.

Ở cuối giai đoạn này, tiến hành thông tin trở lại những tiến triển đạt được trong việc phân tích các vấn đề.

• Giai đoạn bốn:

Lập chương trình và thực hiện kế hoạch hành động (kể cả các hoạt động giáo dục) để giải quyết các vấn đề đã nêu.

2.1. Giai đoạn một

Thiết lập tổ chức và phương pháp luận nghiên cứu tham dự.

Trong giai đoạn này, đội xúc tiến nghiên cứu tham dự cùng với các tổ chức đại diện của dân chúng thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Thông báo và thảo luận về đề án nghiên cứu tham dự với dân chúng và các đại diện của họ.

+ Định ra cấu trúc lý thuyết của nghiên cứu tham dự (các mục tiêu, các quan niệm, các giả thuyết, các phương pháp).

+ Xác định vùng nghiên cứu.

+ Tổ chức quá trình nghiên cứu tham dự (các tổ chức và các nhóm tham dự, phân công nhiệm vụ, các cơ cấu ra quyết định).

+ Tuyển chọn và đào tạo các nghiên cứu viên.

+ Chuẩn bị ngân sách.

+ Định ra thời gian biểu thực hiện các giai đoạn chính của nghiên cứu tham dự.

2.2. Giai đoạn hai

Nghiên cứu sơ bộ và bước đầu về vùng và dân cư trong vùng được nghiên cứu.

Là nghiên cứu "sơ bộ" và "bước đầu" bởi vì để hiểu thấu đáo tình hình thực tế đòi hỏi một quá trình thường xuyên xuyên suốt toàn bộ quá trình nghiên cứu tham dự⁽⁴⁾.

⁽⁴⁾ Trong nhiều trường hợp, các đội xúc tiến nghiên cứu tham dự (ví dụ: một nhóm các giáo viên) không có những nguồn lực cần thiết để tiến hành khảo sát hay nghiên cứu đầy đủ đối với các vùng được xem xét. Khi đó, nên giới hạn việc nghiên cứu sơ bộ ở việc thu thập những thông tin cơ bản tối thiểu và hoàn lại việc thu thập những dữ liệu hoàn thiện hơn cho giai đoạn sau là giai đoạn "phân tích vấn đề".

Trong giai đoạn này, ba dạng thông tin sau đây phải được thu thập hoặc được phối hợp:

- Cấu trúc xã hội của dân cư trong vùng nghiên cứu.

- Quan điểm của những người xét theo khu vực địa lý và cấu trúc xã hội trong vùng được nghiên cứu, và những sự kiện lớn trong lịch sử của họ.

- Thông tin kinh tế - xã hội và kỹ thuật, có sử dụng những chỉ số kinh tế - xã hội và công nghệ.

Ba dạng thông tin này không độc lập với nhau. Cho nên cần nghiên cứu những mối quan hệ của chúng: ví dụ, việc các cá nhân hay nhóm cảm nhận và đề xuất nhu cầu của mình như thế nào không độc lập với địa vị của họ trong quá trình sản xuất.

2.2.1. Xác định cấu trúc xã hội của dân cư:

Việc xác định này là nền tảng cơ sở để:

- Phân loại nhu cầu và vấn đề của dân cư trong vùng nghiên cứu theo thứ hạng hay theo giai cấp xã hội.

- Xác định những tầng lớp xã hội cần được can thiệp và những tầng lớp thực hiện sự can thiệp đó.

- Phân công nhiệm vụ và trách nhiệm để thực hiện nghiên cứu tham dự.

Theo cách phân tích này, các khái niệm trừu tượng như "cộng đồng" hay "môi trường" trở nên có vấn đề. Tự nó dẫn đến quan niệm về một tổng thể đồng nhất các cá nhân. Như vậy nó che dấu sự phân hoá xã hội, địa vị khác nhau của các nhóm, các quan hệ và các mâu thuẫn giữa các nhóm. Quan niệm "cộng đồng" che dấu sự tồn tại các lợi ích đối kháng giữa các nhóm xã hội xét theo địa vị khác nhau của họ trong quá trình sản xuất và các quan hệ sản xuất. Thuật ngữ "nông gia" tự nó đã lừa dối vì đồng thời nó có thể bao gồm cả những người chủ những tài sản lớn, những trung nông (không có vốn) lẫn những bần nông vô sản - những người phải tha phương tìm công việc thời vụ trong nhiều năm tháng, hay những nông dân không có ruộng đất.

Việc nghiên cứu tổng thể đối với cấu trúc xã hội của "cộng đồng", của "dân cư" và của "môi trường là rất quan trọng khi các quan tâm, các vấn đề và các nhu cầu của những nông dân không có ruộng đất không giống như của những người thợ thủ công, thương nhân hay những nông dân sở hữu ruộng đất đủ bảo đảm cuộc sống cho gia đình mình. Những đại diện của những hoàn cảnh sống khác nhau còn chịu sự chi phối của các tín ngưỡng tôn giáo hay các lập trường tư tưởng. Như vậy dễ dàng nhận thấy lợi ích của thông tin về cấu trúc xã hội của dân cư đối với các hoạt động giáo dục dựa trên các nhu cầu hay các vấn đề của từng nhóm dân cư được phân định ở giai đoạn này.



Điều tra phỏng vấn hộ nghèo (Đầm phá, Thừa Thiên – Huế)

2.2.2. Thu thập các quan điểm của các cá nhân và các nhóm theo vùng địa lý và những sự kiện lớn trong lịch sử của họ :

Đây là phần nghiên cứu đặc biệt mang tính kinh nghiệm. Các nhà nghiên cứu phải cố gắng tiếp xúc trực tiếp với các cá nhân và các nhóm trong "cộng đồng" để khám phá xem họ nhận thức và trình bày các vấn đề các nhu cầu, các lợi ích của họ như thế nào, họ có những giá trị gì, họ thể hiện những giá trị đó như thế nào, họ phân tích tình hình của cộng đồng như thế nào, họ nghĩ đến kiểu hành động nào, những quan tâm của họ là gì, họ nhận thức mối quan hệ giữa những gì đang diễn ra trong "cộng đồng" và trong nền kinh tế quốc dân như thế nào, họ kể lại lịch sử của địa phương như thế nào, những sự kiện lịch sử quan trọng nhất là gì ...

Ở giai đoạn này, các nhà nghiên cứu không làm việc theo các giả thuyết hay các quan niệm đã được soạn thảo từ trước. Họ nên tạm thời "quên đi" "cách nhìn nhận sự việc" của riêng mình để hiểu rõ cách nhìn nhận sự việc của dân chúng mà họ nghiên cứu. Đây là vấn đề thâm nhập vào cuộc sống của cộng đồng được nghiên cứu, tham gia vào đời sống hàng ngày của họ, sâu sát với họ mọi lúc mọi nơi. Lắng nghe quan trọng hơn là ghi băng và ghi chép, nhìn và quan sát quan trọng hơn là quay phim, cảm nhận quan trọng hơn là suy xét, thâm nhập vào cuộc sống của họ quan trọng hơn là các cuộc viếng thăm... trong trường hợp như vậy, đừng nên mang theo sổ sách ghi chép, máy ghi âm hay bảng điều tra.⁽⁵⁾

2.2.3. Thu thập thông tin kinh tế - xã hội và kỹ thuật, có sử dụng chỉ số kinh tế - xã hội và công nghệ :

Phải gắn kết việc tìm hiểu quan điểm của các nhóm trong cộng đồng với việc phân tích khách quan tình hình thực tế. Việc nghiên cứu này được hình thành dựa trên một cấu trúc lý thuyết (các quan niệm, các

⁽⁵⁾ Trong một số trường hợp có thể sử dụng các cuộc trò chuyện trao đổi về các áp phích, quảng cáo, nhà hát nhân dân, múa rối...

giả thuyết) có liên quan đến các khía cạnh xã hội, kinh tế, chính trị và công nghệ cần cho việc nghiên cứu vùng đã định, đặt vùng đó trong bối cảnh của quốc gia và khu vực.

Các khía cạnh cần được xem xét trong việc nghiên cứu này là:⁽⁶⁾

- Các khía cạnh tự nhiên - sinh học (khí hậu, tiềm năng sử dụng đất đai, tiềm năng nguồn nước).
- Các khía cạnh nhân khẩu học (cấu trúc và sự phát triển dân số, sự di cư...).
- Các khía cạnh kinh tế (các dạng hoạt động kinh tế, sản xuất, viện trợ, phân phối và đối tượng của tín dụng, sự thương nghiệp hóa, ...).
- Các khía cạnh xã hội (sức khoẻ, nhà ở, truyền thông và vận tải, các tổ chức hiện có, những truyền thống văn hoá).
- Các khía cạnh giáo dục (tình hình giáo dục, các trường học và giáo dục ngoài học đường...).
- Phân tích tình hình và các hoạt động kinh tế của các gia đình.

Việc "nghiên cứu có kết cấu" này có thể dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau (các chuyên khảo hiện có của các Bộ, các cuộc tổng điều tra ruộng đất, các sổ địa bạ, các cơ quan phát triển, các hồ sơ lưu trữ của các Bộ...) và có thể sử dụng nhiều thủ pháp khác nhau như: các cuộc phỏng vấn có hướng dẫn với các nhân viên kỹ thuật của các tổ chức Nhà nước hay tư nhân (các nhà nông học, bác sĩ, hộ lý, kỹ sư,...), với các nhà chức trách địa phương hay vùng, với các nhóm có tổ chức; phân tích các tài liệu có liên quan, trong đó có những quá trình nghiên cứu lý luận và thực tiễn đã hoàn thành về vùng đang quan tâm; các hướng dẫn quan sát,...

Không có một công cụ khảo sát duy nhất nào. Trong từng hoàn cảnh nghiên cứu riêng, các công cụ đó phải được triển khai phù hợp

⁽⁶⁾ Ví dụ về kiểu công cụ khảo sát nên sử dụng đã được trình bày trong tài liệu của Wolfgang Harth, Guy le Boterf: "Lineamientos para elaborar un instrumento de investigación económica" UNESCO, "Red" Project, January 1979.

với cấu trúc lý thuyết do những người đề xướng nghiên cứu tham dự xác định và được thảo luận với các tổ chức đại diện cho dân chúng trong vùng nghiên cứu. Cấu trúc lý thuyết này lại phải thích ứng với những điều kiện đặc thù của hoàn cảnh đặc biệt được xem xét và với những nguồn lực nghiên cứu sẵn có.

2.2.4. Thông tin phản hồi từ giai đoạn hai:

Sau khi hoàn thành giai đoạn thứ hai, sẽ tiến hành phổ biến các kết quả thu được từ các nghiên cứu viên, các dân cư và các nhóm có tổ chức trong vùng được nghiên cứu.

Điều đặc biệt quan trọng là thảo luận về sự đối lập giữa các kết quả nghiên cứu kinh tế - xã hội và kỹ thuật với các quan niệm và quan điểm vốn có của các nghiên cứu viên.

Các mục tiêu của việc trình bày và thảo luận các kết quả nghiên cứu là:

- Những người tham dự và các cư dân khác có được nhận thức khách quan hơn về tình hình của mình.
- Hợp tác với những người trong vùng nghiên cứu để xác định các vấn đề mà họ coi là những ưu tiên và muôn nghiên cứu để giải quyết chúng.
- Tìm hiểu phản ứng của dân chúng đối với các kết quả nghiên cứu để định hướng các giai đoạn của quá trình nghiên cứu tham dự.

Các hoạt động thông tin phản hồi không chỉ cần đến những hình thức thông tin đơn giản (các tranh vẽ, áp phích, ...), qua đó mọi người có thể hiểu được các kết quả nghiên cứu, mà còn cần đến sự "nâng động nhóm" để thảo luận các kết quả này, so sánh các quan điểm, đề xuất các hướng nghiên cứu mới, lựa chọn và thảo luận các vấn đề, nêu ra những giả thuyết mới...

Trong việc tổ chức các nhóm để thảo luận các kết quả nghiên cứu, cần phải chú ý đến những phân tích đã nêu trên về cấu trúc xã hội của dân cư trong vùng nghiên cứu. Thành phần xã hội của các nhóm có thể thúc đẩy hoặc cản trở việc trình bày hay thảo luận các vấn đề đã

nói trên cũng như sự đối chất giữa các quan niệm khác nhau về các vấn đề này. Khi xác định mức độ ưu tiên cho các vấn đề, điều quan trọng là phải phân biệt sự khác nhau giữa một vấn đề "ưu tiên" (tức là vấn đề then chốt, quan trọng, quyết định hay ảnh hưởng đến các vấn đề khác) với vấn đề "bức bách" (vấn đề cần được khẩn trương giải quyết trong thời gian ngắn, nhưng không phải là nhân tố quyết định để hiểu và giải quyết các vấn đề khác).

2.3. Giai đoạn ba

Phân tích có phê phán những vấn đề được coi là ưu tiên và những vấn đề mà những người tham dự muốn nghiên cứu.

2.3.1. Hình thành các "nhóm nghiên cứu":

Thông tin phản hồi trong giai đoạn thứ hai tạo ra cho giai đoạn này khả năng xác định những vấn đề ưu tiên nhất định mà những người có trách nhiệm và các cư dân khác cũng như các nhóm có tổ chức quan tâm muốn nghiên cứu và giải quyết.

Giai đoạn thứ ba này của quá trình nghiên cứu tham dự dành cho các nỗ lực ban đầu trong phân tích có phê phán các vấn đề ưu tiên đã xác định do "nhóm nghiên cứu", được tổ chức xoay quanh các vấn đề nói trên thực hiện.⁽⁷⁾ "Các nhóm" này có thể là các nhóm sinh viên (nếu quá trình nghiên cứu tham dự được tiến hành trong bối cảnh giáo dục học đường chính qui như là một phần của quá trình đào tạo) hoặc là các nhóm gồm những người láng giềng (nếu việc nghiên cứu tham dự được triển khai bởi các dân cư của một làng, một vùng của đất nước).

⁽⁷⁾ Đó là nỗ lực "ban đầu" trong phân tích có phê phán, bởi vì kiểu phân tích này không thể thực hiện đầy đủ trong bất cứ giai đoạn nào trước khi hành động. Các hoạt động và các kết quả hoạt động cũng sẽ đòi hỏi được phân tích. Mặt khác, vì lý do xã hội và giáo dục cần lưu ý đến một thực tế là những người quan tâm đến việc nghiên cứu vấn đề không thể chờ đợi có kết quả phân tích dài hạn rồi mới hành động: như vậy, quá trình phân tích có thể bắt đầu trước, nhưng phải tiếp tục trong suốt quá trình hành động. Đây không chỉ là vấn đề tìm hiểu thực tại, mà còn là vấn đề biến đổi thực tại.

2.3.2. Những tư chất cần có của "người hướng dẫn" (facilitater) các nhóm nghiên cứu:

Việc huấn luyện thường xuyên những "người hướng dẫn" (giáo viên, người làm công tác xã hội, trợ lý,...) cần bao gồm các nội dung sau:

- Phương pháp luận nghiên cứu về kinh tế - xã hội.
- Kiến thức xã hội học.
- Tâm lý học xã hội.
- Kiến thức kỹ thuật (chẳng hạn kỹ thuật nông nghiệp, nếu làm việc trong môi trường nông thôn).
- Các phương pháp và kỹ năng "giáo dục quần chúng".

Hơn nữa, người hướng dẫn cần phải có hiểu biết và kinh nghiệm về môi trường xã hội, kinh tế và văn hóa của các thành viên thuộc nhóm nghiên cứu.

2.3.3. Phân tích có phê phán các vấn đề:

Mục tiêu của các hoạt động phân tích có phê phán là nâng cao hơn nhận thức khách quan về các vấn đề và tình hình thực tế của các nhóm nghiên cứu.

Vấn đề là xuất phát từ hiện tượng để khám phá ra bản chất ẩn giấu bên trong những biểu hiện bề ngoài và những quan hệ trực tiếp hàng ngày. Nói cách khác, không chỉ cần mô tả các vấn đề, mà còn phải giải thích chúng và cố tìm ra những chiến lược hành động có thể được.

Trong các nhóm này, "người hướng dẫn" kích thích và triển khai quá trình phân tích. Quá trình này có thể được chia làm ba bước.⁽⁸⁾

⁽⁸⁾ Đây là các "bước" chứ không phải các "giai đoạn", bởi vì quá trình phân tích do các thành viên của nhóm nghiên cứu phát động có thể quay trở lại các bước này trong một số trường hợp, tùy theo đặc điểm của vấn đề đã định và tiến triển của chúng, những trở ngại gặp phải, các phương pháp được sử dụng và những đặc điểm của chính nhóm nghiên cứu. Việc phân tích không phải là quá trình đi theo đường thẳng được quy định từ trước.

- **Bước thứ nhất:** đưa ra "kiến nghị" thường ngày về vấn đề khó khăn

* Mục đích: Trong bước này, các thành viên của nhóm nghiên cứu cần diễn đạt cách thức, phản ánh, hình thành và đặt vấn đề mà họ muốn xem xét và giải quyết. Lúc này "người hướng dẫn" không nên đưa ra vấn đề, mà chỉ nên giúp các thành viên bộc lộ rõ xem họ nhận thức vấn đề như thế nào, họ giải thích chúng ra sao, họ phân tích tình hình như thế nào, và họ nghĩ đến những kiểu giải pháp gì.

* Một số câu hỏi: Để hoàn thành vai trò của mình, "người hướng dẫn" có thể đưa ra những câu hỏi khác nhau, những câu hỏi này phải thích hợp với từng lúc, từng hoàn cảnh cụ thể và những vấn đề được nêu. Sau đây là một số câu hỏi ví dụ:

Có khó khăn gì vậy?

Chúng ta biết gì về khó khăn đó?

Thực tế là gì?

Khó khăn được biểu thị như thế nào?

Khó khăn ở đâu?

Khó khăn đã bắt đầu khi nào?

Khó khăn tác động đến những ai?

Những hậu quả của khó khăn?

Những nguyên nhân của khó khăn này là gì?

Đã có những cố gắng nhằm giải quyết khó khăn đó nhưng vẫn thất bại? Tại sao?

Chúng ta có thể làm gì để giải quyết khó khăn?

Chúng ta sẵn có hoạt động và nguồn lực nào?

Những gì vượt quá khả năng của chúng ta?

* Tổ chức công việc:

Quá trình đưa ra "kiến nghị" về vấn đề phải được tiến hành trong các nhóm làm việc nhỏ (không quá mười thành viên).

- **Bước thứ hai:** suy xét những "kiến nghị" về khó khăn

* Mục đích: Trong bước này, "người hướng dẫn" cần giúp các thành viên suy xét những "kiến nghị" của họ về vấn đề đặt ra. Đây là bước cơ sở để triển khai quá trình "phân tích có phê phán" những kiến thức thông thường về một hiện tượng nào đó (một vấn đề, một tình hình...). Ở đây, "nguyên liệu thô" của việc suy xét là cấu trúc của các vấn đề và những "kiến nghị" của các thành viên về các vấn đề đó kể cả những kiến nghị đã được họ nêu ra ở bước trước.

Trong thực tế, nếu chúng ta tự hạn chế trong việc nghiên cứu những gì cảm nhận được để mô tả chúng và tích luỹ những quan sát thực nghiệm để giải thích chúng thì sẽ dẫn đến một loạt các quan điểm khác nhau, tăng cường những ràng buộc về tư tưởng làm chi phối quan niệm của những người tham gia, từ đó dẫn đến sự lẩn lộn các nguyên nhân bê ngoài với các nhân tố quyết định, thuộc kết cấu bên trong - những nhân tố sản sinh ra vấn đề hoặc tình hình đang đặt ra, đồng thời hạn chế việc phân tích chỉ còn là việc mô tả thuần túy những biểu hiện nông cạn bề mặt của vấn đề, chứ không đi sâu vào những nguyên nhân căn bản của nó. Hãy lấy vấn đề suy dinh dưỡng làm ví dụ, sẽ là nguy hiểm nếu cho rằng nguyên nhân cơ bản là vấn đề giáo dục và rằng đó là "sai lầm của chính nạn nhân".

Cũng như vậy, cách tiếp cận kinh nghiệm sẽ qui vấn đề suy dinh dưỡng thành vấn đề chuẩn bị và bảo quản lương thực, mà không giải quyết các nguyên nhân quyết định chế độ sở hữu và phân phối ruộng đất, hệ thống cho vay và mậu dịch, các chiến lược của các công ty xuyên quốc gia trong hệ thống nông - công nghiệp, sự phân công lao động quốc tế.

Thiết nghĩ công việc ở đây cần dựa trên những mâu thuẫn của kiến thức thông thường. Kiến thức này bao gồm những mảng kiến thức khoa học, những dữ kiện khách quan, nhận thức cục bộ về nguyên nhân



Thảo luận nhóm về biện pháp cải thiện hoàn cảnh
của phụ nữ nghèo vùng ngoại ô TP. Hồ Chí Minh

của vấn đề, và những hiểu biết kinh nghiệm hữu ích; nhưng mặt khác, nó bị hạn chế bởi thực tế là nó vẫn chỉ ở trình độ nhận thức vấn đề theo những khái niệm riêng rẽ mà theo nghĩa nông cạn của những khái niệm đó. Vẫn lấy ví dụ về nạn suy dinh dưỡng, những người nông dân trong nhóm nghiên cứu hiểu được rằng vấn đề này không thể giải quyết được nếu chỉ nhờ đến hoạt động "bếp núc", vì nó liên quan đến các nhân tố của sản xuất nông nghiệp và quyền sở hữu ruộng đất. Tuy nhiên, họ có thể không nhận thức được vai trò của dinh dưỡng trong việc tái sản xuất sức lao động, các cơ chế cho vay, hệ thống thị trường quốc gia và quốc tế, những quy trình quyết định giá nông sản, những đặc điểm của một khẩu phần ăn cân bằng, vai trò và các khả năng,

điều kiện và hạn chế của các hợp tác xã sản xuất,... Vì vậy, cần khẳng định rằng, trong quá trình nghiên cứu tham dự nếu những người tham gia chỉ nhận thức được một số yếu tố khách quan nhất định về vấn đề nghiên cứu, thì không thể có được giải pháp trừ khi những người này vượt qua được trình độ hoạt động thuần túy cá nhân, hầu như chỉ dựa trên những dữ liệu chỉ thuộc kiến thức thông thường.

Những công cụ cần có của "người hướng dẫn":

Một trong những nhiệm vụ chính của "người hướng dẫn" là giúp các thành viên trong nhóm nghiên cứu hiểu được cách thức mà chính họ sử dụng để phân tích các vấn đề. Chức năng của "người hướng dẫn" trong khía cạnh này là làm cho những phát biểu của những người tham gia trở nên rõ ràng và dễ hiểu.

Một nhiệm vụ khác là thúc đẩy việc suy xét những "kiến nghị" về những vấn đề, những quy trình và những phương pháp đã được sử dụng.

Cũng như trong bước đầu, một loạt các thắc mắc và câu hỏi sẽ giúp người hướng dẫn thúc đẩy việc suy xét nói trên. Những câu hỏi này có thể, chẳng hạn, giúp những người tham gia nhận thức được, vấn đề có thể được nghiên cứu từ nhiều góc độ khác nhau, vấn đề bao gồm nhiều khía cạnh khác nhau, việc mô tả giản đơn vấn đề sẽ không cung cấp được các dữ liệu khách quan, vấn đề không chỉ tồn tại ở cấp làng mà còn trong toàn bộ các tầng lớp xã hội của đất nước, vấn đề (trường hợp suy dinh dưỡng) không thể được xem xét biệt lập với với các vấn đề như sức khoẻ, nhà ở, quyền sở hữu và sử dụng đất đai, quan hệ ngoại thương của đất nước, cơ cấu và chính sách cho vay. Hơn nữa cách suy xét tùy thuộc vào từng nhóm nghiên cứu, nhưng điều cơ bản là, khi bước này hoàn thành, những người tham gia sẽ nhận thức được nhiều cách tiếp cận có thể, khác nhau; mỗi người trong số họ sẽ hành

động dựa trên những giả thiết tàng ẩn, những hạn chế nhất định trong sự hiểu biết tình hình của họ, những khả năng mở rộng sự phân tích, mà những dữ liệu khách quan mà họ đã biết.

- **Bước thứ ba:** đặt lại vấn đề

* Mục đích: Sau khi quá trình suy xét được mô tả ở trên đã được tiến hành, bước thứ ba sẽ nhằm đặt lại vấn đề dưới dạng khách quan hơn những gì đã có thể làm được trong bước thứ nhất.

* Việc khách quan hóa này bao gồm:

- Mô tả vấn đề: (nhận dạng các "quan điểm" và các "khía cạnh"; lập danh mục, phân loại và so sánh thông tin; nhận dạng những mâu thuẫn giữa các yếu tố khác nhau của tình hình; diễn biến của vấn đề theo thời gian và không gian; lựa chọn những vấn đề khác; vấn đề ở tầm khu vực hay quốc gia...).

- Giải thích vấn đề: Xác định cả những nguyên nhân trực tiếp của vấn đề, các quy luật và các mối quan hệ giữa các vấn đề khác nhau và những "biến số" mà người ta có thể tác động tới.

- Những chiến lược hành động khả thi: xây dựng những kịch bản hành động và đánh giá các kết quả mong đợi; tìm những giải pháp mang tính trực tiếp, trong hay ngoài khả năng của những người tham gia; những hành động tập thể cần thiết và tinh đoàn kết.

Mặc dù rõ ràng là có nhiều vấn đề không thể được giải quyết hoàn toàn ở cấp cá nhân hay địa phương, tuy nhiên việc xác định các cấp hành động khả thi khác nhau vẫn quan trọng. Nhu cầu về các giải pháp tổng thể dài hạn không loại bỏ khả năng cố gắng cải thiện tình hình cục bộ trong thời hạn ngắn. Vấn đề là xác định rõ những hạn chế của các hành động trên và hiểu rõ những điều kiện và dạng hành động được tiến hành dài hạn và trên quy mô lớn hơn nhằm tác

động được đến những nhân tố thuộc cấu trúc làm phát sinh ra các vấn đề.

Điều này buộc các thành viên tham gia cố gắng vận dụng các công cụ một cách hệ thống hơn nhằm tìm ra những thông tin cần thiết (chẳng hạn các chỉ số).

Tính liên tục :

Sau khi bước thứ ba kết thúc, cần xác định rõ quá trình phân tích có phê phán không dừng lại ở đây, và những gì đã dự định làm ở đây là kích thích hay phát huy tính năng động, khả năng suy xét có phê phán.

Quá trình triển khai các hoạt động nhằm góp phần cải thiện tình hình hay giải quyết vấn đề cũng dẫn đến những đòi hỏi mới, những thông tin mới, những trở ngại mới, những nguồn lực mới, những cách giải thích mới và những quan niệm mới.

2.3.4. Các hoạt động thông tin phản hồi của giai đoạn ba

Trong giai đoạn thứ ba này, các hoạt động thông tin phản hồi bao gồm việc truyền thông của từng "nhóm nghiên cứu" về các kết quả hoạt động của mình cho các nhóm khác và bộ phận còn lại của "cộng đồng".

Mục đích của việc truyền thông là khám phá ra các mối quan hệ qua lại hiện tồn tại giữa các vấn đề đã được nghiên cứu và nâng cao nhận thức trong toàn thể "cộng đồng" về tình hình hiện tại của họ.

2.4. Giai đoạn bốn : Lập chương trình và thực hiện các kế hoạch hành động (kể cả các hoạt động giáo dục) nhằm góp phần giải quyết các vấn đề đã được đặt ra

2.4.1. Nội dung của kế hoạch hành động

Kế hoạch hành động dựa trên các vấn đề đã được phân tích, bao gồm:

- Các hoạt động giáo dục nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân tích đã được cải thiện về các vấn đề và tình hình đã diễn ra.
- Các biện pháp cải thiện tình hình địa phương.
- Các hoạt động giáo dục để tạo khả năng thực hiện các biện pháp trên.

- Các hoạt động nhằm xúc tiến các giải pháp trung hạn và dài hạn, ở cấp địa phương hay cấp rộng hơn.

2.4.2. Thông tin phản hồi của kế hoạch hành động

Kế hoạch hành động và việc thực hiện kế hoạch đó cũng cần đến quá trình thông tin phản hồi, tức là thảo luận và đánh giá thường xuyên về phương hướng, nội dung và việc thi hành kế hoạch đó.

Xuất phát từ quan điểm quần chúng, việc phân cấp quyết định ở đây cũng được thực hiện giống như trong giai đoạn trước, khi tiến hành khảo sát và phân tích có phê phán các vấn đề.

3. Nghiên cứu tham dự

Một quá trình thường xuyên:

Quá trình nghiên cứu tham dự không dừng lại ở bốn giai đoạn như đã nêu ở trên. Việc phân tích có phê phán tình hình thực tế và tiến hành các hoạt động theo chương trình đã định sẽ dẫn đến việc khám phá ra những khó khăn mới, những nhu cầu mới, những khía cạnh mới của vấn đề. Những hoạt động này lại là nguồn tạo ra những kiến thức mới và những giả thuyết mới. Do vậy, khảo sát, phân tích có phê phán và hành động tạo thành ba bước quan hệ khăng khít với nhau của một quá trình thường xuyên bao gồm: nghiên cứu, phản ánh và biến đổi thực tại.

2.3. Hai mươi mốt gợi ý đối với những cuộc hội thảo ngắn, đông người về phương pháp tham dự nhanh (PRA) ⁽⁹⁾

Robert Chambers

Một dạng hội thảo về phương pháp PRA có thể được tổ chức với rất đông người tham dự trong một thời gian ngắn, hơn một buổi, hoặc trong một, hai ngày. Việc này có thể sẽ có tác dụng:

- Làm cho các công chức, các học viên, những người làm việc ở trường đại học, các thành phố và các trung tâm đào tạo... làm quen với những yếu tố và cách tiếp cận PRA.
- Tạo điều kiện gặp gỡ cho một số người vốn đã có ý định thực hiện và theo đuổi cách tiếp cận này.
- Tập hợp tất cả những người quan tâm đến cách tiếp cận PRA sao cho họ có thể gặp gỡ và cùng nhau theo đuổi cách tiếp cận này.

Có thể tiến hành những cuộc hội thảo "đơn giản" này với số lượng người rất linh hoạt. Đầu nhất là đến 180 người, còn trên 60 người là chuyện hoàn toàn bình thường. Tính không giới hạn về số lượng người tham gia sẽ khuyến khích những người đăng cai mời thêm nhiều người khác trong tổ chức của họ cũng như từ các tổ chức khác với hy vọng chia sẻ quan điểm và phát triển mạng lưới. Nó khác với các cuộc hội thảo tổng kết kinh nghiệm thực tế mà ở đó số lượng người tham gia có thể bị hạn chế, ngay cả khi số tiền thu thêm từ những người tham gia có khi vượt quá chi phí.

Để tổ chức một cuộc hội thảo lớn trong một, hai ngày như vậy thu được kết quả cao, có hai mươi mốt gợi ý sau :

⁽⁹⁾ RRA Notes Number 19, 1994.

1. Chọn phòng : Chọn một phòng lớn (thường không quá lớn và không phải dùng đèn micrô) với nhiều tường để có thể dán được các biểu đồ.

2. Chuẩn bị phòng : Xếp đặt trong phòng trước và chú ý dán thông báo yêu cầu đừng đặt ghế theo hàng.

3. Bố trí chỗ ngồi không nghi thức: Đối với đông người, nên dùng các ghế riêng rẽ, đặt theo hình chữ U; hoặc dùng nhiều bàn nhỏ cho các nhóm nhỏ, chủ yếu là các nhóm ba người. Không đặt bàn giữa bạn và người tham dự. Không qui định chỗ ngồi. Nên sử dụng nhiều ghế không có tựa.

4. Các yêu cầu/nguyễn vọng : Nên có vài người đứng đón người tham dự ngay khi đến và mời viết các yêu cầu/nguyễn vọng của họ rồi dán lên. Đọc và lược bớt một số tờ ghi đó lúc bắt đầu hội thảo, nếu cần thì thay đổi bổ cục của chương trình.

5. Thông nhất chương trình : Thảo luận xem mọi người có thể ngồi lại bao lâu, chương trình làm việc như thế nào và ấn định (chỉ làm khi thấy cần thiết) thời gian kết thúc. Khi đông người, dễ nhất là biểu quyết bằng cách giơ tay về các thời điểm kết thúc được đề xuất. Có thể tổ chức xem video ngoài thời gian họp chính, ví dụ vào buổi tối, cho những ai muốn xem và có thể nán lại được.

6. Giới thiệu : Nếu đông người, việc tự giới thiệu cá nhân từng người sẽ mất nhiều thời gian, trừ khi mỗi người chỉ nêu tên và noi làm việc. Một cách nhanh là hỏi "Chúng ta là ai ?" với cách giơ tay theo loại tổ chức, ngành, nghề, quốc tịch... Đề nghị mọi người nhìn xung quanh tìm người mà mình muốn trao đổi. Hãy hỏi: "Còn sót ai không? ". Điều này làm cho mọi người trở nên năng động hơn và đa số sẽ rất hứng thú tìm hiểu về sự hoà trộn các nghề nghiệp... Thông thường sẽ có những lời hài hước về những người bị bỏ sót. Truyền tay nhau để điền vào bản ghi tên và địa chỉ và cần một người đi theo bản này để xem mọi người viết có rõ ràng không, sau đó đem bản này đi đánh máy và phân phát tới mọi người vào lúc kết thúc.

7. Luân phiên giữa họp toàn thể và trao đổi trong các nhóm nhỏ : Hãy tuyên bố ngay từ đầu rằng mọi người sẽ phát biểu không quá 10 phút và thời gian để mỗi người có thể thảo luận với những người bên cạnh về những gì đã nghe trong vòng 1 đến 5 thậm chí 10 phút. Không nhất thiết phải thu được những thông tin trả lại từ toàn thể mọi người trong những lúc trao đổi ngắn này. Những lúc trao đổi ngắn này có một số lợi thế: duy trì được sự chú ý, khuyến khích lắng nghe tích cực, cho phép mọi người tham gia, tạo cho mọi người một lúc nghỉ ngơi, một cơ hội chuyển nhóm, và một cơ hội lắng nghe những gì người ta đang bàn bạc.

8. Xác định và sử dụng kinh nghiệm trong nhóm : Hãy hỏi, chẳng hạn, "Ai ở đây đã có kinh nghiệm về PRA (cách tiếp cận đánh giá nông thôn nhanh), về PRA, hoặc về những cách tiếp cận tham dự khác?" Tương tự có thể hỏi về du lịch phát triển nông thôn, về những cuộc khảo sát bằng bảng điều tra ... Sau đó đón nhận các kinh nghiệm, coi nó như là một nguồn lực cho cả nhóm. Trong những thời gian trao đổi cố gắng điều phối lại những người có kinh nghiệm cho các nhóm sao cho tất cả mọi người đều có cơ hội tìm hiểu. Việc này có thể được thực hiện dễ dàng bằng cách giơ tay rồi sau đó lập các nhóm xung quanh những người giơ tay đó.

Tương tự, mỗi khi có một chủ đề được nêu ra (ví dụ, lập bản đồ tham dự), hãy hỏi xem có ai đã hướng dẫn làm việc này và nếu có, đề nghị họ phổ biến kinh nghiệm. Việc này có tác dụng rất lớn.

9. Đặt câu hỏi : "Bạn có thể đoán ra được điều đó không?" Khi có những vấn đề bí ẩn hoặc khó nắm bắt, bạn có thể đặt cược một số tiền và đưa ra mười câu hỏi để mọi người suy đoán. Bài học là ở những điều quên chúng biết mà ta không biết.

10. Phân tích nhanh theo nhóm : Cho các nhóm những bài phân tích nhanh, các nhóm viết rồi dán lên bảng. Ba ví dụ :

- Phòng vấn bán cầu trúc, những việc phải làm và những việc không được làm;

- Những ưu thế và những vấn đề của các nhóm;
- Lập bản đồ tham dự: trên thực địa hay trên tờ giấy ? Lợi thế của mỗi cách.

Sau đó tất cả người tham dự đứng lên và đọc những bản viết dán trên bảng, ghi những điểm quan trọng mà nhóm của họ không có. Một số điểm có thể được đặc biệt lưu ý.

11. Đa dạng các phương pháp lấy thông tin trở lại: Trên đây tôi đã trình bày, theo từng giai đoạn tách rời, một loạt các phương pháp phân tích, và lấy thông tin trở lại. Có thể kết hợp các thủ pháp sau đây tạo nên nhiều trình tự khác nhau :

- Các cá nhân nói, không ghi chép gì;
- Trước khi thảo luận, mỗi người tham gia làm một bảng cá nhân;
- Các cá nhân nói, người hướng dẫn ghi những nhận xét;
- Các nhóm thảo luận cùng một chủ đề hoặc khác chủ đề;
- Các nhóm phát biểu lần lượt, không ghi chép gì;
- Các nhóm phát biểu lần lượt, người hướng dẫn ghi những nhận xét;
- Các nhóm nhỏ hợp lại và so sánh các ghi chép;
- Các nhóm đồng thời cử đại diện lên viết trên bảng;
- Mỗi nhóm làm một bảng riêng của mình rồi dán chúng lên tường, sau đó tất cả đứng dậy, đọc, ghi chép, suy nghĩ về những gì đã được đặt ra.

12. Chuyển một số hoạt động của hội thảo vào giờ giải lao: khi các nhóm có thể kết thúc vào các thời điểm khác nhau thì hãy chuyển nó vào giờ giải lao uống nước, cà phê hay ăn trưa... Điều đó sẽ giúp tiết kiệm thời gian trong khi chỉ gò bó đối với những nhóm làm việc quá say sưa hoặc chậm chạp.

13. "Nghiên cứu" nhanh tổng thể : Chỉ ra cách làm thế nào mà một nhóm có thể nhanh chóng đưa ra thông tin định lượng có chất lượng cao. Việc này có thể thực hiện bằng hình thức giơ tay, bỏ phiếu kín hay xếp thành hàng (chẳng hạn, để tìm hiểu tính mùa vụ của sự thụ thai, hãy xếp các bảng nhỏ có ghi tên các tháng thành một dãy ngang rồi yêu cầu mọi người đứng xếp hàng sau từng bảng có ghi tên tháng trùng với tháng họ sẽ sinh con).

14. Thay đổi quy mô và các thành phần của nhóm⁽¹⁰⁾ : Ở đây tôi nói nhiều hơn về cách làm, có rất nhiều cách. Chẳng hạn từ các nhóm ba người ghép lại thành nhóm sáu người bằng cách ghép hai bàn vào làm một, có thể theo cách tùy nghi di tản xếp hết tất cả các bàn vào góc tường tạo thành những nhóm ngẫu nhiên. Mặc dù vậy, vì một số mục tiêu nhất định, tốt nhất vẫn là có được các nhóm gồm những người đã quen biết nhau hay có những hiểu biết và quan tâm chung. Muốn vậy, có thể ứng dụng cách tập hợp theo ma trận chẳng hạn, khi đó các nhóm sẽ tiết kiệm được thời gian khi quyết định việc phải làm và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho mọi người tham dự. Kinh nghiệm tổng quát của tôi là cần định kỳ xáo trộn lại các nhóm, mặc dù một số người ở trong một số nhóm không muốn như vậy.

15. Báo trước : Báo trước cho mọi người về bài luyện tập thực hành sắp làm và giải thích những yêu cầu của việc này (ví dụ: những

⁽¹⁰⁾ Xem bài của Robert Chamber: "Twenty-one Ways of forming Groups", số 26 về vấn đề này: Các ý tưởng và khái niệm.

biến thái của hành vi/thái độ đối với bài luyện thể hiện không bằng lời, những biến thái của việc lập bản đồ tham dự trong luyện tập của nhóm trên thực địa hay trên giấy tờ, những biến thái của các phương pháp trong các bài thực hành đơn giản).

16. *Giải toả các gò bó*: Hãy khai mạc một cách không nghi thức, luôn duy trì trạng thái đó, dẫn đến sự thoái mái tự nhiên ngày càng lớn trong quan hệ qua lại giữa các nhóm. Tôi thường cố thực hiện bài luyện thể hiện không bằng lời vào cuối buổi sáng đầu tiên. Đây có thể là việc rất khó đối với nhiều người. Tôi tin rằng có nhiều cách để làm việc này. Tôi cố gắng thực hiện trình tự các nội dung rèn luyện theo phương pháp tham dự như:

- Nêu lên những sự mong đợi;
- Chúng ta là ai ?
- Tự giới thiệu mình với những người bên cạnh (trước lúc trao đổi);
- Du lịch phát triển nông thôn: chia sẻ kinh nghiệm của bạn;
- Khảo sát bằng bảng điều tra: chia sẻ các kinh nghiệm, các biểu đồ cho các vấn đề (ở giai đoạn này, các nhóm thường trộn lẫn nhau);
- Bạn có thể đoán được điều đó ?
- Chúng ta xem xét các sự vật như thế nào ?
- Bàn luận về hành vi mà chúng ta thấy có những biến dạng tương phản;
- Ngồi tuy nghỉ lẩn lộn (nhưng để một vùng trống giữa phòng);
- Bài luyện thể hiện không bằng lời (có tác động đến một số người);

Cứ để nguyên phòng họp trong sự hỗn độn hợp lý, với một vùng trống ở giữa, cho buổi chiều. Tôi nhận thấy tôi có nguy cơ bị gò bó trong trình tự của chính tôi. Có lẽ tôi phải tổ chức lại (xem gợi ý 21).

17. *Điển tập các hoạt động* : Khó lựa chọn giữa làm nhanh hay làm chậm. Với việc vẽ ngay sơ đồ những người xung quanh mình thì làm nhanh là phù hợp (2 phút là đủ), nhưng đối với những bài tập của nhóm - tập hợp theo ma trận, vẽ bản đồ và mô hình tưởng tượng, phân tích xu hướng và biến động, phân tích sử dụng thời gian, các lịch trình thời vụ ... thì có thể phải ấn định thời gian chặt chẽ sao cho các nhóm phải làm nhanh, có thể chỉ cần 10 phút đối với một số phương pháp. Có thể có người phàn nàn về thời gian quá ngắn, nhưng đồng thời họ cũng muốn thử qua tất cả các phương pháp. Bài tập hợp theo ma trận cần thời gian dài hơn, nhưng có thể rút ngắn thời gian bằng cách đưa ra một chủ đề (ví dụ các tổ chức phát triển) mà người ta có thể so sánh dễ dàng và hứng thú với các chủ đề khác, đồng thời để cho các nhóm làm những gì khác nếu họ muốn.

Hãy đi ra ngoài và làm việc đó trên đất, nếu có thể.

Đối với các hoạt động điển tập này, phấn, hạt giống (một số loại), giấy, bút, kéo ... đều có ích.

18. *Xử lý áp phích treo tường*: Các áp phích này nên treo quá đầu người, để cố định. Bạn có thể thảo luận về một số điểm, bỏ qua những điểm đã rõ. Các thành viên tham gia có thể sao chép chúng khi rỗi rã nếu họ muốn. Các áp phích treo tường có ảnh có thể tạo ra những ấn tượng lớn.

19. *Phát hiện và tránh những sơ xuất thường có*: mọi người đều có những sơ suất, những thói xấu. Bạn hãy tự lập những bản ghi những sơ suất thường có của mình. Những sơ suất mà tôi nhận thấy khá rõ là :

- Mắt bình tĩnh trước khi khai mạc (nhất là khi có sự phê phán). Ban tổ chức hội thảo về phòng quá tồi, bàn ghế thô sơ, máy chiếu quá lỗi thời, màn ảnh không phù hợp, tường không rộng, phấn quá tồi, bảng đen không dùng được, rì đô che mắt ánh sáng ...);

- Nêu ra quá nhiều biến thái khác nhau (hãy hạn chế bớt, hãy theo đuổi mục tiêu chính);

- Phát biểu mỗi lần quá 10 phút;

- Đưa quá nhiều tài liệu lên màn ảnh;

- Để mặc người nghe bàn tán nhiều làm ảnh hưởng đến người khác (giải pháp: giảm bớt thời gian phát biểu để dành thời gian cho thảo luận);

- Bố trí những tiết làm việc đầu ngày quá dài.

- Nói quá nhiều về những sự kiện thực tiễn, do đó phải rút ngắn thời gian để nêu lên những nhận xét và thảo luận;

- Cố rút ngắn quá mức những giờ giải lao (uống cà phê, chè,...);

- Nói lảm bẩm;

- Dạy đót;

- Nóng nẩy, vung tay, bứt tai, bứt tóc;

- Không dành thời gian để trả lời các câu hỏi đã đặt ra;

20. Dánh giá: Dành một ít thời gian để những người tham dự viết trả lời nhanh, không cần ký tên cho quãng 4 câu hỏi in sẵn, chẳng hạn:

- Những yêu cầu của bạn đã được thực hiện ?

- Bạn thấy điều gì là có ích nhất ?

- Bạn thấy điều gì là ít có ích nhất ?

- Nên cải tiến một cuộc hội thảo kiểu này như thế nào ?

21. Hãy khám phá, hãy thử nghiệm! Mỗi lần, cố thử nghiệm một điều gì mới; Và còn gặp những thất bại.

2.4. Một số nhận xét về kiểm tra chất lượng trong nghiên cứu tham dự

Một trong những phê phán chính đối với quá trình nghiên cứu tham dự là chất lượng của quá trình nghiên cứu này không đảm bảo. Tất nhiên, sự phê phán đó có cơ sở nhất định, vì các nhà khoa học chuyên nghiệp thường có yêu cầu khắt khe đối với khoa học và đề ra những tiêu chuẩn cho nghề này. Theo họ, nếu việc thu thập dữ liệu được tiến hành bởi những người dân bình thường, chứ không bởi các nhà khoa học mà được gọi là khoa học, thì như vậy là nói lồng hoàn toàn tiêu chuẩn nghề nghiệp của họ. Một số người còn cố phân biệt việc nghiên cứu khoa học với việc thu thập dữ liệu trên báo chí hay việc thu thập ngẫu nhiên các thông tin. Do đã quá nhấn mạnh vào những nguyên tắc cơ bản của việc thu thập dữ liệu khoa học và uy tín trong nghiên cứu thường gắn với những công trình nghiên cứu dài hạn cũng như với những công cụ nghiên cứu tinh xảo, cho nên họ đã quy việc nghiên cứu là việc chỉ của riêng một số ít người xung quanh những viện nghiên cứu hàng đầu. Giá trị của công trình nghiên cứu được gắn liền với giá trị khoa học hơn là với tính thích đáng về mặt xã hội.

Có thể xem việc cố gắng tổ chức lại quá trình thu thập dữ liệu và kích thích sự tham dự là một cuộc cách mạng tương tự việc đưa ra quan niệm chăm sóc sức khỏe ban đầu. Liệu một người đã có học bảy năm và trở thành một nhà vật lý có được phép chăm sóc trẻ em bị mất nước do bệnh tiêu chảy không? Câu trả lời rõ ràng là KHÔNG. Có thể đặt câu hỏi tương tự trong lĩnh vực nghiên cứu: Phải chăng chỉ những dữ liệu do những người đã được đào tạo trong trường Đại học thu thập mới có giá trị? Chắc chắn câu trả lời cũng rõ ràng là KHÔNG, nhưng lúc này nảy ra tranh luận. Điều cốt yếu là dữ liệu được thu thập theo đúng phương pháp. Như vậy, vấn đề chất lượng đã được đặt ra.

Dễ dàng xác định chất lượng của nghiên cứu khoa học. Cách làm đơn giản. Có thể thử nghiệm mỗi giả thuyết đưa ra. Một thử nghiệm có thể đánh giá được những luận đe khác nhau. Công trình nghiên cứu khoa học mà liên quan đến nhiều luận đe thì rất khó thực hiện, nên các nhà nghiên cứu có xu hướng đơn giản hóa hết mức việc nghiên cứu để có thể nghiên cứu một hay hai luận đe thôi. Lượng hóa là cách dễ nhất để đánh giá, bởi vì việc đánh giá được thể hiện qua những đơn vị tính chung. Nghiên cứu định tính thì khó hơn, và vì nghiên cứu này hiếm khi đưa những đánh giá dứt khoát như nghiên cứu định lượng, nên thường được xem là khoa học mềm. Do đó trong nghiên cứu định tính ngày càng có xu hướng thiên về thuần tuý phương pháp luận nhằm tránh những sự phê phán.

Ở loại hình nghiên cứu tham dự, phần lớn các cuộc nghiên cứu là về định tính, mục tiêu trước hết không phải là để công bố trong các tạp chí khoa học hạng nhất, và phần lớn công việc được thực hiện bởi những người không được đào tạo, nhất là về loại công việc này. Do đó nghiên cứu tham dự lâm vào tình trạng khó khăn khi phải chứng minh việc thu thập dữ liệu của mình là thích hợp về phương pháp luận. Kiểm tra chất lượng trong nghiên cứu tham dự cũng quan trọng như trong bất kỳ loại hình nghiên cứu nào khác, nhưng lại đặc biệt quan trọng do đứng trước sự phê phán thường xuyên.

Về chất lượng của nghiên cứu tham dự, chúng ta có thể nói về những điều khác nhau. Về chất lượng của tham dự hoặc về chất lượng của việc thu thập dữ liệu? Rõ ràng là chất lượng của việc thu thập dữ liệu là không quan trọng đối với những ai xem nghiên cứu tham dự bản thân nó đã là mục đích, bởi đó là cách thức thu hút toàn thể cộng đồng và nỗ lực suy nghĩ về những nhân tố ảnh hưởng đến đời sống của người dân và tìm cách giải quyết chúng. Những người này chỉ quan tâm đến phương thức tham dự cộng đồng thích hợp: mọi thành viên của cộng đồng có đều tham gia đầy đủ không và liệu những phụ nữ và

những người không có ruộng đất có bị gạt ra ngoài không? Cộng đồng tham gia vào tất cả các bước trong nghiên cứu tham dự hay chỉ tham gia vào việc xác định các ưu tiên? Tuy nhiên, đối với những người khác, chất lượng của việc thu thập dữ liệu là quan trọng. Những người này quan tâm đến sự tiêu chuẩn hóa, khả năng chuyển đổi, độ tin cậy và khả năng tái diễn trong nghiên cứu.

Có hai khía cạnh quan trọng của nghiên cứu tham dự, góp phần bảo đảm chất lượng của việc thu thập dữ liệu. Đó là quá trình liên tục huấn luyện thích đáng đối với những người tham gia nghiên cứu và phương pháp kiểm tra chéo. Cuối cùng, một yêu cầu quan trọng đối với việc kiểm tra chất lượng là tính thích đáng. Tính thích đáng có ý nghĩa thực tế và được mô tả như là cách thức trong đó tri thức tác động đến việc thực hiện các ý định của các chủ thể hành động.⁽¹¹⁾ Tính thích đáng xã hội phải được đưa lên hàng đầu, nhưng không nhất thiết mâu thuẫn với tính thích đáng khoa học. Quá trình nghiên cứu tham dự có thể được tổ chức theo cách thức có thể liên kết được hai khả năng với nhau. Trong một bài báo gần đây, Pretty⁽¹²⁾ làm việc tại IIED đã nêu ra một số tiêu chuẩn "thiện chí" để đánh giá những thông tin thu thập được qua nghiên cứu tham dự, tương tự như sự phân tích thống kê đưa ra cơ sở để đánh giá trong các khoa học truyền thống.

Sau đây chúng tôi sẽ bàn một cách ngắn gọn về hai khía cạnh nói trên và một số tiêu chuẩn "thiện chí".

Huấn luyện và khuyến khích các nghiên cứu viên

Việc huấn luyện những người sẽ di phỏng vẫn dân chúng nhằm thu thập dữ liệu là rất quan trọng để đảm bảo không có sự lệch lạc khi

⁽¹¹⁾ Lammerink MP. Participatory action research with small rice - farmer, brickmakers and fisher-folk. The Hague, 1993, page 15.

⁽¹²⁾ Pretty Jules N. Alternative systems of inquiry for a sustainable agriculture. Menu, IIED, London, 1993.

sử dụng những công cụ khảo sát. Ở chương 2.5., Lammerink và Prinsen mô tả việc huấn luyện đối với các nhân viên kiểm lâm.

Ngoài thời kỳ huấn luyện ban đầu, nên tiếp tục việc huấn luyện trong cả các giai đoạn sau của quá trình nghiên cứu tham dự. Kiểm tra công việc của các nghiên cứu viên cũng là một việc quan trọng để tìm hiểu xem họ có dần dần thay đổi qua thời gian hay không. Động lực làm việc của họ có thể giảm xuống, do đó tiến hành công việc một cách cẩn thận. Mặt khác, kỹ năng ngày càng cao của những người phỏng vấn có thể làm cho những dữ liệu thu thập được trong các giai đoạn nghiên cứu đầu không tương đồng với những dữ liệu thu thập được trong các giai đoạn sau. Chế độ định kỳ kiểm tra lại mẫu điều tra của các nghiên cứu viên có thể là phương pháp tốt để kiểm tra chất lượng.

Có nhận định cho rằng sự hưởng ứng của nhân dân sẽ đủ làm cho động lực làm việc của các nghiên cứu viên luôn ở mức cao. Nhận định đó tỏ ra ngây thơ. Sự tham gia dài hạn đòi hỏi những kích thích từ bên ngoài. Có thể chỉ cần một phần thưởng cho những thành viên cộng đồng tham gia, nhất là khi nghiên cứu tham dự làm mất nhiều thời gian của họ.

Phương pháp kiểm tra chéo

Mọi hình thức nghiên cứu đều có nguy cơ dẫn đến những nhận định phiến diện. Nghiên cứu chuyên nghiệp truyền thống cũng không thoát khỏi điều đó. Ví dụ, những con số thể hiện sự lan truyền của HIV/AIDS sẽ thu hút sự chú ý hơn nhiều nếu được kết hợp với những thông tin về nguyên nhân những nạn nhân cụ thể bị nhiễm bệnh, về cách sống của họ và về cách phòng ngừa. Việc đối chiếu các kết quả thu được từ một loạt các phương pháp nghiên cứu khác nhau được gọi

là kiểm tra chéo. Đó là điểm cốt yếu của nghiên cứu tham dự. Hãy lấy ví dụ về việc kết hợp ba phương pháp là lập bảng điều tra, quan sát và phỏng vấn theo nhóm trọng điểm. Những hạn chế của bảng điều tra sẽ được khắc phục bởi những thông tin có chiều sâu hơn thu được thông qua các cuộc phỏng vấn theo nhóm trọng điểm, trong khi đó nếu chỉ có một cuộc phỏng vấn theo nhóm trọng điểm sẽ không thể hiểu rõ quy mô của một hiện trạng. Khi một luận đe được khẳng định qua một hoặc nhiều phương pháp, thì độ tin cậy của nó tăng hẳn lên.

Phương pháp khác để kiểm tra chéo là sử dụng nhiều nguồn thông tin. Phương pháp này liên quan đến những phản ánh khác nhau trong cùng một nguồn thông tin (ví dụ những phản ánh của nông dân trong cùng một tầng lớp xã hội) hoặc những nguồn thông tin khác nhau về cùng một sự kiện (ví dụ những cuộc phỏng vấn với nam giới, phụ nữ và trẻ em về cùng một chủ đề). Đây là dạng thứ hai của phương pháp kiểm tra chéo. Với dạng này, tầm nhận thức về hoàn cảnh thực tế của những người dân khác nhau được tăng lên. Dạng thứ ba của phương pháp kiểm tra chéo là sử dụng các nghiên cứu viên thuộc nhiều thành phần. Đó là việc lập các nhóm nghiên cứu gồm những thành viên khác nhau về hoàn cảnh cá nhân, nghề nghiệp, chuyên ngành, người bên trong (người địa phương) hay người bên ngoài (các nhà chuyên nghiệp), do đó nâng cao tầm nhận thức về các quan điểm và các thiên hướng áp đặt trong việc nghiên cứu.

Sự kiểm tra của những người tham dự

Những dữ liệu thu được từ các phương pháp, các nguồn thông tin và các nghiên cứu viên và những kết luận được rút ra có thể được kiểm tra bởi những người tham dự, tức là những người đã đưa ra các thông tin gốc. Nếu thông tin tái tạo của các nghiên cứu viên được các nhóm

tham dự công nhận là đã phản ánh đúng những thực tế đa dạng của riêng họ, thì khi đó những phát hiện mới có tính típ cận. Sự kiểm tra của những người tham dự có thể diễn ra cả trong quá trình phân tích và điều tra lẩn trong các cuộc họp hay hội thảo cho đến cuối quá trình nghiên cứu. Những người tham dự có cơ hội để xem xét các mẫu thuẫn và bác bỏ những phát hiện mới, hay có thể đề xuất những thông tin bổ sung và nghe trình bày các bản tóm tắt về công việc các nghiên cứu viên đã làm. Một trong những ưu thế của tiếp cận cộng đồng là: quá trình thu thập dữ liệu và quá trình giáo dục có tính phê phán của cộng đồng đi liền với nhau.

Sự kiểm tra của đồng nghiệp

Sự kiểm tra này, diễn ra trong các cuộc gặp gỡ với những đồng nghiệp không trực tiếp tham gia vào quá trình nghiên cứu nhằm làm sâu hơn những khía cạnh mà các thành viên của nhóm nghiên cứu giải quyết chưa thỏa đáng. Việc này làm cho các đồng nghiệp trở nên cởi mở, nêu ra các vấn đề cần kiểm tra, và khám phá các ý nghĩa mới.

Nghiệm thu công trình nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu phải có khả năng cung cấp những thông tin đầy đủ để một người vô tư kiểm tra các quá trình và sản phẩm nghiên cứu, nhằm có đủ cơ sở để khẳng định rằng những phát hiện mới không phải là sản phẩm của sự tưởng tượng của nhóm nghiên cứu. Việc nghiệm thu công trình nghiên cứu này được tiến hành trong một cuộc hội thảo hoặc bởi một người bên ngoài để bảo đảm tính công minh khi xem xét quá trình nghiên cứu và các sản phẩm cuối cùng. Kết quả nghiệm thu có thể chứng nhận rằng các sản phẩm cuối cùng đã dựa trên các dữ liệu và có mối quan hệ gắn kết bên trong.

Tác động tới khả năng nhận thức và hành động

Một điều quan trọng là chứng minh được rằng việc nghiên cứu hoặc học tập ở đây đã có những tác dụng nhất định. Những người tham gia vào việc nghiên cứu tham dự phải nâng cao được tầm nhận thức của riêng họ về thực tại, cũng như nâng cao được nhận thức và đánh giá của họ về những người khác. Điều đó phải dẫn đến những giải thích sâu sắc và rõ ràng hơn về thực tại. Việc phân tích phải chỉ rõ ra được những biến đổi sẽ cải thiện tình hình và phải động viên được nhân dân thực hiện những công việc đã được xác định. Kết quả là sẽ tăng cường nhận thức về các khả năng hành động. Việc nghiên cứu không chỉ dẫn đến hành động tại chỗ, bởi vì chính bản thân báo cáo nghiên cứu chắc chắn sẽ thúc đẩy hành động ở những độc giả, những người không trực tiếp liên quan đến quá trình nghiên cứu tham dự đã thực hiện.

2.5. Những công cụ tham dự nhằm phát huy sáng kiến địa phương

Marc P. Lammerink & Gerard Prinsen

Trong bài này, các tác giả mô tả phương pháp và các giai đoạn khác nhau của một khoá học sáu tuần với tiêu đề "Phát huy những sáng kiến địa phương - những công cụ tham dự đối với lâm nghiệp xã hội". Trong phần thực hành bài giảng, những người hướng dẫn đã sử dụng các phương pháp tham dự để nâng cao năng lực của những người tham gia khoá học trong việc phân tích tình hình công việc và triển khai những kế hoạch hành động cá nhân. Các học viên trở nên năng động và tiến bộ qua các giai đoạn khác nhau. Những bối rối, đảo lộn, căng thẳng ở mỗi giai đoạn được xem là những biểu hiện của một quá trình tiến bộ. Họ dần dần xây dựng, cả trên cơ sở những mâu thuẫn trong thực tiễn công việc của riêng họ cũng như trên kiến thức và khả năng phân tích của riêng họ, một phương pháp làm việc mới dựa trên sự hiểu biết của họ về địa phương. Khoá học đặc biệt được miêu tả ở đây đã được tiến hành vào tháng 11 và tháng 12 năm 1992 tại Hà Lan, với sự tham gia của 11 nhân viên kiểm lâm và nhân viên khuyến lâm của 8 nước đang phát triển.

Yêu cầu

Trong suốt hai thập kỷ qua, cách tiếp cận lâm nghiệp, có thể giúp ích vào quá trình phát triển bền vững, đang thu hút sự quan tâm ngày càng lớn. Khái niệm phát triển bền vững ở đây muốn nói đến một sự phát triển hợp lý, đáp ứng nhu cầu của con người trong hiện tại mà không làm phương hại đến nhu cầu của các thế hệ tương lai. Điều đó cũng có nghĩa là công tác phát triển lâm nghiệp đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển nông thôn theo phương thức tham dự, phi tập trung hoá và tự bảo tồn.

Phát huy sáng kiến sở tại của nông dân cả nam lẫn nữ không chỉ là một mệnh lệnh xét về phương diện xã hội - chính trị, mà còn đáp ứng một yêu cầu rất thiết thực. Đó là một chiến lược hoạt động hai mặt dựa trên hai nhận định quan trọng. *Thứ nhất*, có một thực tế là nông dân nhận thức môi trường sống của mình qua kinh nghiệm và những thử nghiệm thường xuyên. Do đó họ có một kho tri thức lớn, đã được kiểm nghiệm tại địa phương và rất hữu ích. *Thứ hai*, do tầm quan trọng của các vấn đề môi trường chúng ta đang phải đương đầu, một chiến lược có kết quả đòi hỏi là chính nhân dân, chứ không chỉ những người hoạch định chính sách và các quan chức chính phủ, phải có trách nhiệm đối với việc quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên của họ và của con cái họ.

Để có thể phát huy những sáng kiến địa phương có hiệu quả, các chuyên gia khuyến lâm cần có những kỹ năng mới, họ cần nhận diện đúng những sáng kiến này và giúp đỡ nhóm dân địa phương trao đổi với nhau về những nhận thức và những kinh nghiệm của mình. Họ cần tham gia vào việc triển khai những quan điểm đã được ủng hộ. Các phương pháp tham dự rất thích hợp nhằm sáng tỏ những quan điểm của địa phương về các vấn đề và các giải pháp. Đồng thời các phương pháp đó đưa ra những công cụ ưu việt để soạn thảo, những kế hoạch hành động thiết thực, có thể được thực hiện ngay, với sự cộng tác chặt chẽ của nông dân.

Phương pháp huấn luyện

Nền tảng của phương pháp luận huấn luyện là việc các học viên nhận ra giá trị của tri thức hiện có trong dân chúng nông thôn. Sau đó, các học viên triển khai các tiếp cận tham dự của riêng mình để có thể với tư cách là nhân viên khuyến lâm, làm cho tri thức địa phương này trở thành nền tảng của những sáng kiến phát triển.

Thực ra, trong quá trình giảng dạy, các giáo viên hành động theo cùng những nguyên tắc mà các học viên được khuyến khích áp dụng sau này trên thực tiễn. Các học viên được chỉ rõ rằng không có một nội dung chuẩn thích hợp với mọi giai đoạn (xem dưới đây) của cách tiếp cận tham dự. Nội dung xác đáng được lập ra dựa trên kiến thức và kinh nghiệm của học viên. Trách nhiệm của các giáo viên (và sau này là của các học viên trong công tác của mình) là vạch ra những nét đại cương, hướng dẫn và duy trì trật tự lô gích của các giai đoạn và mối quan hệ giữa chúng. Trong suốt khoá học, các giáo viên phương pháp luận giúp các học viên miêu tả và sau đó đánh giá những kinh nghiệm cá nhân của mình. Cần xây dựng một bức tranh miêu tả rõ những gì đã làm và những gì đáng lẽ đã phải làm, những kiến thức và những kỹ năng mới được đưa vào để sửa chữa những thiếu sót. Việc vận dụng những quan niệm và những công cụ mới chỉ có kết quả khi các học viên tự thể hiện được bức tranh miêu tả nói trên. Việc thực hành những công cụ và quan niệm mới là cần thiết để có tính tự tin trong việc biến những quan niệm mới tiếp thu thành kế hoạch hành động cá nhân thiết thực.

Chu kỳ huấn luyện

Năm giai đoạn của chu kỳ huấn luyện, và cách thực hiện từng giai đoạn được miêu tả trong các phần sau.

Miêu tả những thành công và những khó khăn

Trong giai đoạn thứ nhất của khoá học, các học viên miêu tả quan điểm hiện tại của họ về phát triển lâm nghiệp: những thành công và những khó khăn, cũng như những khả năng và những hạn chế. Tuỳ theo từng học viên, phần lớn những thành công có liên quan đến trình độ nhận thức của dân chúng đối với tầm quan trọng của cây cối với tư cách là một phương tiện tạo ra thu nhập bổ sung. Một điều được coi là thành công là trong những năm qua số lượng các tổ chức chính phủ và phi chính phủ tham gia các hoạt động trồng rừng đang ngày càng tăng.

Xét về cấp độ, những khó khăn mà các học viên gặp phải có thể được chia thành hai loại. *Thứ nhất*, đó là những cản trở liên quan đến pháp lý (quyền sở hữu và quyền sử dụng), kinh tế (thiếu khuyến khích), và thể chế (chính sách). Nói chung các học viên không nhận thấy một đòi hỏi thực tế là chính họ, với tư cách là những nhân viên khuyến lâm, có khả năng tác động trực tiếp đến những cản trở trên. *Thứ hai*, các học viên cho rằng phần lớn những khó khăn của họ là do "sự dốt nát và tập quán văn hoá của người dân" hoặc do họ "thiếu bí quyết kỹ thuật". Các học viên đều có nhận định là nông dân đều có vẻ miễn cưỡng tiến hành các hoạt động do các nhân viên khuyến lâm đề nghị, và phải rất tốn công sức để thuyết phục nông dân trồng rừng. Các nhân viên khuyến lâm càng có ít biện pháp kích thích kinh tế và pháp lý, thì càng có ít nông dân chấp nhận trồng rừng. Đó là những khó khăn mà các học viên cảm thấy mình với tư cách là những nhân viên khuyến lâm phải đối phó.

Để các học viên tìm hiểu lẫn nhau về các phương pháp đang sử dụng, các học viên được chia thành các nhóm, có nhiệm vụ xây dựng một đề án lâm nghiệp cộng đồng cho một huyện điển hình, nhưng được tưởng tượng ra, huyện "Olvana". Trong khi cùng nhau làm việc, các học viên không chỉ chia sẻ những kinh nghiệm hữu ích, mà còn khám phá ra những trở ngại mà mọi người đều thừa nhận. Kết quả là các học viên xây dựng được một đề án phản ánh trình độ chung của các học viên vào đầu khoá học.

Đánh giá và suy ngẫm: sự bối rối

Trong giai đoạn tiếp theo của quá trình huấn luyện, mỗi học viên phải lập riêng một bản lược đồ về một trang trại mà mình biết rõ. Phần lớn học viên sẽ vẽ lược đồ trang trại của gia đình mình hoặc của riêng mình. Sau đó, bỏ qua những bối cảnh nghề nghiệp riêng, các học viên lập danh sách các hoạt động quản lý cây trồng đã được sử dụng ở các trang trại nói trên.

Một ngạc nhiên lớn đối với các học viên là họ đã có thể nêu ra hàng chục hoạt động quản lý cây trồng khác nhau. Chẳng hạn, việc trồng có lựa chọn và đắn tiả cây tùy theo tính thương phẩm và nhu cầu sản xuất hoa quả hoặc thức ăn gia súc; việc đưa vào trồng những loại cây mới nhờ quan hệ với nông dân ở các vùng khác; việc xây dựng hàng rào xung quanh các cây con; việc trồng các loại cây đặc biệt để đuổi các loài chim; việc xén tỉa hay tăng mật độ cây để tăng sản lượng. Có hai học viên đã nêu ra những kỹ thuật tái sản xuất rất thành công của nông dân địa phương mà các học viên khác hoàn toàn không biết.

Thế rồi các học viên đã lâm vào tình trạng bối rối. Có đúng là họ, các học viên khuyến lâm, đã gặp phải quá nhiều nông dân "đốt nát", "miễn cưỡng trồng rừng" và "thiếu bí quyết kỹ thuật", trong khi họ cũng đã thấy nhiều kinh nghiệm của các học viên khác chứng tỏ điều ngược lại?

Sau khi đã phát hiện điều đó, các học viên nghiên cứu một số trường hợp cụ thể để không chỉ hiểu thấu những thực tiễn quản lý cây trồng ở một số trang trại nhất định, mà còn vạch ra một số phương pháp vận động nông dân trồng rừng và nghiên cứu ứng dụng thông qua các biện pháp tham dự. Dần dần, các học viên hiểu rõ được rằng nhiều chính sách khuyến lâm, mặc dù dựa trên những phát hiện từ các công trình nghiên cứu và do đó đáng tin cậy về mặt khoa học, thực tế đã không tính đến hoặc đi ngược lại những lợi ích và thực tiễn quản lý hiện thời của nông dân.

Hệ thống hoá cách tiếp cận tham dự

Trong giai đoạn thứ ba này của chu trình huấn luyện, các học viên đã phân tích một số trường hợp cụ thể và đúc kết một cách chi tiết cách tiếp cận tham dự khác nhau. Qua so sánh, học viên thấu hiểu các cách tiếp cận tham dự khác nhau có thể được dùng để lập ra các giai đoạn của cách tiếp cận của mình gồm từ 3 cho đến 8 giai đoạn. Nhưng học viên cũng nhận thấy rằng có một trật tự lô gích nhất định

phải tuân theo. Sau đó, học viên đã nâng cao được kiến thức tổng hợp của mình về các cách tiếp cận đã được và áp dụng vào huyện "Olvana". Lúc này họ đã ghi nhận những sự khác nhau giữa cách tiếp cận mà họ đã thực hiện trước đây đối với huyện "Olvana" và cách tiếp cận tham dự mới được đề ra. Ví dụ thay cho việc bắt đầu bằng chiến dịch truyền thông nhằm giác ngộ nhân dân về tầm quan trọng của cây cối, đề án mới được đề ra bắt đầu bằng những hoạt động thu thập thông tin nhằm phát hiện những gì nhân dân đang làm liên quan đến việc quản lý cây trồng. Thay cho việc cấp vốn để lập các vườn ươm, thì vốn ngân sách được dùng sẽ để lập các quỹ tổ chức hội thảo, để nông dân địa phương thảo luận về các hoạt động hiện nay của họ, tham khảo ý kiến của nhau về những gì nên làm và xác định những nguồn lực cần thiết để làm những việc đó. Những đề nghị trong đề án mới đã khác hẳn đề án trước, học viên đã thực sự đóng vai trò là các nhân viên khuyến lâm.

Khi học viên nhận ra rằng mỗi cách tiếp cận tham dự đều xuất phát từ những điều kiện đặc thù của địa phương, thì họ cũng đi đến kết luận là không thể áp dụng một mô hình cứng nhắc trong đó qui định trước các vấn đề mà các nhân viên khuyến lâm đã định ra. Vai trò đặc trưng nhất của các nhân viên khuyến lâm là đề xuất và duy trì trật tự lô gích của quá trình nghiên cứu và hành động. Thông thường, nội dung của bước thứ nhất là dựng lên một bức tranh rõ ràng, thông qua đối thoại với dân làng về những vấn đề họ đang gặp phải và những tiềm năng của họ. Nhưng việc tiến hành đối thoại cũng tuỳ thuộc vào từng hoàn cảnh cụ thể. Cách làm này đòi hỏi tính cởi mở và sáng tạo của các nhân viên khuyến lâm. Một nhân viên khuyến lâm, đó là một người hướng dẫn đúng hơn là một người giáo viên, phải có nhiều kỹ năng khác nhau.

Do đó trong khóa huấn luyện, các học viên có dịp làm quen với một số công cụ tham dự khác nhau. Như vậy, mỗi học viên làm

phong phú thêm bộ công cụ cá nhân của mình để tiến hành cách tiếp cận tham dự mà họ đã vạch ra trước đây.

Các công cụ khác nhau để tác động đến quá trình tham dự và thu thập dữ liệu đã được trình bày và thực hành. Ví dụ: quy trình lựa chọn làng, cùng các dân làng hình dung lại lịch sử cũ thể của họ, tổ chức họp làng, cách thức sàng lọc, các kỹ thuật phỏng vấn - đối thoại, các bản vẽ cắt ngang, các dạng biểu đồ khác nhau.

Thực hành: cuộc đối thoại Nam - Bắc

Một khi các học viên đã có những công cụ để thực hiện cách tiếp cận tham dự của mình, họ có đủ khả năng bước vào giai đoạn thứ tư của chu trình đào tạo: thực hành và kiểm nghiệm nhằm nhận thức rõ giá trị và những hạn chế của những kỹ năng mới tiếp thu trong một hoàn cảnh thực tiễn. Việc đó được tiến hành tại một làng nhỏ (12.000 dân) thuộc Vörst, Hà Lan trong thời gian 4 ngày.

Các học viên đã xác định mục đích của đợt đi thực tế này là làm cho đội ngũ nhân viên khuyến lâm và dân làng hiểu rõ những lực lượng khác nhau đã quyết định tình hình quá khứ và hiện tại cũng như sẽ quyết định tương lai của làng. Quá trình phân tích này được tiến hành bằng những kỹ thuật tham dự. Trên cơ sở đó, những thách thức và đề nghị khác nhau cho tương lai của cộng đồng sẽ được soạn thảo ra bởi những người cung cấp thông tin chính. Sau đó, những kết quả của toàn bộ quá trình trên được trình bày cho những thành viên có quan tâm của cộng đồng trong một cuộc họp hoặc cuộc hội thảo chung.

Trong suốt ba ngày đi thực tế đầu tiên, các học viên tách ra thành những nhóm nhỏ để làm việc với các nhóm thành viên cộng đồng khác nhau (nông dân cá thể, các gia đình nông dân, những nhân vật chủ chốt của các tổ chức nông nghiệp khác nhau, của chính quyền, trường nông nghiệp địa phương) để lập ra một bức tranh rõ nét của làng. Giữa quá trình đó, những thông tin thu thập được đã được nông dân trẻ kiểm

tra tại một cuộc họp buổi tối, không chính thức. Ở đây cũng đã tiến hành lập bản đồ tham dự.

Sau ba ngày đó, các kết quả thu được tại các cuộc thảo luận, các bản đồ và bản vẽ cắt ngang được thể hiện lên giấy khổ lớn treo tường và được trưng bày trong cuộc họp cuối cùng có tất cả dân làng đều được tham dự. Trong số những người tham dự cuộc họp, có 35 người, phần lớn là nông dân, đã có những nhận xét thiết thực về những thông tin liên quan đến tình hình quá khứ và hiện tại. Sau khi trình bày những thông tin về những thách thức trong tương lai đối với cộng đồng nông dân bắt đầu tranh luận rất sôi nổi.

Ba thách thức lớn nhất đã được nêu là: hạn ngạch sữa, hạn ngạch phân bò (xem khung giải thích) và việc tăng độ axit trong đất và nước. Từ đó đi đến những kết luận mâu thuẫn nhau: nhằm duy trì một mức thu nhập hợp lý, nông dân phải mở rộng quy mô trang trại của họ và tiến hành thâm canh, nhưng cũng cần phải áp dụng những biện pháp bảo vệ môi trường.

Nhiều tranh luận đã tập trung vào vấn đề: những khách hàng nào có thể trả giá cao hơn cho những nông sản được sản xuất theo phương thức thân thiện với môi trường. Mặc dù chính dân làng không thống nhất được câu trả lời cho vấn đề này, nhưng cả họ lẫn các học viên đều nhất trí rằng đó là lối thoát chính đối với nền nông nghiệp của làng này. Trong khi đánh giá cuộc thảo luận, cả các học viên lẫn dân làng đều nhất trí rằng sự có mặt của người nước ngoài đã làm tăng tính hấp dẫn và có tính xây dựng. Lần đầu tiên, việc đó có sức mạnh kích thích một cuộc hội thảo quần chúng về một số vấn đề quan trọng giữa các nhóm dân làng. Đó là một điều ngạc nhiên, cả đối với các học viên lẫn dân làng.

Các học viên không ngờ rằng họ đã có thể kích thích cuộc thảo luận và dân làng cũng không ngờ rằng những người ngoài làng có thể làm sôi động cuộc thảo luận về vấn đề môi trường, vấn đề vốn đã từng làm cộng đồng nông nghiệp này chia rẽ sâu sắc.

Triển khai một kế hoạch hành động cá nhân

Trở về trung tâm huấn luyện, các học viên đã bước vào giai đoạn thứ năm và là giai đoạn cuối cùng của chu trình huấn luyện với nhiệt tình cao hơn. Những hoài nghi của họ, đối với tính hiệu quả của cách tiếp cận tham dự cũng như đối với năng lực làm việc của họ, đã biến mất. Giờ đây họ phải đứng trước thử thách: làm thế nào để áp dụng cách tiếp cận và những phương pháp mới này vào thực tiễn công tác của mình.

Các học viên đã bắt đầu bằng việc sử dụng chính phương pháp luận nghiên cứu mà họ đã áp dụng tại làng nói trên. Điểm khác nhau chính là ở chỗ mỗi học viên giờ đây đều quản lý một hoàn cảnh riêng. Những yếu tố trung tâm của việc xây dựng kế hoạch hành động cá nhân này bao gồm việc phác thảo một đề cương dựa trên hoàn cảnh quá khứ và hiện tại. Khi đó, những mâu thuẫn và những thách thức, bắt nguồn từ quá khứ và hiện tại, đối với sự phát triển tương lai được xác định. Việc phân tích những lực lượng gây ra điều đó đã dẫn đến những đề nghị cụ thể. Chẳng hạn, một học viên giờ đây đã hiểu tại sao các nhóm nông dân thí điểm của mình chỉ xúc tiến công việc khi nhận được sự kích thích đủ lớn. Không chỉ khi giao cho nông dân này thử nghiệm những cây non mới mà họ không quen biết, mà ngay cả khi giao cho họ trông coi các vườn ươm gồm chỉ một giống cây, họ cũng chẳng tỏ ra hứng thú. Trong thời gian huấn luyện, học viên nói trên đã nhận ra rằng nông dân (bao gồm cả bố mẹ anh ta) thực tế đã thực hiện việc quản lý cây trồng, và rằng các đề án đã không bao giờ chú ý đến điều đó. Trong kế hoạch hành động cá nhân của mình, học viên này đã cố gắng xem xét lại chương trình hành động của mình và bắt đầu bằng phương pháp tham dự để phân tích các hoạt động quản lý cây trồng của nông dân. Trên cơ sở phân tích đó, những cơ hội cải tiến công việc đã xuất hiện.

Trước khi xây dựng kế hoạch hành động cá nhân, các học viên đã phải xử lý các bài luyện vào trường hợp cụ thể, ở đó thể hiện rõ những khác biệt về các mặt chính sách tổ chức và thực tiễn hoạt động. Bước cuối cùng là kết cấu và trình bày chi tiết kế hoạch hành động cá nhân theo biểu mẫu thống nhất.

Khung 1

Chế độ hạn ngạch sữa và phân bón nằm trong chính sách của cộng đồng châu Âu (EC).

Nông dân hưởng giá trợ cấp đối với sữa do họ sản xuất. Giá này ít nhiều cố định và ở mức cao hơn nhiều so với giá cả trên thị trường thế giới. Điều đó bảo đảm cho nông dân một mức thu nhập ổn định nhưng đồng thời cũng hạn chế khả năng tăng thu nhập của họ vì họ chỉ được phép sản xuất và bán một khối lượng sữa ấn định với giá này. Quy định đó giúp các chính phủ EC tránh được việc chi trả quá nhiều trợ cấp và tránh tồn kho lượng sữa dư thừa mà những người tiêu dùng EC không thể sử dụng hết và các chính phủ không thể bán ra trên thị trường thế giới.

Hà Lan là một nước rất nhỏ với ngành chăn nuôi phát triển mạnh theo chiều sâu. Việc bón phân một cách tự do đã góp phần làm tăng độ axít của các mặt nước. Do đó chính phủ đã quy định cho nông dân những hạn ngạch giảm dần về số lượng phân bò và lợn được tự do bón. Điều này buộc nông dân phải thay đổi thành phần thức ăn cho gia súc nhằm giảm bớt lượng axít trong phân chuồng, duy trì phân chuồng được sản xuất ra ở một mức nhất định, cất giữ lượng phân dư thừa trong những bể đất tiền, hoặc trả tiền để tiêu huỷ lượng phân dư thừa do các ngành công nghiệp đặc biệt đảm nhiệm.

Một số kết luận

Trong buổi tổng kết khoá học, các học viên suy nghĩ và phát biểu về những gì họ đã hoàn thành. Ngoài việc trao đổi những kinh nghiệm cá nhân có giá trị, họ còn đánh giá cao tầm quan trọng của việc nhận thức ra rằng họ không đơn độc trong việc tìm kiếm những cách tiếp cận mang tính tham dự. Phần lớn những học viên cũng bày tỏ một thực tế là họ đã không chỉ tiếp thu các kiến thức về các phương pháp tiếp cận tham dự, mà còn xây dựng được lòng tin cao về năng lực của họ trong công việc "học thông qua công việc"- đây mới là điều quan trọng hơn. Một số học viên khác thậm chí còn mạnh dạn hơn, đã phát biểu rằng khoá học đã giúp họ nhận thức được điều này: những thiếu sót về mặt thiết chế - điều đã kìm hãm công tác khuyến lâm - không lớn như người ta tưởng. Về một vấn đề rất quan trọng khác là sự hưởng ứng yếu ớt của nông dân trong công tác khuyến lâm, một nhóm học viên đã phát biểu rất rõ ràng: "Từ chỗ trước đây được xem là những người dốt nát, nông dân giờ đây được xem là những cộng sự am hiểu".

2.6. Đánh giá nông thôn tham dự và những phương pháp nghiên cứu tham dự: những kinh nghiệm gần đây của tổ chức MYRADA và Nam Ấn Độ⁽¹³⁾

James Mascarenhas

Như chúng ta đã thấy trong các phần trước, cả phương pháp lẫn các quan niệm nhằm tiến hành đánh giá nông thôn đã được phát triển rất nhanh. Tổ chức MYRADA đã đi đầu trong việc phát triển các phương pháp đánh giá nông thôn tham dự (PRA) đầy tính sáng tạo. Các công trình của MYRADA đã được trình bày tại hội thảo của các huấn luyện viên PRA được tổ chức tại Bangalore, Ấn Độ vào tháng hai 1991, và đã được xuất bản trong ấn phẩm IIED's RRA Notes số 13. Bài viết này tập hợp những thông tin trong tài liệu trên và trong những ấn phẩm chuyên đề về PRA và về phương pháp phân tích và nghiên cứu tham dự (PALM) của MYRADA. Ở đây trình bày một số phương pháp, cách thức mà MYRADA đã sử dụng và rút ra bài học kinh nghiệm.

RRA-PRA-PALM là gì?

Tại Ấn Độ, nhất là Nam Ấn Độ, thời kỳ bắt đầu từ cuối năm 1989 rất có ý nghĩa trong việc phát triển các phương pháp tham dự để tìm hiểu và đánh giá tình hình nông thôn và lập kế hoạch phát triển. Ở đây, trong quá trình áp dụng các phương pháp đánh giá nông thôn nhanh (RRA), MYRADA đã đi đến kết luận rằng "NHANH" không phải là "Tham dự".

⁽¹³⁾ Nguồn: Forests, Trees and People Newsletter. No 15/16, February 1992, page 10-17.

Những điểm nổi bật trong phong cách hoạt động của MYRADA là:

1. Nhấn mạnh vào sự tham dự của dân chúng nông thôn vào sự phát triển của họ; và

2. Có mặt tích cực và thường xuyên trong những vùng nông thôn nhất định không phải với tư cách là "ông chủ" hay "ân nhân", mà với tư cách là "người cổ vũ" hay "cộng sự" trong sự phát triển.

Do vậy cần có một phương pháp, không chỉ dừng lại ở việc "đánh giá" mà còn phải đi xa hơn nữa, tới việc phân tích được chia sẻ và nhận thức về tình hình ở nông thôn. Phương pháp này, đến lượt mình, sẽ dẫn tới những hoạt động phát triển mang tính sáng tạo, sản xuất và bền vững qua thời gian. PALM (Phương pháp học hỏi có tham dự) đã tiến triển như vậy và thực sự đã có rất nhiều điều để học hỏi, nghiên cứu từ người dân, cùng với họ và gần gũi họ, hiểu được hoàn cảnh của họ. Phương pháp PALM đã bổ sung và liên kết tốt với cách tiếp cận MYRADA, điều đó đã đem lại những kết quả rất vững chắc.

Kinh nghiệm của PALM

PALM đã được triển khai nhanh hơn so với mong đợi. Trong năm 1990 đã có hơn 50 hoạt động theo phương pháp PALM được tiến hành. Lúc đầu chỉ là thử nghiệm, nhưng đến khi bắt đầu hiểu rõ hơn phương pháp này, chúng tôi thấy tin tưởng hơn, và đã vạch ra được những cách thức trong đó PALM có thể được ứng dụng cho nhiều tình huống khác nhau. Chẳng hạn: việc lập các đề án phát triển và quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên hay các chương trình phát triển nông thôn thông nhất bằng phương pháp tham dự; xác định rõ những người được hưởng lợi trong các chương trình đặc biệt như chăm sóc sức khoẻ hay xoá đói giảm nghèo; nghiên cứu các chiến lược đối phó (ví dụ quản lý tín dụng) và các khía cạnh khác của đời sống nông thôn (các tập quán và các truyền thống, các xung đột và các giải pháp của họ, ...); khảo sát

những tác động bằng phương pháp tham dự và đánh giá các chương trình phát triển.

Thế nào là một khoá huấn luyện PALM?

Một khoá huấn luyện PALM điển hình có khoảng 25-30 người. Các học viên này thuộc nhiều tổ chức khác nhau - các tổ chức phi chính phủ, nghiên cứu và đào tạo, chính phủ,... Một làng được chọn làm địa điểm huấn luyện. Làng này thường là làng thường xuyên có một tổ chức bên ngoài đang hoạt động, và là nơi một số chương trình phát triển đang được thực hiện hoặc đang đề xuất. Điều kiện này nhằm tăng sự hứng thú và hy vọng của dân làng đối với một khoá tập huấn như vậy. Khi kết thúc cần trả lời cụ thể cho dân làng về những yêu cầu đã được nêu ra.

Các học viên PRA ở lại ngay trong làng. Việc này có nhiều cái lợi. Ngoài việc làm lý luận trở nên dễ hiểu, còn làm cho những "người bên ngoài" có cảm nhận thực tế về làng họ đang nghiên cứu. Đây là một cơ hội lớn cho các dân làng và những người bên ngoài tiếp xúc với nhau và ảnh hưởng lẫn nhau - nhất là vào những buổi tối sau ngày làm việc. Từ đó, mối quan hệ thân thiết giữa hai bên được nâng lên và mức độ hiểu thấu bao trùm nhiều lĩnh vực của đời sống của làng chứ không chỉ riêng công việc của họ. Việc cắm trại trong làng có tác dụng rõ ràng đối với nghiên cứu tham dự.

Dưới đây là một số hoạt động có thể được tiến hành trong một chương trình theo phương pháp PALM. Tuy nhiên, nội dung trình bày ở đây không là công thức cố định. Có thể thay đổi nội dung đó theo nhiều cách khác nhau, thậm chí nên thay đổi.

Trình bày một chương trình theo phương pháp PALM

Một chương trình điển hình theo phương pháp PALM kéo dài khoảng 5 ngày và thông thường như sau:

• Ngày thứ nhất - Giới thiệu:

- + Lịch sử của làng
- + Bố trí của làng
- + Cơ sở hạ tầng của làng.

Ngày thứ nhất còn bao gồm các hoạt động khác, có thể gọi là các hoạt động "gây chú ý và chia sẻ". Các hoạt động này được tiến hành ngay tại làng, bao gồm việc giới thiệu lẫn nhau giữa dân làng và những "người bên ngoài", chia sẻ các nhiệm vụ của làng và tổ chức các trò chơi tập thể (gây chú ý). Mục đích là để tạo ra một bầu không khí hữu nghị và bình đẳng đồng thời cũng chỉ ra tính nghiêm túc trong những nghiên cứu của những "người bên ngoài".

• Ngày thứ 2 - Khảo sát (đơn giản):

- + Nghiên cứu các nguồn lực
- + Các cách sinh sống
- + Các ưu tiên
- + Các xu hướng.

Các hoạt động được tiến hành tại làng cùng với tất cả những ai trong làng muốn tham gia, qua đó các học viên và dân làng có tác động lẫn nhau và đồng thời tạo điều kiện cho dân làng thể hiện cho những "người bên ngoài" biết, họ hiểu rõ về làng này và những vùng xung quanh cũng như những thực tiễn khác nhau như thế nào. Các hoạt động đó giúp hiểu rõ về môi trường tự nhiên của làng và tạo cơ sở cho những hoạt động có phần khó khăn hơn tiếp theo. Mọi sự trình bày tiếp theo các hoạt động này đều tiến hành tại làng và do dân làng thực hiện. Việc xác định rõ những vấn đề và những cơ hội phát triển là một phần quan trọng của khóa huấn luyện này.

• Ngày thứ 3 - Khảo sát (phức hợp):

- + Tính mùa vụ

+ Xác định rõ các nguồn lực

+ Phân loại sức khoẻ

+ Sự phân chia giai cấp và đẳng cấp

+ Các nguyên nhân và các hậu quả.

Đó là những công việc khó khăn hơn vì đụng chạm đến những vấn đề nhạy cảm như sự phân chia giai cấp, khả năng tiếp cận để sử dụng các nguồn lực... Do đó cần thận trọng trong việc lựa chọn người tham gia, trong việc lựa chọn và sử dụng các tư liệu và nhất là trong việc giải thích.

• Ngày thứ 4 - Tổng hợp:

- + Xác định rõ các cơ hội
- + Sắp xếp các ưu tiên và các chương trình hành động
- + Xác định rõ các vai trò và các trách nhiệm (trách nhiệm của các thành viên khác nhau, kể cả dân chúng).

• Ngày thứ 5 - Kết luận:

- + Kế hoạch hành động
- + Lập hệ thống tư liệu ...

Một số gợi ý

Ngoài những hoạt động điển hình đã nêu ở trên, vào các buổi sáng sớm còn tiến hành họp kiểm điểm công việc và hội ý về công việc sẽ làm trong ngày. Các buổi tối được dành cho các báo cáo được trình bày ở nhóm. Đó là những lúc phần lớn dân làng được thảnh thoảng sau một ngày làm việc. Việc trình bày các thông tin trong diễn đàn buổi tối thư thả có cái lợi là tạo điều kiện cho mọi người nhận xét sâu sắc, từ đó chỉnh lý thông tin. Như vậy khi kết thúc một ngày, chúng ta có một thành phẩm chính xác và đáng tin cậy, vì đã qua một vài lần chỉnh lý từ những cuộc thảo luận ban đầu trong các phân nhóm tới lần trình bày cuối cùng. Việc thu thập thông tin như thế thường rất sôi

động với việc dân làng chỉnh lý bổ sung cho nhau và đi đến nhất trí về những vấn đề, sự kiện, thực tế khác nhau cũng như về các thông tin khác. Như vậy một nguyên tắc quan trọng của PRA/PALM đã đạt được - đó là "kiểm tra chéo" các thông tin. Còn nhiều khía cạnh và nhân tố khác cần tính đến khi lập một chương trình theo phương pháp PALM, mà không thể nêu hết ở đây, phần nhiều vì còn phải thử nghiệm. Trong đó có những vấn đề về các qui trình và kỹ thuật vận hành nhóm tối ưu, tuy không trình bày chi tiết ở đây, nhưng là một nội dung lớn của phương pháp luận mà MYRADA theo đuổi trong các chương trình theo phương pháp PALM. Chẳng hạn một số vấn đề như tỉ lệ của người ngoài làng, tiến triển của việc phân nhóm, trình tự các chủ đề, các kỹ thuật phỏng vấn, việc đóng các vai trò, các cuộc thảo luận, những "tác động giả"...

Một số phương pháp và cách áp dụng

Những trang sau đây trình bày những phương pháp đã được sử dụng, đồng thời chỉ ra những việc mà dân làng đã làm trong những hoạt động khác nhau theo phương pháp PALM.

Bản vẽ cắt ngang

Cách làm một bản vẽ cắt ngang:

1. Tìm những sở tại am hiểu, thích thú và có thể giúp đỡ và cùng đi bộ để khảo sát.
2. Thảo luận với những người này về các khía cạnh được quan tâm (thổ nhưỡng, cây cối, vụ cây trồng, ...) và về đường đi dự tính (có thể cần đến việc lập bản đồ tham dự).
3. Phân công nhiệm vụ trong nhóm.
4. Đi bộ theo đường cắt ngang, qua các địa hình khác nhau.
5. Quan sát, hỏi và lắng nghe (đứng giảng giải).
6. Hỏi và tranh luận về những vấn đề và những cơ hội.

7. Ghi chép những nét tương phản, biến đổi và xác định đặc điểm của các vùng.

8. Trình bày bản vẽ cắt ngang.

Gợi ý: Tự mình tìm ra cách làm của mình. Hãy để những người khác tìm ra cách làm của họ.

Không nên vội vàng.

Không nên giảng giải.

Nên hiểu kỹ.

Nên quan tâm.

Lập bản đồ

Cách lập bản đồ tham dự:

1. Quyết định loại bản đồ.
 - Về xã hội (vùng dân cư của làng).
 - Về các nguồn tài nguyên thiên nhiên (vùng đất của làng).
 - Đường phân thuỷ - rừng - trang trại ...
2. Tìm những người am hiểu và sẵn sàng chia sẻ kiến thức của họ.
3. Chọn chỗ và dụng cụ thích hợp.
 - Trên mặt đất: gậy, đá...
 - Trên nền nhà hoặc mặt phẳng: phấn, đá...
 - Trên giấy: bút chì, bút mực.
4. Hãy để mọi người làm, hãy kiên nhẫn. Đó là bản đồ của họ.
5. Ngồi xem. Hoặc đi chỗ khác.
6. Nếu là làm trên giấy, giữ lại bản vẽ, trong đó có tên của những người vẽ, để họ tin tưởng.

Gợi ý: Đôi khi sự kế thừa của các bản vẽ có công dụng tốt.

Không nên: can thiệp hoặc làm gián đoạn, trừ những trường hợp hữu.

Nên: Chọn chỗ và dụng cụ mà mọi người thấy thoải mái. Khuyến khích chỉnh lý/ bổ sung. Tiếp thu thông tin từ bản đồ này để làm những việc như vẽ bản vẽ cắt ngang, phân loại sức khoẻ, các việc đánh giá nông thôn tham dự theo chủ đề...

Lập biểu đồ mùa vụ

Cách tiến hành phân tích mùa vụ tham dự:

1. Xác định những người cần khai thác thông tin (phụ nữ, nam giới, trẻ em, người không có ruộng đất, ...)
2. Tìm một vài người trong số đó sẵn lòng giúp. Giải thích cho họ.
3. Tìm một địa điểm thích hợp (đủ rộng,...).
4. Hãy hỏi năm lịch của họ bắt đầu khi nào, các tên của các đơn vị đo thời gian nhỏ hơn năm (tháng, mùa hay là...?) và chọn một đơn vị để dùng.
5. Ký hiệu đơn vị thời gian đó lên đất/nền nhà (bằng đá, phấn...).
6. Yêu cầu những người tham gia cho biết về khoảng thời gian và những số liệu quan trọng như: số ngày mưa, tổng lượng mưa, số vụ cây trồng, thức ăn gia súc, lao động nông nghiệp, thu nhập, chi phí, sự di cư, lương thực sẵn có/các bữa ăn, sự đau ốm... (bằng cách sử dụng các hạt, đá, quả, chiều dài của gậy, phấn... để biểu thị trên đất nền nhà hoặc trên giấy).
7. Hãy tranh luận, thử kiểm tra, khuyến khích tranh luận. Bổ sung những khía cạnh mới mà dân chúng cho là cần bổ sung.
Ghi lại trên giấy và phân phát.
- Gợi ý: Tự tìm ra cách làm của mình. Hãy để những người khác tự tìm ra cách làm của họ.

Không nên áp đặt năm lịch của bạn.

Không nên coi biểu đồ đó đã hoàn thiện.

Không nên giảng giải.

Nên có những hạt giống, phấn...

Nên để dân chúng tự trình bày.

Nên thử kiểm tra, tranh luận khích sự phân tích của dân chúng.

Phân hạng cho điểm

Cách phân hạng theo ma trận hoặc cho điểm:

1. Xác định những gì có thể phân hạng hoặc cho điểm (các loại cây, cây thức ăn gia súc, cây vườn, cây lương thực, cây ăn quả...).
2. Tìm một hoặc nhiều người cung cấp thông tin chính, am hiểu và sẵn lòng thảo luận.
3. Cùng với họ quyết định những khoản mục để phân hạng hoặc cho điểm (ví dụ tên của các cây thức ăn gia súc).
4. Hỏi lần lượt từng người về những khoản đã lập: cái hay ở chỗ nào, thay đổi như thế nào?; và sau đó: cái dở ở chỗ nào, thay đổi như thế nào?
5. Lập danh sách các tiêu chuẩn được xác định rõ. Chuyển những tiêu chuẩn tiêu cực thành những tiêu chuẩn tích cực (ví dụ "nhiễm dịch bệnh" được viết lên biểu đồ thành "không nhiễm dịch bệnh").
6. Yêu cầu những người cung cấp thông tin chính phân hạng hay cho điểm những khoản mục (hạng 1 = tốt nhất, hạng 2 = tốt thứ hai. Số điểm nhỏ nhất biểu thị bằng sự ưu thích nhất. Có thể phân hạng cho tới 7 khoản mục. Hoặc cho điểm vào mỗi khoản mục. Số điểm cao nhất biểu thị bằng sự ưu thích nhất. Nếu chỉ có ít khoản mục thì số điểm lên

đến 10, nếu nhiều khoản mục hơn thì đến 5 và nếu rất nhiều khoản mục thì lên đến 3).

7. Nêu ra những câu hỏi khác như: những tiêu chuẩn nào là quan trọng nhất? Nếu chỉ được dùng 1 tiêu chuẩn bạn sẽ dùng tiêu chuẩn nào? Bạn muốn sử dụng bao nhiêu tiêu chuẩn?...

Gợi ý: Tự tìm ra cách làm của mình. Hãy để những người khác tự tìm ra cách làm của họ.

Không nên dùng các tiêu chuẩn của bạn, trừ khi những tiêu chuẩn của bạn hoàn toàn tách biệt với của người khác.

Không nên giảng giải.

Nên theo đuổi đến cùng những điểm đáng quan tâm.

Nên tiến hành việc này với những người đại diện cho các tầng lớp xã hội khác nhau.

Các quan niệm và các phương pháp đang tiếp tục tiến triển

Chúng tôi đã sử dụng mạnh mẽ và thường xuyên phương pháp PALM trong nhiều tình huống khác nhau, từ đó đã làm cho phương pháp này có những bước tiến. Đã có một ứng dụng mới là dùng việc lập bản đồ làng để xem xét các cấu trúc đẳng cấp, chế độ sở hữu tài sản, quy mô gia đình và để xác định những hộ gia đình có người tàn tật, mắc bệnh kinh niên, những trường hợp thực hiện kế hoạch hoá gia đình...

Một trong những hoạt động gần đây, trong khi những phụ nữ vẽ bản đồ làng, một cuộc thảo luận về suy dinh dưỡng đã diễn ra, và nhiều triệu chứng bệnh đã được miêu tả. Sau đó các phụ nữ này đã chỉ ra và đánh dấu lên bản đồ những gia đình có trẻ em mắc nạn suy dinh dưỡng.

Một phát triển nữa về phương pháp là sự tiến triển của phương pháp lập bản đồ tham dự trên nền đất tới phương pháp sử dụng mô

hình tham dự trên nền đất. Từ đó phương pháp này đã được mở rộng hơn nữa ở việc lập các mô hình về một lĩnh vực riêng biệt như đường phân thuỷ cách đây 50 năm, hoặc sau đây 20 năm,...

Việc nghiên cứu và đổi mới còn tiếp tục. Gần đây, chúng tôi đã đang thử nghiệm những cách khác nhau có thể tiến hành phương pháp PALM. Ví dụ trong một số trường hợp chúng tôi đã để cho nông dân tự vẽ bản đồ làng và các nguồn tài nguyên và chỉ ra những cản trở nếu có. Họ đã làm việc này không có sự hiện diện của người ngoài. Kết quả rất đáng khích lệ. Tương tự chúng tôi hiện nay đang cho nông dân tự tiến hành một số hoạt động theo phương pháp PALM, phỏng vấn khác nhau và những hình thức khác, còn chúng tôi tiếp tục theo dõi. Chúng tôi đang học cách "tiếp thu" sai lầm, lấy lắng nghe thay cho giảng giải - một việc không dễ dàng. Chúng tôi đang nghiên cứu cách xử trí với những người tham dự "không ché"- bao gồm một số dân làng có quyền sở hữu theo đúng pháp luật. Việc xếp thứ tự các câu hỏi trong các cuộc giao tiếp, việc xếp thứ tự các chủ đề trong các hoạt động theo phương pháp PALM và việc xếp thứ tự các hoạt động kế tiếp nhau - bất kể là trong một chương trình của làng hay trong sự phát triển và sự thể chế hoá của phương pháp PALM - tất cả những vấn đề đó cùng nhiều vấn đề khác là những lĩnh vực mà chúng tôi quan tâm trong quá trình nghiên cứu tiếp tục.

Những bài học

Ở đây có một số bài học. Như một số người khác, chúng tôi đã nhận thấy rằng, người dân làng có khả năng thu thập thông tin chính xác hơn nhiều so với những người bên ngoài. Họ có thể chỉnh lý, sắp xếp trật tự và phân tích các thông tin đó và khởi xướng một quá trình phát triển nếu họ có cơ hội làm việc đó. Đồng thời, chúng tôi nhận thấy ngày càng rõ ràng dân chúng trong các vùng nông thôn là những

nha quản lý có kỹ năng rất cao, đang buộc phải sống trong những điều kiện cực kỳ khó khăn và rất dễ bị tổn thương. Họ đã có thể đưa ra những quyết định chính xác. Do đó, việc nhận thức rõ tình hình của họ là điều không thể thiếu trong mọi kế hoạch. Cần phải hiểu và đánh giá cao những hệ thống quản lý truyền thống, những công nghệ vốn có, những cách thức dân chúng cảm nhận, xem xét và suy nghĩ trong các vùng nông thôn. PALM đề ra cách thức trong đó cả những người bên ngoài lẫn những người trong làng cố gắng nghiên cứu tình hình thông qua quá trình cùng quan sát, bàn bạc, và phân tích. Trọng tâm được đặt vào các mối quan hệ hơn là vào bất kỳ sự kiện, khía cạnh hay hoạt động riêng lẻ nào.

Chúng tôi đã nhận ra rằng PALM là một phương pháp rất hấp dẫn đối với cả dân làng lẫn những người ngoài. PALM không chỉ phát huy sự tham dự mà còn kích thích việc cung cấp thông tin và đề xuất các ý kiến. Và chúng tôi cảm thấy nông thôn đã bắt đầu "lôi cuốn" chúng tôi.

Những người nông dân đang xuất hiện ngày càng nhiều với tư cách là những nhân viên chính trong các hoạt động theo phương pháp PALM của chúng tôi. Họ gồm những nông dân nghèo khổ, những người không có ruộng đất, những thành viên bộ lạc, những phụ nữ và thậm chí cả trẻ em. Các trẻ em thường tham gia tích cực và đã biểu thị sự tinh thông của mình về việc xác định các loại cây cỏ khác nhau (nhất là cây ăn quả), nói rõ về những học sinh bỏ học, những trẻ em bị tàn phế... Còn có rất nhiều khả năng phát triển và áp dụng phương pháp luận, những ứng dụng và cách khai thác thông tin - nhất là những tri thức bản địa. Nhưng có một nguy cơ - đó là việc thiếu kiểm tra chất lượng và từ đó dẫn đến việc truyền bá những phương pháp sai lầm. Do vậy cần khẩn trương tăng cường sử dụng những phương pháp PRA đúng đắn và đưa phương pháp này vào trong hoạt động của các tổ chức chủ đạo. Và cuối cùng cần huấn luyện ngày càng nhiều người về phương pháp PRA/PALM. Nhưng các huấn luyện viên ở đâu và chúng ta phải xoay xở như thế nào để thực hiện được điều đó?

Giới thiệu về MYRADA

MYRADA là một tổ chức phi chính phủ đã tham gia vào việc phát triển nông thôn từ năm 1968. Tổ chức này đang hoạt động trong khoảng 2.000 làng ở Ấn Độ, trong các bang Karnataka, Andhra Pradesh và Tamil Nadu. MYRADA lúc mới thành lập là tổ chức có mục tiêu định cư trở lại những người tị nạn từ Tibet. Từ đó, vai trò của nó đã được mở rộng và hiện nay bao gồm 6 chương trình lớn nhằm thúc đẩy:

1. Sự phát triển các nguồn lực tham dự và đề án quản lý (nhất là ở các vùng nửa khô cằn). Bao gồm cả các chương trình phát triển cho các vùng đất hoang.
2. Sự định cư và ổn định việc làm cho những phạm nhân mới ra tù từ những gia đình không có đất.
3. Sự phát triển của phụ nữ và trẻ em trong các vùng nông thôn.
4. Sự phát triển của hệ thống tín dụng nông thôn.
5. Sự phát triển của các thiết chế và hệ thống quản lý thích hợp trong các vùng nông thôn.
6. Việc đào tạo - thúc đẩy những phương pháp đào tạo thích hợp với hoàn cảnh Ấn Độ - nhất là trong các vùng nông thôn.

3. Một số ví dụ về nghiên cứu tham dự

3.1. Lao động trẻ em ở thành phố Bôgôta trong cuộc tấn công vào những thành trì độc đoán⁽¹⁴⁾

Maria Cristina Salazar

Chương này dựa trên những kết quả của một đề án về Hành động nghiên cứu Tham dự (PRA) đã được tiến hành với sự tham gia của khoảng 350 lao động trẻ em trong các vùng ngoại ô nghèo của Thành phố Bôgôta, trong thời gian 1985 - 1987, dưới sự bảo trợ của Bộ Lao động Cônômbia và Trường Đại học Quốc gia Cônômbia. Ba viên chức thuộc Bộ Lao động, sáu nhà hoạt động xã hội và chính tác giả chương này đã cộng tác thực hiện đề án trên (nhóm nghiên cứu viên này còn được gọi là những người tham gia bên ngoài, phân biệt với những người bên trong là người sở tại có tham gia vào đề án - N.D). Mục tiêu chính của đề án này là xây dựng luận cứ cho những chính sách nghiêm khắc hơn nhằm bảo vệ quyền lợi của các lao động trẻ em (thanh thiếu niên dưới 18 tuổi) và tiến tới việc xoá bỏ dần việc sử dụng lao động trẻ em. Đồng thời chúng tôi đặc biệt quan tâm đến những khía cạnh tổ chức, nhằm khởi xướng một phong trào xã hội rộng lớn của chính lao động trẻ em. Các phương án hành động phù hợp hơn chắc chắn sẽ xuất hiện trong quá trình xác định rõ các mục tiêu và phương hướng thực hiện. Các lao động trẻ em tham gia vào đề án này đã được tuyển chọn thông qua các cuộc viếng thăm các nhà văn hóa cộng đồng do Sở Phúc

⁽¹⁴⁾ Nguồn: Fals Borda O. Anisur Rahman M. Action and knowledge – breaking the monopoly with participatory action research. 1991: 54-64.

Lợi Xã hội thuộc Hội đồng thành phố Bôgôta quản lý. Các em sinh sống trong các hộ gia đình, lao động trong những ngành công nghiệp gia đình và/hoặc công nghiệp làm tại nhà, và làm thuê trong những xí nghiệp xây dựng khác nhau.

Nhận thức và quá trình nghiên cứu

Nhóm những người tham gia bên ngoài đã cố gắng tìm hiểu rõ những hình thức nhận thức khác nhau đang tồn tại: làm thế nào để thu nhận được những thông tin đáng tin cậy về các lao động trẻ em thông qua quá trình tham dự của các em? làm thế nào để hiểu rõ những suy nghĩ và quan điểm của các em về thực tại? những cố gắng theo hướng này trước hết thể hiện ở việc phổ biến cho các nhóm lao động trẻ em biết về thực tiễn và luật pháp về lao động trẻ em ở Cônômbia và thành phố Bôgôta. Sau đó, tất cả những người tham gia - cả bên ngoài và bên trong - cùng nhau biên soạn những cuốn sách nhỏ có minh họa, những bức tranh, bức ảnh phản ánh những vấn đề về hoàn cảnh lao động của trẻ em. Nhận thức của các em về những điều kiện lao động của mình và những vấn đề có liên quan được thể hiện dưới dạng những bi kịch xã hội, những bản tiểu sử, những cuộc phỏng vấn và những cuộc đối thoại thông thường. Ngoài ra, lịch sử gia đình của các em và những điều kiện môi trường vùng ngoại ô cũng đã được cố gắng miêu tả. Những thông tin được thu thập như vậy còn được dùng để dựng lên những cuốn băng video, trong đó các lao động trẻ em tham gia tuyển chọn âm nhạc cũng như những hoạt động khác.

Như vậy, việc tìm hiểu những kinh nghiệm, quan niệm và niềm tin của các em đã được tiến hành dần. Quá trình đó đòi hỏi phải tạo lập được những mối quan hệ bình đẳng hay cân đối hơn với các em và giữa các em với nhau, từ đó nâng cao niềm tin của các em đối với các thành viên của nhóm nghiên cứu. Việc này có thể thực hiện được nhờ nỗ lực bền bỉ trong giao tiếp với các em, trò chuyện với các em, lắng

nghe những câu chuyện của các em, cả những chuyện nhảm nhí lẫn những chuyện khôi hài, và chia sẻ những niềm vui cũng như những nỗi lo âu của các em. Điều đó đòi hỏi nhóm những người tham gia bên ngoài phải có thái độ thực sự chân thành và nhiệt tình. Còn đối với đa số các em tham gia, đây là lần đầu tiên các em phải cố gắng suy nghĩ và đưa ra nhận xét riêng của mình. Về phần mình, nhóm nghiên cứu viên dùng những phương pháp sư phạm khác nhau tác động đến năng lực của các em, sao cho các em dựa trên những kinh nghiệm vốn có của bản thân, có thể đưa ra những kiến giải về các gia đình, về thành phố cũng như về xã hội Côn Lôn. Nhóm nghiên cứu viên ngày càng tin tưởng vào một khả năng hiện thực là: các trẻ em cũng có thể có được những nhận thức đúng đắn và hữu ích. Khi mới bắt đầu công việc, chúng tôi đã ra sức làm cho các em nhận thấy được năng lực trí tuệ này của chính mình.

Sau đó, các lao động trẻ em bắt đầu dựng lại lịch sử gia đình mình, những quá khứ của mình, trong đó thể hiện những lý do tại sao các em đã đi vào thành phố, đã trở thành công nhân và trong những điều kiện như thế nào. Các em đã hiểu rằng, hình thức thể hiện những tư tưởng và tình cảm của các em - chẳng hạn như những bài thơ mà các em viết - vốn là một yếu tố cấu thành nhận thức của mình, và do đó là một cơ sở cho thế giới quan của mình.

Đương nhiên, đây đồng thời còn là quá trình truyền đạt những nhận thức mới cho các em. Nhóm nghiên cứu viên đã nói một cách súc tích về nhân quyền, về các nguồn gốc chủng tộc và văn hóa địa phương, những kiến thức này sẽ giúp các em xoá bỏ những mặc cảm thấp hèn và khơi dậy lòng tự tin, tự trọng. Quá trình xây dựng nhận thức hai chiều như trên tất yếu sẽ làm cho nhận thức dần dần có tính hệ thống và đồng thời thúc đẩy quá trình hình thành tổ chức.

Khi đó, các nhóm lao động trẻ em bắt đầu thực hiện những sáng kiến của mình thông qua các hình ảnh, các cuốn băng video và các công cụ nghe nhìn khác nhau trao đổi với nhau những điều nhận thức mới. Tính tự tin mới được khơi dậy đã giúp đỡ các em vững tin vào khả năng của mình trong việc đưa ra những đề nghị nhằm thay đổi hoàn cảnh hiện tại. Các em cũng sẽ tin tưởng hơn về việc thiết lập những tổ chức của lao động trẻ em, là những tổ chức sẽ khởi xướng một phong trào xã hội thực sự.

Qua đó, chúng tôi đã nhận thấy rằng các em vẫn tăng cường được nhận thức của mình ngay cả trong điều kiện tham gia rụt rè yếu ớt và hơn nữa, những hành động tham dự sẽ xuất hiện ngày càng nhiều trong chính quá trình nghiên cứu PAR khi những người tham dự chứng kiến kết quả hoạt động tham dự của họ. Một khi bản báo cáo về những hoàn cảnh lao động của trẻ em được phổ biến cho các cộng đồng và các hộ gia đình liên quan, thì điều đó sẽ làm tăng khả năng lay động lòng người. Như vậy, chúng tôi khá nhanh chóng đạt được một trong những mục tiêu chính của công việc.

Nghiên cứu và văn hóa

Sự trao hoán đổi liên tục của các hình thức khác nhau về nhận thức thực tại, về những giá trị và tín ngưỡng, về hình thức lưu truyền khác nhau, những nhận thức đó từ thế hệ này sang thế hệ khác, tạo nên cái có thể gọi là "văn hóa dân gian". Đây chính là văn hóa mà chúng ta đối mặt trong đề án này, khi chúng tôi cố gắng tìm hiểu những cơ cấu sản sinh và tái sản sinh tri thức của nhân dân - điều mà bình thường không nhận thấy. Chúng tôi đã tự hỏi: các lao động trẻ em đã tiếp thu những kỹ năng lao động như thế nào và do ai dạy? và các em vận dụng những kỹ năng đó như thế nào vào việc giải thích các cơ chế của đời sống xã hội? chắc chắn đây không phải là vấn đề thuần túy học thuật (Rodrigues Brandao 1983). Ngược lại, chúng tôi ủng hộ định nghĩa

của Sduardo Galean (1978): nền văn hoá là "kết quả tạo dựng những không gian chúa đựng đặc tính và ký ức tập thể: đó là những bằng chứng chúng tỏ chúng ta là ai. Những lời tiên tri về tương lai của chúng ta, những lời báo trước về những gì điều tiết hành vi của chúng ta".

Do đó, chúng tôi đã cố gắng lôi cuốn các lao động trẻ em tham gia vào các cuộc hội họp cùng với nhóm các nghiên cứu viên, ở đó đòi hỏi mọi người phát huy tính sáng tạo, trình diễn các vở kịch, múa rối, kịch câm, nhằm tìm ra "những không gian giao tiếp" đúng nghĩa của nó. Thông qua các bức vẽ, các bức điêu khắc bằng đất sét, các câu chuyện kể và các cuộc trình diễn sân khấu, các lao động trẻ em sẽ nhận thấy nhu cầu phải cải tạo những hệ thống giá trị quá nhấn mạnh vào tính cạnh tranh, chủ nghĩa tiêu thụ, sự sùng bái tiền bối, sự khinh rẻ người nghèo và sự bóc lột những tầng lớp xã hội thấp kém.

Trong các cuộc thảo luận với đối tượng lao động trẻ em, chúng tôi trước hết đã cố gắng lắng nghe nhằm khuyến khích các em tự bày tỏ vấn đề bằng ngôn ngữ của riêng mình. Các thành viên của nhóm nghiên cứu đã cố gắng tìm kiếm những cách nhìn nhận riêng của các em về cuộc sống, những cuộc trao đổi trên đường phố và quan hệ bè bạn của chúng, những tình cảm và những ấn tượng của các em đối với việc lao động của trẻ em, các mối quan hệ với các ông chủ và những công nhân người lớn đồng nghiệp. Hơn nữa, nhóm nghiên cứu viên đã nhận thấy mình không đơn độc trong cuộc nghiên cứu này. Tại một trong những vùng ngoại ô mà chúng tôi đã tìm thấy có những lao động trẻ em (khu vực nghèo nằm ở hướng đông nam thành phố Bôgôta), thấy có một số nhóm thanh niên hoạt động với mục đích giống như chúng tôi. Với những cố gắng giới thiệu những hình ảnh chân thực về văn hoá dân gian, các nhóm này đã có ảnh hưởng đến một bộ phận lớn dân chúng trong khu vực này. Nhờ cộng tác với các nhóm này và với sự hỗ trợ của các sinh viên ngành nghệ thuật Trường Đại học Quốc

gia, các cuộc hội họp do chúng tôi tổ chức đã thu được nhiều kết quả trong việc nhận thức rõ hơn đặc tính văn hoá của lao động trẻ em.

Cuối cùng, lao động trẻ em được gửi đi đào tạo nghề nghiệp trong ngành sản xuất như làm bánh mỳ, nghề mộc, nghề cơ khí, không phải vì sự tiến bộ cá nhân, mà với tư cách là một nỗ lực tập thể hay hợp tác (như được giải thích dưới đây). Hoạt động này đã trở thành điểm qui tụ của sự thành công và tính thường xuyên của đề án (xem Ministerio de Trabajo - Universidad Nacional de Colombia 1986), vì hoạt động đó đã chứng tỏ rằng hoạt động nghiên cứu PAR, do có những lợi ích vật chất và tinh thần, có thể được tiến hành trong các xí nghiệp sản xuất. Năm 1988, Bộ Lao động Cônômbia đã tăng cường ủng hộ sáng kiến này, biểu hiện ở việc công nhận hoạt động này như là một chính sách chính thức cũng như đã tăng nhanh ngân quỹ cho hoạt động này.

Can thiệp để cải biến

Khởi xướng và duy trì các quá trình tham dự ở những trẻ em trong các hoạt động đã nêu trên đây không phải là việc dễ làm. Bởi vì các nghiên cứu viên, các lao động trẻ em và các gia đình, tất cả đều nằm trong một dây chuyền lớn bị chi phối bởi những đặc tính độc đoán và bởi những cấu trúc thống trị chủ thể - khách thể trong xã hội chúng ta. Quá trình xã hội hóa của chúng ta đã diễn ra trong bối cảnh những mối quan hệ thống trị được cấu trúc chặt chẽ theo thứ bậc trên - dưới, biểu thị đặc tính của xã hội Cônômbia. Do vậy, việc tấn công vào những yếu tố chuyên quyền đó bằng những quá trình tham dự hoàn bị là việc không dễ thực hiện như người ta tưởng. Chẳng hạn, để thực hiện một mục tiêu cụ thể nào đó, người ta dễ dàng tiến hành những hành động nhất định hơn là lắng nghe các quan niệm khác nhau về các giải pháp lựa chọn và thay thế. Những người bên ngoài thường "tìm thấy" những gì đáng lẽ phải làm, và do đó có xu hướng đưa ra những

kết quả không mang tính xây dựng. Thái độ độc đoán (ngay cả khi không cố ý) có thể dẫn đến những hành động tăng cường các cấu trúc thống trị hiện hành. Xu hướng đó cũng có nguy cơ xuất hiện trong hoạt động của chúng tôi với các trẻ em.

Một điều khá rõ ràng là, các công nhân trẻ vốn sẵn sàng chấp nhận những phương thức độc đoán hiện hành để lập những mối quan hệ xã hội mang tính đẳng cấp trên - dưới. Họ cảm thấy thoải mái khi được đối xử như là những người tiếp thu tri thức hơn là những người sáng tạo ra tri thức. Nói cách khác, họ muốn được coi là những người thụ động, phụ thuộc và ít sáng tạo hơn là những người có tri thức, có năng lực cải tiến và góp phần giải quyết những vấn đề của chính mình. Họ thích được xem là những người chấp nhận những trật tự hỗn loạn, điều này cũng dễ hiểu vì những trật tự đó là sản phẩm của tình trạng chuyên quyền.

Những thái độ đó đã gây nên tình trạng thờ ơ, hững hờ trong giới lao động trẻ, biểu hiện ở việc ít quan tâm đến tính tổ chức, không tham gia các cuộc hội họp, và chỉ thích tham gia vào những tổ chức thông thường, chẳng hạn như những lớp học chính thức.

Nhóm nghiên cứu viên đã nhận thức rõ tầm quan trọng của việc thay đổi khuôn mẫu giáo dục cũ nhằm nhanh chóng tạo được một phương thức giáo dục mang tính tham dự hơn. Đó là mục đích can thiệp của chúng tôi vào cuộc sống của các lao động trẻ em cũng như trong sinh hoạt nhóm của các em. Nhờ vậy, chúng tôi đã nhanh chóng thu được những kết quả tích cực, như đã được miêu tả ở trên.

Qua sáng kiến của chúng tôi, có thể rút ra một kết luận quan trọng là: trọng tâm của những cải biến tiến bộ là nhấn mạnh những giá trị dân chủ hay bình đẳng, chống chủ nghĩa độc đoán và thống trị, vì những giá trị này là hạt nhân của những phong trào quần chúng tự quản.

Huấn luyện kỹ năng và xây dựng tổ chức

Chúng tôi đã đưa ra những phương thức huấn luyện kỹ năng khá mới nhằm thực hiện những cải biến tiến bộ. Chúng tôi ủng hộ việc trẻ em lao động, nhưng không phải trong điều kiện nguy hiểm và bấp bênh, mà trong những ngành Công nghiệp làm tại nhà và được quản lý bởi chính các lao động trẻ em. Một số người lớn trong gia đình các lao động trẻ em đã hợp tác lập ra một xưởng bánh mì và một xưởng mộc. Khoảng 150 lao động (chủ yếu trên 14 tuổi) đã có thể tham gia làm việc ở đó. Mọi người cùng lập kế hoạch, tranh luận về các phương án, thực hiện các quyết định tổ chức và có lúc đã lập ra 4 xưởng bánh mì và xưởng mộc theo nguyên tắc mới: tự quyết và kiểm tra. Nhờ khoản tín dụng ưu đãi do một quỹ đặc biệt của Bộ Lao động cấp, hai năm qua các xưởng này đã vận hành tốt, tạo thu nhập cho các lao động trẻ em và gia đình của các em.

Chúng tôi đã ủng hộ những tổ chức kinh tế và văn hoá như vậy, những tổ chức này đã đưa ra những giải pháp, ít nhất cũng là những giải pháp bộ phận, đối với những vấn đề của các lao động trẻ em. Trong một bối cảnh có tính tổ chức như vậy, có thể thực hiện được các hoạt động tham dự. Vì một số hoạt động được tiến hành ở các nhà văn hoá, do Sở Phúc lợi Xã hội thuộc Hội đồng Thành phố Bôgôta quản lý, có cùng mục đích với chúng tôi, nên chúng tôi đã tăng cường hợp tác với các nhóm thanh niên trong các nhà văn hoá này để cùng nhau tạo ra những điều kiện cần thiết nhằm bước đầu khởi xướng một phong trào xã hội thực sự.

Trong quá trình nghiên cứu tham dự, tất cả những người tham gia phải cố gắng không ngừng để các nhóm thanh niên thực hiện được mục tiêu tự quản, có khả năng tạo lập những tổ chức của riêng mình và có thể tác động đến tương lai của mình. Chúng tôi đã bắt đầu làm việc một cách kiên trì trong các cộng đồng có trẻ em lao động, chủ yếu ở

các vùng xung quanh các nhà văn hoá. Những vấn đề đầu tiên được nêu ra, nhằm khởi xướng một phong trào xã hội trong các lao động trẻ em, là thời gian biểu làm việc của các em nặng nề, quãng đường xa phải đi đến chỗ làm, cũng như những điều kiện về môi trường lao động, nhất là ở các lò gạch và công trường xây dựng nhà cửa. Tương tự, những thái độ bóc lột và độc đoán của những người quản lý và những công chức là một chủ đề được nêu ra để phê phán.

Các lao động trẻ em và các gia đình của các em, sau khi nâng cao nhận thức, đã có thể vạch trần việc bóc lột lao động trẻ em, vốn thường được che dấu. Khi đó, họ dễ dàng phát hiện tiếp những khía cạnh độc đoán khác trong các thiết chế và nền văn hoá Cônômbia, thậm chí cả trong các gia đình của họ. Đương nhiên, những thay đổi đã đạt được thông qua đề án này còn khiêm tốn và còn ở mức độ rất hạn chế. Tuy vậy, những thay đổi đó là một bộ phận của những thay đổi căn bản hơn, cần thiết cho việc cải biến xã hội ở cấp vĩ mô. Chúng tôi cho rằng một số thay đổi ở vùng ngoại vi sẽ có tác động đến toàn bộ nền kinh tế và chính trị xã hội.

Như vậy, nền tảng của phong trào xã hội của các lao động trẻ em ở Bôgôta đã được thiết lập thông qua việc tiếp thu những tri thức và kỹ năng mới, thông qua sự tổ chức và những hoạt động mà các lao động trẻ em đã tham gia. Ngay từ khi sáng kiến về hoạt động này của chúng tôi được đưa ra, có thể nhận thấy ngay những đặc tính chính trị tiềm tàng trong đó. Như đã nói ở trên, phong trào đã nêu trên đây chưa đạt được kết quả hoàn toàn vì nhóm nghiên cứu viên của chúng tôi có ít thời gian. Hiện nay, những trẻ em có tổ chức, cùng với các gia đình và các cộng đồng của các em, đang tiếp tục tiến hành cuộc đấu tranh.

Những khát vọng được nêu ra ở đầu chương này đã nuôi dưỡng những hy vọng cá nhân và thúc đẩy nỗ lực chung, nó làm tăng niềm tin về khả năng thực hiện những hành động tập thể và (hoặc) liên kết.

Ít ra là, các lao động trẻ em tham gia vào đề án này giờ đây đã hiểu rằng họ có khả năng tiến hành những hoạt động thích hợp nhằm cải tạo thực tại của mình.

Vài nhận xét về sự tham dự

Cần bổ sung thêm rằng, không dễ dàng thu hút được sự tham gia của các lao động trẻ em nếu chỉ truyền bá thành công những nhận thức về các quá trình xã hội. Vài tháng sau khi khởi xướng hoạt động, và chỉ sau khi các em đã tin tưởng vào nhóm nghiên cứu tham dự và vào năng lực của riêng mình, các em mới bắt đầu suy xét về các điều kiện kinh tế và xã hội. Các em đã tự hỏi: chúng ta có thể làm gì với những kiến thức vừa mới tiếp thu về các quan hệ xã hội và các điều kiện lao động? Chúng ta có thể thăng tiến như thế nào? Chúng ta phải làm thế nào để có được sự ủng hộ của các thanh niên và công nhân đồng nghiệp? Những câu hỏi đó cho thấy các em đã có những đòi hỏi mới. Đây có thể coi là kết quả của việc nhấn mạnh vào các khía cạnh nhận thức theo phương pháp tham dự. Thực tế là chúng tôi đã có may mắn trực tiếp chứng kiến việc nâng cao lòng tự trọng trong lao động trẻ em và đã nhận thấy rõ ràng các em đã thay đổi thái độ cam chịu trước đây. Thái độ thụ động và cam chịu đã bắt đầu được thay thế bằng thái độ tự tin và lạc quan. Tuy nhiên cần phải kiên trì đối với các em. Những kết quả đó cho thấy tầm quan trọng của tính liên tục và quy mô lớn trong các hoạt động nghiên cứu tham dự. Một yêu cầu nữa là phải tìm kiếm những không gian ngày càng mỏng mẻ cho sự tham dự nhằm làm nổi bật những mối quan hệ bình đẳng.

Cuộc nghiên cứu của chúng tôi còn tạo ra một số kết quả phụ. Chẳng hạn, các trường học và các hợp tác xã liên quan đã bắt đầu tham khảo một số kinh nghiệm của chúng tôi. Những kinh nghiệm đó đã có tác động đáng kể đến những sơ đồ tư duy của các ngành công nghiệp làm tại nhà, đến các hoạt động văn hoá và đến các nhóm không chính thức của lao động trẻ em trong các nhà văn hoá. Thông qua các

quá trình tổ chức, có thể mở rộng sự tham dự. Những yếu tố chủ yếu cấu thành các quá trình đó là: màng lưới đoàn kết tương trợ mới, tính cộng đồng và cách nhìn nhận mới đối với những vấn đề chung.

Một phát hiện lớn nữa của đề án này là tính tác động tích cực của sự tham dự thực sự đối với sự phát triển nhân cách của lao động trẻ. Các em có thể vận dụng tốt nhiều kinh nghiệm khác nhau mà các em đã biết, trong đó có quyền tự do và quyền phát biểu quan điểm riêng của mình về những vấn đề của mình. Để đạt được điều đó, nhóm nghiên cứu viên bên ngoài, các viên chức khác và những người lớn khi đối xử với các em phải tỏ ra tin tưởng và tôn trọng. Khi đó sẽ dễ dàng nhận thấy rằng lao động trẻ có khả năng thử nghiệm tính dân chủ một cách chân thật hơn.

Chính phủ Cônômbia, mà ở đây với đại diện là Bộ Lao động, đã không thực hành loại hình tham dự dân chủ này, mặc dù trên lời nói đã đề cao vai trò của chính nguyên tắc chung đó (Flas - Borda 1988). Sự tham dự đã được hiểu chủ yếu như là hình thức kiểm tra xã hội và vận động quần chúng của Chính phủ Trung ương - đó là xuất phát từ hệ tư tưởng phát triển mang tính trên - dưới truyền thống. Tất nhiên, hệ tư tưởng phát triển này có nhiều hạn chế. Do đó, một việc rất quan trọng là phải xác định rõ ràng nội dung của sự tham dự. Nói chung, theo chúng tôi, tham dự trước hết là một triết lý bình đẳng về cuộc sống, nhằm xoá bỏ những quan hệ cường quyền, bất công hoặc bóc lột, và xây dựng một mô hình xã hội thoả đáng hơn.

Tuy là cơ quan chủ quản, các tổ chức Chính phủ liên quan đến sáng kiến hoạt động nghiên cứu tham dự này đã không nghi ngờ cách tiếp cận tham dự cấp tiến do nhóm nghiên cứu chủ trương. Ngược lại, các viên chức của các tổ chức đó đã chấp nhận những tư tưởng mang tính phê phán, có lẽ do họ thấy cần thiết phải có những giải pháp thay thế, có tính khả thi và vì nhiều giải pháp trước đây đã thất bại. Cùng

với chúng tôi, họ đã bác bỏ những phương pháp nghiên cứu cổ điển kiểu hàn lâm, như phương pháp điều tra mẫu hay lập bảng điều tra, tức là những phương pháp ít tỏ ra hiệu quả. Qua đây, chúng tôi nhận thấy rằng vẫn có khả năng tiến hành các hoạt động mới, ngay cả khi các tổ chức Nhà nước phải phụ thuộc vào những phương pháp và tư tưởng, cũng như tính mềm dẻo năng động của các viên chức của các tổ chức này. Tuy nhiên, vai trò của các viên chức này còn tùy thuộc vào những thay đổi trong chính quyền, vào sự phán xét của các quan chức cấp trên - những quan chức có thể e ngại các hoạt động đổi mới.

Mặt khác, khi các tổ chức của thanh niên đã được kiện toàn hơn và đã nâng cao các mục tiêu vật chất và tư tưởng, thì các tổ chức này sẽ có thể trở thành những đối trọng mang tính tập thể đối với các cơ quan nhà nước và có thể khuyêch trương các quá trình nghiên cứu tham dự có tính thực chất hơn. Như Borja (1986) đã phát biểu, bằng chứng cho ý muốn tham dự của một chính phủ thể hiện ở sự ủng hộ kinh tế và vật chất mà chính phủ đó giành cho các tổ chức quần chúng, cũng như ở sự công nhận pháp lý của Chính phủ, tránh áp đặt những quan hệ phụ thuộc vào các tổ chức này.

Các lao động trẻ tham gia vào sáng kiến hoạt động này của chúng tôi đã cho thấy rằng sự tham dự sẽ trở nên thực sự hơn nếu có ít nhất các điều kiện sau đây:

1. Một sự tin tưởng vững chắc vào tiền bộ của cá nhân và của cộng đồng;
2. Sự thiết lập những cơ chế tổ chức hay thiết chế thích hợp.
3. Nhà nước thực sự công nhận các nhân quyền về tiền bộ cá nhân và tiền bộ tập thể (Salazar 1987, 1988).

Theo chúng tôi, không nhất thiết phải thực hiện những mục tiêu xa xôi như "làm Cách mạng" để có được những giải pháp khả thi cho những vấn đề cụ thể hàng ngày. Tuy nhiên, không phải không có tiềm

thể "Cách mạng" trong những biến chuyển như vậy, nhất là khi những biến chuyển đó tích tụ lại và trở thành vấn đề nổi cộm ở tầm vĩ mô, như vẫn thường thấy trong các phong trào chính trị - xã hội ở cấp vùng, quốc gia và quốc tế.

Đương nhiên, muôn có những cải biến căn bản đó, cần có những phương pháp tổ chức, các nguồn lực và các quan điểm bổ sung.

Trong những điều kiện cụ thể của chúng tôi, có thể phát động một phong trào của các lao động thanh thiếu niên thông qua huấn luyện kỹ năng và những hình thức sản xuất liên hiệp. Phong trào này có thể sẽ góp phần tạo lập những cải biến cần thiết ngay cả ở cấp nhà nước độc đoán.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Brandao CR-La participación de la investigación en las trabajos de educación popular en el Brasil. In: G. Verjarano (ed.), La investigación participativa en América Latina. Mexico: CREFAL, 1983, 89-110.
2. Galeano E. Las venas abiertas de América Latina. Mexico, Siglo XXI, 1978.
3. Borja Jodig. Participación para qué? Revista foro (Bogotá), I, 1, 1986, 26-32.
4. Salazar MC. Una experiencia de investigación activa con menores trabajadores en. Lima: Centro Latinoamericano de Trabajo Socal, 1987.

3.2. Một trường hợp triển khai công nghệ theo phương pháp tham dự ở Philippin

Clive Lightfoot và Francisco Ocano⁽¹⁵⁾

Bài này miêu tả các giai đoạn khác nhau của phương pháp tham dự được áp dụng trong đề án phát triển các hệ thống canh tác ở miền đông Visayas (Philippin) nhằm xác định những vấn đề ưu tiên của nông dân, phân tích các hệ thống canh tác, tập hợp những giả thuyết của nông dân và thực hiện những thử nghiệm do nông dân tiến hành.

Các phương pháp tham dự đã được triển khai ở đây là nhằm thay thế cho các phương pháp thông thường về chuyển giao Công nghệ đã tỏ ra ít hiệu quả.

Trước khi các phương pháp tham dự được triển khai ở đây, đã có một số cuộc khảo sát kinh tế - xã hội thông thường được tiến hành. Chẳng hạn, những thử nghiệm về mô hình canh tác đã được thực hiện qua hai mùa và đang được tiếp tục thực hiện.

Công trình này được thực hiện bởi một nhóm nghiên cứu thực địa gồm hai nhà kinh tế, một chuyên gia chăn nuôi, một nhà nông học và một chuyên gia khuyến nông với tư cách là trưởng nhóm. Nhóm nghiên cứu đã được sự hỗ trợ của các viên chức cao cấp thuộc Bộ Nông nghiệp và Học viện Nông nghiệp Visayas.

Giai đoạn một: "Làm thế nào để khởi xướng"

• **Bước một:** Nông dân xác định và đánh giá vấn đề

Các cuộc họp nhóm nông dân đã nêu lên những thông tin về những chủ đề quan tâm. Đến với cuộc họp đầu tiên là những người quan tâm

⁽¹⁵⁾ Clive Lightfoot và Francisco Ocano làm việc trong Đề án FSDP-EV, Bộ Nông nghiệp, Tacloban, Philippin.

hoặc những người đã hợp tác thực hiện trong các thử nghiệm về mô hình canh tác. Việc đề nghị nông dân phát biểu về những chủ đề quan tâm hiện nay của họ đã kích thích đối thoại sôi nổi hơn và làm cho việc tiếp cận các vấn đề trở nên dễ dàng hơn so với việc hỏi thẳng họ về các vấn đề.

Một điều then chốt là cứ để cho nông dân nêu ra càng nhiều chủ đề càng tốt nhằm tạo ra một bầu không khí tự do trao đổi. Từ nhiều chủ đề đã được tranh luận, nông dân đã chọn một chủ đề mà họ muốn nghiên cứu sâu hơn thông qua các cuộc khảo sát thực tế tại các trang trại của họ - đó là vấn đề: độ màu mỡ của đất đai đang bị giảm dần.

Nông dân đã mời chúng tôi tham quan đồng ruộng của họ nhằm chỉ rõ về những gì họ đã nói trong cuộc họp. Qua các cuộc trao đổi ngắn gọn ở từng trang trại, vấn đề độ màu mỡ của đất đai, tưởng chừng rất đơn giản, đã thể hiện ra qua một mạng lưới phức hợp những biểu hiện và nguyên nhân.

Các cuộc họp nhóm những người có liên quan đã được tổ chức để nhất trí chọn một vấn đề ưu tiên. Một điều cần chú ý về các cuộc họp này là nếu ở đó không đạt được sự nhất trí thì sự quan tâm và ý muốn hợp tác của nông dân sẽ bị suy giảm, và hơn nữa, sự quan tâm suy giảm là một dấu hiệu khách quan cho thấy có sai lầm trong quá trình nghiên cứu. Từ tổng thể những vấn đề đã được nêu, sự nhất trí đã bắt đầu định hình vào những vấn đề canh tác ở những vùng cao cằn cỗi, những vùng cỏ tranh (tên khoa học: *Imperata cylindrica*).

- **Bước hai:** Phân tích các hệ thống canh tác

Trong quá trình xác định các vấn đề ưu tiên của nông dân, các nghiên cứu viên đã có đủ thông tin để xác định những điểm chốt để nghiên cứu sâu hơn. Cùng với những người cung cấp thông tin chính, các điểm chốt này được thảo luận và soạn thảo thành những chủ đề hướng dẫn. Đó là các chủ đề: phương pháp phân loại trang trại (dựa trên diện tích trang trại, quy mô gia đình, số lượng gia súc,...), miêu tả

một số quy trình (lựa chọn vùng, các quy trình canh tác, các chu trình canh tác, các chu trình gối vụ), và những lý giải xoay quanh sự xuất hiện các vấn đề (tại sao lại có cỏ tranh, tại sao nông dân phải canh tác ở các vùng đó, họ đã gặp phải sức ép nào?).

Trước khi tiến hành khảo sát, bộ chủ đề hướng dẫn dự thảo đã được một số nông dân "điển hình" kiểm tra. Một cuộc khảo sát không chính thức đã được tiến hành ở 24 hộ gia đình được lựa chọn ngẫu nhiên trong tổng số 150 hộ trong 3 vùng cao.

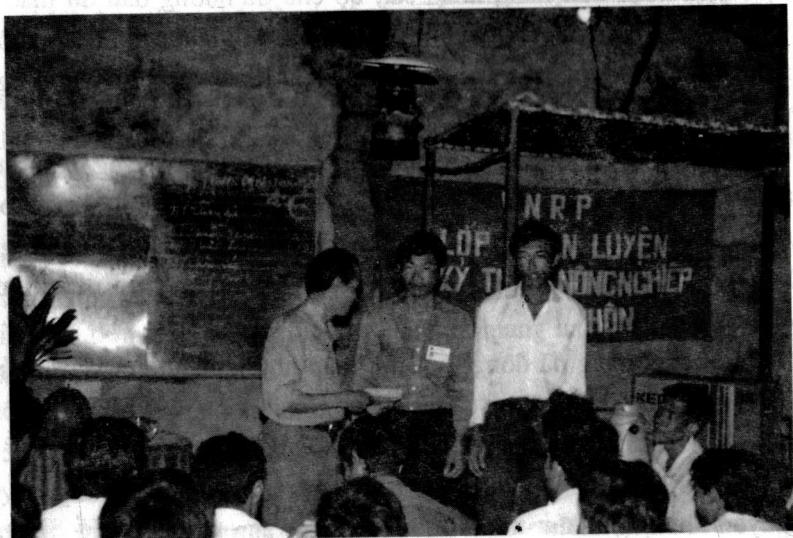
Các chủ đề khảo sát đã được thảo luận một cách không nghiêm túc, không cần theo một trật tự nhất định, trong một số buổi họp. Trong một số trường hợp, nông dân còn yêu cầu chúng tôi tới thăm những lô đất đặc biệt thuộc trang trại của họ chỉ vì họ muốn giải thích rõ một điểm nào đó.

Lúc này cũng đã đồng thời thu thập những đánh giá về tỉ lệ cấu thành của thảm thực vật ở các vùng cỏ tranh, về số lao động và công suất sức kéo cần thiết để khai khẩn các vùng đất đó.

Cuộc khảo sát không chính thức đã đưa ra những thông tin về nguyên nhân tự nhiên - sinh học và những ràng buộc kinh tế - xã hội liên quan đến vấn đề. Tại sao cỏ tranh mọc khắp nơi? Tại sao những vùng đất này được canh tác? Mỗi lý do nêu lên được thể hiện lên bảng đen trong một khung vuông với các mũi tên hướng vào khung vuông chứa vấn đề khảo sát được viết ở giữa bảng. Sau đó, một nhóm nhỏ "những người cung cấp thông tin chính" đã giải thích mối quan hệ lẫn nhau giữa các khung vuông chứa lý do, và giữa chúng với khung vuông chứa vấn đề.

Sau đó, các khung vuông lý do được sắp xếp lại theo một vòng tròn xung quanh khung vuông vấn đề, như vậy mỗi khung vuông lý do tạo thành một cung đoạn của biểu đồ các chế độ canh tác. Kích thước của mỗi cung đoạn tuỳ thuộc vào tỉ số nông dân ủng hộ cung đoạn đó.

Biểu đồ các chế độ canh tác như vậy thể hiện một tập hợp các giải pháp và mối tác động lẫn nhau giữa các quan niệm của nông dân xung quanh vấn đề của họ.



Lớp huấn luyện kỹ thuật nông nghiệp cho thanh niên
tại nơi triển khai Đề án nghiên cứu – tỉnh Minh Hải

Cuối cùng, chúng tôi đã tổ chức một cuộc họp nhóm gồm tất cả những người đã hưởng ứng nhằm đi đến sự nhất trí rằng biểu đồ canh tác trên đây đã phản ánh những gì đang diễn ra ở các trang trại của họ. Có thể nói rằng, thông qua một vài lần tham gia vào quy trình phân tích này, nông dân sẽ nâng cao khả năng sử dụng phương pháp biểu đồ vào công việc của chính mình.

Giai đoạn hai: Xác định những giải pháp cần được tiến hành kiểm nghiệm.

• **Bước một:** Tìm những giải pháp

Chúng tôi đã gọi hỏi những người nông dân về các thử nghiệm, ý kiến hoặc nhận thức của họ, nhằm để họ nêu ra những ưu tiên và suy nghĩ của mình. Phần lớn nông dân đã biết rằng cỏ tranh không phát triển được trong những vùng bóng râm và cũng không thể mầm được trong đất bị che phủ. Hơn nữa, một số người cung cấp thông tin chính còn nhận thấy rằng cỏ tranh đã bị che bóng hoặc bị ngạt bởi một số loài cây leo khoé. Trong các cuộc họp nhóm có sự tham gia của nông dân, các nhà nghiên cứu địa phương và bên ngoài, các nhận xét trên của nông dân được minh chứng bởi các phát hiện trong nghiên cứu chính thức. Nông dân còn phát biểu những ý tưởng khác nhằm kiểm soát cỏ tranh. Chẳng hạn, cày xới đất và trồng sắn hay mía đường. Để bổ sung vào danh sách giải pháp này, các nhà nghiên cứu đã đưa ra ý kiến về sử dụng chất diệt cỏ.

• **Bước hai:** Sàng lọc các giải pháp

Tại các cuộc họp khảo sát công nghệ, những người cung cấp thông tin chính và các nghiên cứu viên trình bày trước nhóm nông dân về các giải pháp khác nhau, mở ra cuộc tranh luận công khai giữa "những người ủng hộ" và "những người phản đối". Biểu đồ các chế độ canh tác đã được dùng để quy tụ các cuộc tranh luận khi "những người ủng hộ" thiên về những lợi ích tiềm tàng của những tác nhân tự nhiên - sinh học, còn "những người phản đối" lại thiên về xung đột tiềm tàng của những ràng buộc kinh tế - xã hội.

Ví dụ, những người nông dân đã cho rằng, việc cày xới sẽ đòi hỏi nhiều lao động và sức kéo, là những yếu tố mà họ đang thiếu, còn các chất diệt cỏ thì đắt tiền. Tuy nhiên, sẽ không gặp cản thảng về tiền bạc và lao động nếu áp dụng giải pháp che phủ cỏ tranh bằng cách trồng cây hoặc dây leo như cây sắn dây.

Mặc dù một số nông dân đã muốn thử trồng sắn dây, những người khác lại muốn tìm hiểu xem cây này sinh trưởng như thế nào

trước khi quyết định trồng thử. Một chuyên tham quan tại một trại nghiên cứu đang trồng cây keo giậu, sắn dây và cây *centrosema* đã được tổ chức cho những người này. Một chú ý quan trọng ở đây là nếu sau khi xem xét kỹ mà vẫn không đạt được sự nhất trí mạnh mẽ, thì nên quay trở lại thực hiện một lần nữa những giai đoạn trước hơn là tiếp tục tiến hành những thử nghiệm không dân chủ.

Giai đoạn ba: "Kiểm nghiệm"

- **Bước một:** Xác định những giả thuyết kiểm nghiệm

Nông dân đã quyết định, qua các cuộc họp nhóm, kiểm nghiệm tác dụng của một số loài đậu leo đối với việc phục hồi các vùng cỏ tranh cần cỗi. Họ nhận thấy rằng các loài cây này có thể che bóng lên cỏ tranh và do đó đã trực tiếp cải thiện độ màu mỡ của đất.

Hơn nữa, họ còn cho rằng việc che phủ nền đất bằng thảm cây có thể sẽ tốn ít công chăm sóc hơn là tạo những bụi cây cao. Nhưng liệu tất cả những điều đó đã đủ? Cả các nghiên cứu viên lẫn nông dân đều chưa trả lời được câu hỏi này, và họ muốn tìm ra câu trả lời.

- **Bước hai:** Thiết kế những cuộc thí nghiệm do nông dân tiến hành

Trong các cuộc viếng thăm tại từng trang trại, nông dân được quyết định đa số các vấn đề liên quan đến thí nghiệm. Theo hướng dẫn của một nhà nghiên cứu, nông dân chọn địa điểm và kích thước của lô đất thí nghiệm từ 500 -1000 m². Tuy nhiên, số cuộc thí nghiệm bị hạn chế bởi số lượng hạt giống rau sẵn có. Nông dân đã triển khai những phương pháp của riêng mình trong việc trồng rau. Nông dân không biết các thông số đánh giá và muốn tìm hiểu điều đó. Việc đánh giá của các nhà nghiên cứu bao gồm cả đánh giá của nông dân và những đánh giá theo tiêu chuẩn sinh học.

- **Bước ba:** Hướng dẫn các cuộc thí nghiệm do nông dân tiến hành

Theo trình tự các cuộc thăm trang trại, nông dân cùng với các nhà nghiên cứu vạch ranh giới lô đất làm thí nghiệm và nông dân đã làm đất và trồng rau. Các nhà nghiên cứu đã cung cấp hạt giống rau, ghi lại mật

độ cỏ tranh, lấy mẫu đất và số lượng lao động đã bỏ ra. Nông dân và các nhà nghiên cứu đã định kỳ thăm các lô đất thí nghiệm để ghi nhận những tiến triển và xác định các thông số sinh học. Nếu rau không mọc, các nhà nghiên cứu đã động viên nông dân gieo lại.

Tất cả các lô đất thí nghiệm đã được khoanh vùng và trồng cây sắn dây và cây *Centrosema*. Đồng thời cũng đã lập các vườn ươm cây *Desmodium ovalifolium*. Mặc dù gặp hạn hán kéo dài, lợi ích thu được vẫn lớn. Sau sáu tháng, các loài rau trên đã bao phủ 25% mặt đất, vì một phần do hạn hán, một phần do hoả hoạn. Phần lớn các lô đất thí nghiệm giờ đây đã sẵn sàng để trồng loại rau thứ hai là cây *Desmodium ovalifolium*.

- **Bước bốn:** Phân tích cuộc thí nghiệm

Nông dân đã thường xuyên phân tích cuộc thí nghiệm. Tuy nhiên, kết quả cuối cùng còn phải chờ kiểm nghiệm tất cả các giả thuyết, tới lúc các nhà nghiên cứu đưa ra những đánh giá về số lượng lao động cần cho việc trồng rau. Các nhà nghiên cứu cũng đã chỉ ra tỉ lệ bao phủ của rau và cỏ tranh. Những dữ liệu và đánh giá này, cùng với các ý kiến của nông dân đã được đem ra tranh luận trong các cuộc họp nhóm thường kỳ của nông dân.

Thảo luận

Phương pháp đã nêu trên đây khuyến khích sự tham dự của nông dân. Nó còn thúc đẩy việc vận dụng các phương pháp thích hợp khi xác định hệ thống các vấn đề, phân tích các hệ thống và thiết kế các cuộc thí nghiệm theo các lô cây trồng mẫu mà mục tiêu là tối đa hóa sản lượng theo hécta và đạt lượng vốn đầu tư cao. Ngược lại, nông dân ở vùng cao không quan tâm tới việc nâng cao ngay tức thì sản lượng và vốn đầu tư, ưu tiên hàng đầu của họ là phục hồi dần dần đất khô cằn và tiết kiệm sức lao động.

So với những cuộc thí nghiệm thông lệ theo các lô đất trồng, phương pháp mới này dẫn đến những kết quả khác.

Các cuộc thí nghiệm theo các lô đất trồng thường tập trung vào một hoặc hai giống cây và giả định rằng các cây này sẽ được trồng thường xuyên. Nếu xét rộng hơn về hệ thống canh tác ở vùng cao thì ta thấy rằng nông dân vùng cao không chỉ canh tác trên nhiều vùng nông nghiệp - sinh thái, mà họ còn thực hiện điều đó theo lối quay vòng canh tác - hoang hoá. Do vậy nông dân này đã quan tâm đến các vùng đất hoang mà chưa quan tâm đến các vùng đất đã phục hoá.

Trong hoàn cảnh đó, sự tham dự là lớn hơn và với quan điểm hệ thống hơn so với nghiên cứu theo mẫu cây trồng thông lệ, và nhất định sẽ dẫn tới những khác biệt lớn cả về chủ đề nghiên cứu lẫn định hướng can thiệp. Xét về mặt phương pháp luận, phương pháp này đã dẫn đến những cuộc thí nghiệm khác thường. Đối với lối canh tác quay vòng trồng dừa - hoang hoá, đất hoang đã được chuyển sang trồng cây họ đậu nhằm nâng cao độ màu mỡ của đất và giảm chi phí lao động.

Phương pháp tham dự, phương pháp sử dụng kiến thức của nông dân, hiện nay đang giải quyết các vấn đề mà nghiên cứu thông thường theo mô hình thu hoạch đã không có khả năng giải quyết.

Sau khi thực hiện thí nghiệm đã nêu, nông dân tham gia đã nâng cao năng lực hay kỹ năng của mình cũng như đã nâng cao thiện chí hợp tác với nhau. Họ cũng đã tăng cường khả năng tham gia vào quá trình thí nghiệm này nhằm giải quyết những vấn đề khác. Hơn nữa, họ cũng đã được huấn luyện để có thể truyền đạt lại cho nông dân khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1- Lightfoot C, O de Guja Jr. and F. Ocad. A participatory method for systems - problem research Rehabilitating marginal uplands in the Philippines In: Experimental agriculture. Volume 24 Part 3, The Journals Publicity Department, Cambridge University Press, The Edinburgh Building, Shaftesbury Road, Cambridge CB2 2RU England, 1988.
- 2- Lightfoot C. Indigenous research and on-farm trials. Agricultural Administration and Extension 24, 1987, 79-89.

3.3. Tự phát triển nông nghiệp của nông dân⁽¹⁶⁾

Peter Gubbles

Kinh nghiệm của Tổ chức "Những người láng giềng toàn cầu" (World Neighbors -WN) ở Tây Phi

Ở Tây Phi đang tồn tại sự bất cập giữa những gì mà các nhà nghiên cứu nông nghiệp và khuyến nông muốn thực hiện với các nhu cầu của đa số tiểu nông. Hình như người ta ngày càng nhận thức được rằng để xoá bỏ sự bất cập đó, nông dân phải tham gia tích cực hơn nhiều vào việc nghiên cứu và phát triển nông nghiệp. Các tổ chức nghiên cứu và khuyến nông và các tổ chức phi chính phủ cần định hướng lại cách tiếp cận của mình để giúp nông dân học cách giải quyết có hiệu quả những vấn đề nông nghiệp của chính mình, hơn là cứ thay cho nông dân cố giải quyết các vấn đề đó.

Tư tưởng này chưa đựng tiềm năng lớn, tuy nhiên các mô hình hoạt động để tăng cường và thể chế hóa khả năng hiện có của nông dân nhằm xác định, thử nghiệm và thích ứng các kỹ thuật nông nghiệp mới còn chưa được phát triển đầy đủ.

Từ năm 1983 Tổ chức "Những người láng giềng toàn cầu" đã đặc biệt quan tâm tới việc triển khai một cách tiếp cận hữu hiệu nhằm giúp nông dân ở Tây Phi học cách cải thiện nền nông nghiệp của mình một cách có hiệu quả hơn thông qua các cuộc thử nghiệm ở quy mô nhỏ. Cách tiếp cận này đã được miêu tả trong cuốn *Two Ears of Corn* của Roland Bunch - cuốn sách xuất phát từ kinh nghiệm 30 năm hoạt động của WN, nhất là ở Trung Phi. Vấn đề là liệu những nguyên tắc cơ bản của cách tiếp cận này có được ứng dụng thành công ở Tây Phi hay không?

⁽¹⁶⁾ Nguồn: ILEIA Newsletter. October 1988 Vol.4, No 3, page 11-14.

Chương trình hoạt động đầu tiên của WN đã được thực hiện ở Tôgô, và sau khi đã có ít nhiều thành công ở đây, WN đã thực hiện các chương trình mới ở Mali, và gần đây hơn là ở Chad và Burkina Faso. Mặc dù quá trình thích ứng cách tiếp cận này đối với bối cảnh Tây Phi còn chưa được hoàn thiện, song những kết quả thu được là rất đáng khích lệ.

Cả ở Bôgô lấn Mali, những loại giống ngắn ngày, kể cả đậu đũa, ngô, lúa miến và kê, đã thực sự là những công nghệ tạo làn sóng khởi đầu, gây nên lòng nhiệt tình háng hái của nông dân, tạo thuận lợi để tiến hành thường xuyên các cuộc thử nghiệm đối với các loại công nghệ khác.

1. Đánh giá của nông dân về các vấn đề nông nghiệp

Người nông dân hiểu rất rõ vùng nông - sinh thái, hệ thống canh tác và môi trường kinh tế - xã hội của mình. Nhận thức của họ cao hơn những gì mà những người bên ngoài thực sự muôn biết, ngay cả sau một thời gian dài nghiên cứu.

Trong khuôn khổ chương trình tự phát triển nông nghiệp do WN đề xướng, chính nông dân đã linh trách nhiệm phân tích hệ thống nông - sinh thái. Một công trình nghiên cứu về những biến đổi nông nghiệp tự lực ở Tây Phi đã cho thấy rằng nông dân là những người đổi mới năng động và là những người quản lý môi trường địa phương của mình (Richards 1985, 1988). Họ vốn có khả năng phân tích những vấn đề nông nghiệp của mình và từ đó tiến hành những biến đổi thích hợp đối với hệ thống canh tác của họ.

Mục tiêu của WN là tăng cường khả năng hiện có của nông dân và làm cho những khả năng đó được phát huy có hiệu quả hơn.

Nhằm thực hiện mục tiêu này, trong một khu vực đã định, WN phải nhận thức rõ hệ thống canh tác của địa phương. Tuy nhiên, mục đích không phải là để hiểu hệ thống canh tác của vùng nông-sinh thái

này trong tính tổng thể của nó nhằm chỉ ra cho nông dân về những trở ngại trong sản xuất nông nghiệp, mà trọng tâm là chỉ tìm hiểu những gì cơ bản nhất nhằm hướng dẫn nông dân một cách thiết thực để họ tự phân tích. Trước khi tiếp xúc với nông dân trong vùng đã chọn, WN liên hệ với các cơ quan nghiên cứu nông nghiệp và khuyến nông nhằm tìm hiểu tình hình chung của vùng, nhất là về nền nông nghiệp địa phương, bao gồm các vụ cây trồng chính, kỹ thuật canh tác, sự luân canh, sự phân công lao động, khả năng tiếp cận các nguồn vật liệu và tín dụng v.v...

WN sử dụng các thông tin chung thu nhận từ các nguồn bên ngoài để soạn ra các câu hỏi cho cuộc điều tra nhằm giúp nông dân trong vững phân tích nền nông nghiệp của họ và xác định những vấn đề ưu tiên. Cuộc điều tra này đã được tiến hành bởi một nhóm bao gồm một hoặc hai người hướng dẫn có kinh nghiệm của WN và một nhân viên sở tại biết tiếng địa phương.

Một vùng thực hiện chương trình của WN điển hình có thể gồm 20 đến 80 làng. Nhóm làm việc WN có thể thăm khoảng 10 làng, được lựa chọn tùy theo tiêu chuẩn do nhóm đề ra, trong đó có chú ý đến những gì mà nhóm đã biết về vùng đó.

Trước và trong cuộc thăm viếng này, WN thường chuẩn bị kỹ càng sao cho những người đứng đầu của làng, các chủ gia đình và cả phụ nữ - đại diện cho tất cả các tầng lớp dân cư địa phương - tham gia vào cuộc họp không nghỉ.

Theo kinh nghiệm của WN, một điều quan trọng là phải tổ chức các cuộc thảo luận không nghỉ thông qua việc đưa ra các câu hỏi nhằm kích thích sự phân tích và suy nghĩ.

Việc đơn giản là đưa ra câu hỏi: "Các bạn có vấn đề gì?" cũng đồng nghĩa với việc cung cấp những thông tin nhất định và một đơn

đặt hàng về tín dụng, vật tư và dịch vụ mà dân làng hy vọng những người bên ngoài có thể cung cấp cho họ sau này.

Ba chủ đề chính:

Phương pháp hữu ích nhất mà WN sử dụng nhằm gây nên những cuộc tranh luận giàu thông tin và có tính phân tích là đưa ra một loạt các câu hỏi dựa trên ba chủ đề chính sau đây:

1. So sánh nền nông nghiệp ở thời cha ông của các bạn với nền nông nghiệp hiện nay do các bạn thực hiện, từ đó hãy tìm hiểu những thay đổi lớn đã diễn ra.

2. Những vấn đề chính hay những khó khăn cản trở sản xuất nông nghiệp mà các bạn đang gặp phải là gì? Tại sao những vấn đề đó xảy ra? Nguyên nhân sâu xa của vấn đề đó?

3. Trong những năm gần đây, để đối phó với những vấn đề đó, bạn đã thử áp dụng những tư tưởng mới, những kỹ thuật mới nào? Những tư tưởng mới này có giải quyết được những vấn đề nói trên không?

Những câu hỏi này, nếu được sử dụng khéo léo, sẽ là cơ sở đầy đủ để thu được những thông tin có chất lượng, có tính phân tích, từ đó có thể tiến hành quá trình giúp nông dân xác định, nghiên cứu và thử nghiệm những kỹ thuật mới nhằm giải quyết những vấn đề đã được xác định.

WN nhận thấy rằng phương pháp giúp những người tham dự phân tích tình hình của mình như vậy đã có kết quả lớn trong việc xác định những vấn đề ưu tiên chung của đa số dân chúng. Có những vấn đề như khả năng tiếp cận các nguồn sức kéo và phân bón được đưa ra, chủ yếu liên quan đến những nông dân khá giả, khi xác định và áp dụng những đổi mới khác nhau, WN đã loại bỏ những giải pháp không hỗ trợ cho đa số dân chúng.

Những vấn đề chung và những giải pháp địa phương:

Ở Mali, BurkinaFaso và Tôgô, trong những vùng mà WN đã khởi xướng các chương trình nông nghiệp, sự phân tích của nông dân về những vấn đề ưu tiên của họ đều rất giống nhau. Ngay cả khi các vùng nông-sinh thái của mỗi chương trình hoàn toàn khác nhau, hầu như vấn đề ưu tiên vẫn như nhau.

1. Lượng mưa suy giảm và ngày càng không đều. Tính không đều này thể hiện rõ nhất vào đầu và cuối mùa mưa.

2. Độ màu mỡ của đất đai đang bị suy giảm.

WN cũng nhận thấy một sự giống nhau nữa là nông dân ở trong mỗi vùng mà chương trình khảo sát, đã thích ứng và áp dụng những cải tiến đa dạng nhằm đối phó với những vấn đề nông nghiệp của mình. Họ đã kể ra một số ví dụ như:

- Xác định những giống lúa miền và kê ở địa phương có chu kỳ sinh trưởng ngắn.

- Sử dụng hợp lý các vùng đất sình lầy và các thung lũng lưu nước, làm cho các vụ cây không chịu hạn trở nên ít rủi ro.

- Làm các đê, đập ngăn xói lở.

- Áp dụng kỹ thuật làm đất nhanh cùng với gieo sowing nhằm tận dụng mưa.

- Dùng thân cây, vỏ phủ lên đồng.

Mặc dù những ví dụ đó cho thấy nông dân vốn đã thực hiện việc nghiên cứu và khuyến nông theo cách của mình, WN cho rằng quá trình tự phát đó chưa có tính hệ thống và chưa có tổ chức. Nếu họ thành công, những người láng giềng sẽ nhìn thấy và học tập, và một quá trình truyền bá không chính thức diễn ra. WN nhận thấy rằng sáng kiến tổ chức các cuộc họp là dịp đầu tiên mà dân làng họp lại để suy nghĩ về những cải biến nông nghiệp đã xảy ra và phân tích các vấn đề

từ giác độ của một nhóm. Cần có nỗ lực cộng đồng có tổ chức, phối hợp để xác định những ưu tiên, phân tích các vấn đề, tìm kiếm các giải pháp và hành động.

2. Giúp nông dân xác định những đổi mới tiềm năng

Một khi những ưu tiên nghiên cứu chính đã được nông dân xác định trong khuôn khổ một cuộc tổng điều tra, phương pháp của WN luôn bắt đầu ở qui mô nhỏ, tiến hành tập trung vào 3 đến 5 làng điểm (được chọn lọc theo những tiêu chuẩn chiến lược nhất định).

Việc giới thiệu về WN đã làm cho dân làng hiểu và quan tâm tới việc thử nghiệm những công nghệ nông nghiệp mới, và dân làng đã đi đến nhất trí về những ưu tiên nghiên cứu nông nghiệp (WN quan tâm đến những đổi mới đáp ứng yêu cầu của đa số nông dân nghèo), WN bắt đầu tiến hành quá trình xác định những đổi mới thích hợp mang tính tiềm năng.

Tuy nhiên, đôi khi WN phát hiện ra rằng các ưu tiên của dân làng không liên quan trực tiếp đến trồng trọt và chăn nuôi. Ví dụ, ở Bassar thuộc Togo, một số cộng đồng nông thôn có vấn đề gay gắt đối với bệnh do sâu guinea. Hơn 40% nam nữ đã mắc phải bệnh dịch lây truyền qua nước trong vụ gieo trồng và đã mất khả năng làm việc ngoài đồng. Do vậy ở các cộng đồng này, trước hết là phải cải thiện nguồn cấp nước và loại bỏ bệnh sâu guinea, sau đó mới bàn đến những vấn đề nông nghiệp.

Thông thường các nhân viên của đề án được phân bố theo chuyên môn hoá nhằm giúp nông dân giải quyết các vấn đề trong một lĩnh vực nhất định, chẳng hạn trồng trọt hay chăn nuôi.

Theo kinh nghiệm của WN, những ưu tiên của cộng đồng không phải lúc nào cũng liên quan đến nông nghiệp và thậm chí nếu có liên quan, thì những trở ngại chính đối với sản xuất có thể có quan hệ tới

các nhân tố như sức khoẻ, nguồn cấp nước. Một điều cực kỳ quan trọng để đi đến thành công là các chương trình phát triển nông nghiệp phải đủ mềm dẻo sao cho nông dân tự mình định ra các vấn đề ưu tiên.

Khi khởi xướng một chương trình mới theo cách đó, WN đã chuẩn bị những điều kiện cơ bản thông qua mối quan hệ với các cơ quan nghiên cứu nông nghiệp và khuyến nông quốc gia, nhất là những cơ quan đóng ở gần vùng thực hiện chương trình. Đồng thời WN cố gắng học tập kinh nghiệm của các tổ chức phi chính phủ khác và có những mối liên hệ không chính thức nông dân trong những vùng đã triển khai những đổi mới nhằm giải quyết những vấn đề tương tự mà chương trình đang gặp phải.

Cuối cùng, trong quá trình điều tra nghiên cứu ban đầu, các nhân viên WN nhiều khi đã thành công trong việc xác định những nông dân có óc sáng kiến trong vùng thực hiện chương trình.

WN mong muốn xác định những đổi mới tiềm năng từ cả ba nguồn kể trên, do đó dân làng sẽ không nghĩ rằng chỉ có các trung tâm nghiên cứu mới là nguồn công nghệ mới duy nhất.

Tuyển chọn những đổi mới:

Sau khi đã thực hiện các công việc nói trên, Trung tâm sẽ tuyển chọn những đổi mới đã được xác định theo những tiêu chuẩn then chốt nhất định (Bach 1982). Những tiêu chuẩn quan trọng nhất, đó là tính đơn giản, tính dễ chấp nhận được đối với đa số những nông dân nghèo, mức độ rủi ro thấp, khả năng đem lại kết quả có ý nghĩa và nhanh.

Nếu có thể, WN sắp xếp để các đại biểu của một số làng chọn lọc đi tham quan thực tế nhằm thu nhận những thông tin trực tiếp về những đổi mới này. Thông thường, đây là lần đầu dân làng muôn tham quan một trạm nghiên cứu hoặc một vùng xa ở trong nước.

Tầm quan trọng của những chuyến tham quan đó không đơn giản ở việc thu nhận trực tiếp các thông tin và lắng nghe những người đã có

kinh nghiệm cụ thể. Theo quan điểm của WN, mục đích chính của việc đó là triển khai những mối quan hệ độc lập của nông dân trên địa bàn rộng hơn, chứ không chỉ gò bó ở cấp làng.

Nếu nông dân được động viên và hỗ trợ để thiết lập các mối quan hệ trực tiếp với các nguồn đổi mới tiềm tàng khác nhau, mà không chỉ dựa vào WN, thì về lâu dài nông dân sẽ phát triển tính tự tin cần thiết để thực hiện nhiệm vụ xác định công nghệ mới cho mình mà cần rất ít sự hỗ trợ từ bên ngoài.

Khi quá trình đó đã được thực hiện, với sức mạnh đáng kinh ngạc, nông dân đã nâng cao những đổi mới tự lực và khai thác mà lối quan hệ bên ngoài của mình để tìm kiếm các tư tưởng mới.

Cuối cùng, cùng với việc nâng cao tính tự tin, nông dân trong các làng tham gia chương trình đã dựa vào tính sáng tạo của riêng mình để nghiên cứu các phương pháp khác nhau nhằm cải tiến kỹ thuật nông nghiệp. Thông thường khả năng sáng tạo đó dựa trên việc thử nghiệm qua những thời vụ trồng trọt khác nhau, các kỹ thuật trồng xen, các giống cây mới chu kỳ ngắn đã được cộng đồng kiểm nghiệm và chấp nhận.

3. Thủ nghiệm công nghệ mới

Trong chương trình Sanando của WN ở gần Segoa, Mali, nông dân đã trải qua nạn hạn hán gay gắt năm 1984 và 1985. Các giống kê và lúa miền địa phương của họ đã không sống được tới mùa mưa.

Thêm vào đó, dân làng đã phải chịu đựng mùa giáp hạt khốn đốn trong tháng bảy và tháng tám do dự trữ lương thực từ vụ gặt năm trước đã cạn kiệt trước khi thu hoạch các giống cây dài ngày của địa phương.

Khi được hỏi về những giải pháp mà họ đã thử thực hiện nhằm giải quyết những khó khăn đó, nông dân đã trả lời rằng họ đã tìm ra

một giống kê địa phương gọi là souna có chu kỳ sinh trưởng ngắn, chỉ ba tháng.

Tuy nhiên, souna đã giúp nông dân đối phó với các mùa gieo trồng ngắn hơn, nhưng theo họ, giống kê này có chất lượng thấp và kém ngon. Họ sẽ rất hứng thú nếu WN giúp có được những loại giống ngắn ngày. Thông tin này đã củng cố kinh nghiệm trước đây của WN là nông dân đã tự đổi mới nhằm đối phó với các vấn đề nông nghiệp. Sự can thiệp hiệu quả nhất mà các cơ quan bên ngoài có thể thực hiện phải theo cùng một hướng với nông dân, bằng cách cải tiến, tăng cường hoặc bổ sung kiểu đổi mới tự lực đang được nông dân kiểm nghiệm và chấp nhận.

Do đó, đề án của WN đã xác định một loạt các giống ngắn ngày mới đối với kê, lúa miến và đậu đũa. Một số giống này do một trạm nghiên cứu khuyên dùng. Một số khác có nguồn gốc địa phương do những nông dân cá thể tìm ra, với sự cổ vũ của các nhân viên đề án của WN.

WN đã tổ chức các cuộc họp tại 4 làng được lựa chọn kỹ càng, thuộc huyện Sanando, với sự có mặt của cả nam giới lẫn phụ nữ.

Mỗi người tham gia học được trao một nhúm nhỏ các loại hạt giống mới và xem xét hạt giống cẩn thận. Sau đó, người hướng dẫn hỏi họ xem đó là loại hạt giống gì, trước đây họ đã từng thấy loại hạt giống đó chưa và nhìn bề ngoài, hạt giống đó có khác gì với hạt giống địa phương.

Những câu hỏi đó luôn tạo ra cuộc tranh luận sôi nổi và hấp dẫn, đặc biệt khi người hướng dẫn của WN nói rằng những hạt giống đó cho thu hoạch chỉ sau 3 tháng. Nông dân đã đặt nhiều câu hỏi sâu về yêu cầu về đất, mật độ gieo trồng, hình dáng cây v.v...

Người hướng dẫn trả lời rằng anh ta đã tìm được hạt giống ngắn ngày đó từ các vùng khác ở Mali, nhưng ngoài điều đó ra, anh ta biết

rất ít. Nông dân đã xác định rằng những hạt giống này trước đây chưa bao giờ được trồng trong làng họ, thậm chí họ không biết cách trồng hạt giống đó trong điều kiện địa phương của họ.

Vậy các bạn nghĩ nên làm gì? Một số nông dân trở nên hăng hái và đề nghị trồng các giống mới lên toàn bộ cánh đồng.

✓ Những nông dân thông minh, cẩn thận hơn đã đáp lại rằng như thế rất mạo hiểm vì giống mới đó họ hoàn toàn chưa biết. Do đó, chính cộng đồng (chứ không phải WN) đề xuất ý kiến thử nghiệm những hạt giống mới ở qui mô nhỏ.

Các bước cơ bản:

Vậy chúng ta nên thử nghiệm các giống mới này như thế nào? Một lần nữa, người hướng dẫn không đưa ra những qui trình đã được kiểm nghiệm, xác định từ trước mà WN mong muốn. Thay vào đó, người hướng dẫn đưa ra cho nông dân một loạt các câu hỏi đã được chuẩn bị cẩn thận (những yếu tố kích thích nhận thức) nhằm tìm hiểu xem nông dân nghĩ gì về cách thức tiến hành một cuộc thí nghiệm nông nghiệp và nhằm động viên họ tự lực thảo ra các bước cơ bản của quá trình thí nghiệm:

* - Mỗi gia đình trong làng đều thử trồng giống mới hay chỉ một số ít gia đình?

- Nếu chỉ một số ít gia đình, dựa theo tiêu chuẩn nào để lựa chọn những người được thực hiện?

- Tất cả thể loại thí nghiệm đều được thực hiện cạnh nhau trên một cánh đồng lớn, hay ở trên phần đất của mỗi nông dân tham gia trồng thử?

- Chỉ cần một thí nghiệm cho mỗi loại giống? Tại sao như vậy hoặc tại sao không nên như vậy? Nếu không nên như vậy, cần có bao nhiêu lô thí nghiệm cho mỗi loại giống, sao cho kết quả thu được có độ tin tưởng cao?

- Làm thế nào để sản lượng của các giống mới này cao hơn các giống của địa phương chúng ta?

- Các lô thí nghiệm nên là những phần đất đặc biệt hay là đất thông thường, ở đó nông dân đã dự định gieo trồng cây cùng loại của địa phương?

Theo cách này, thông qua khuyến khích đối thoại, tranh luận có hướng dẫn, kỹ thuật nêu vấn đề, WN đã kích thích nông dân trong bối cảnh cộng đồng, đưa ra những quyết định cơ bản về cách thức tiến hành các cuộc thí nghiệm và tạo cho nông dân cảm giác rằng việc thí nghiệm các giống mới là vì lợi ích trực tiếp của họ chứ không phải vì các chương trình của WN.

Tại mỗi làng trong số 4 làng nói trên, nông dân đều đi đến những kết luận giống nhau về cách tiến hành các cuộc thí nghiệm. Mỗi cộng đồng đã quyết định chọn một số nhất định các tác nhân (những nông dân dẫn đầu), những người có thể tiến hành các cuộc thí nghiệm trên phần đất riêng của họ. Dân làng đã chọn cách làm những lô thí nghiệm nhỏ, từ 10x10 bước đến 30x30 bước tùy theo mỗi cuộc thí nghiệm và loại giống. Để có được những kết luận tin cậy cao, toàn thể cộng đồng đã quyết định rằng mỗi thí nghiệm phải được tiến hành ít nhất 5 đến 10 lần trong làng của họ. Lập luận của họ là cuộc thí nghiệm phải được tiến hành trong tất cả các điều kiện khác nhau của làng (tức là đất màu mỡ/đất cằn, đất cao/đất thấp, thời vụ trồng trọt v.v...)

Nông dân đã nhanh chóng nhận thấy lợi ích của các lô đối chứng dùng giống địa phương của họ, đặt ngay cạnh các lô thí nghiệm giống mới nhằm so sánh các kết quả giữa hai lô trong những điều kiện như nhau (thời gian gặt hái, làm đất, làm cỏ, mật độ trồng v.v...).

Ngay trước vụ gieo trồng, các nhân viên của đề án WN đã mời tất cả nông dân dẫn đầu của 4 làng tham dự một khóa đào tạo ngắn về những nguyên tắc cơ bản tiến hành một cuộc thí nghiệm thực tế. WN

làm cho nông dân hiểu rõ rằng mỗi người phải quản lý lô thí nghiệm của mình và định ra phương án sản xuất tùy theo suy nghĩ riêng và thói quen của mình.

Ở đâu cũng vậy, sản lượng thu hoạch từ lô thí nghiệm sẽ thuộc về người tiến hành thí nghiệm, nhưng những thông tin thu được từ cuộc thí nghiệm sẽ được báo cáo và truyền bá cho toàn thể cộng đồng.

WN nhấn mạnh nguyên tắc là lô thí nghiệm và lô đổi chứng phải được chăm sóc như nhau, sao cho chỉ có một nhân tố sản xuất khác nhau là về giống. Về điểm này tất cả nông dân dãy đầu đã được huấn luyện về cách dùng cọc phân định ranh giới các lô thí nghiệm của mình và cách đánh giá hiện trường. Trong suốt thời gian sinh trưởng của giống mới, các nhân viên của WN đã đến thăm đều đặn tất cả khoảng 20 nông dân dãy đầu trong 4 làng tham gia. Do đó các nhân viên của WN đã thu thập được những dữ liệu quan trọng bổ sung mà nông dân đã không ghi nhận lại. Những dữ liệu này cần thiết cho việc giải thích và phân tích ở cấp đề án sau này.

4. Đánh giá các kết quả

Một vài tháng sau vụ gặt, WN đã tổ chức các cuộc họp ở cấp làng để đánh giá kết quả. Mỗi nông dân dãy đầu trình bày một báo cáo đầy đủ trước toàn thể cộng đồng.

Việc đánh giá các kết quả dựa vào một loạt các tiêu chuẩn, chủ yếu do chính nông dân định ra, bao gồm năng suất, mùi vị, khả năng chịu hạn và kháng bệnh, khả năng bảo quản, tính doanh lợi v.v... bằng cách đặt câu hỏi tại sao trang trại A đã có năng suất cao hơn trang trại B? và bạn đánh giá như thế nào về tất cả những sự khác biệt giữa các lần lặp lại thí nghiệm. Những kiến thức sâu kín của nông dân về sản xuất nông nghiệp sẽ được đem ra nhằm làm phong phú các dữ liệu, thông tin và hiểu biết.

Sau đó, WN đã tổ chức một cuộc họp giữa các làng với sự tham gia của các địa diện của tất cả 4 làng để so sánh các kết quả và thảo luận về các kết luận. Cuộc họp 3 ngày này, được tổ chức tại một trong 4 làng trên, đã đem lại những nhận thức khá mới mẻ. Các đại biểu đã xem xét mỗi đổi mới đã được kiểm nghiệm và đã quyết định hoặc là:

1. Hoàn toàn phản đối.
2. Thủ lại các đổi mới với nhiều lần thí nghiệm hơn trong những điều kiện khác nhau, hoặc.
3. Đề nghị tiến hành đổi mới trên phạm vi rộng.

Toàn thể nông dân không chỉ đã rõ năng lực cao của họ trong việc đánh giá các kết quả, mà đổi mới được khuyến nghị áp dụng rộng rãi, họ còn có khả năng đưa ra một danh mục rất hấp dẫn về các kỹ thuật canh tác (thời gian làm đất, dạng đất, mật độ trồng v.v...) nhằm tận dụng tối đa giống mới trong hệ nông - sinh thái địa phương.

Mặc dù, những khuyến nghị này không xuất phát từ những dữ liệu thí nghiệm chặt chẽ về mặt khoa học, nhưng nông dân đã đưa ra các phương pháp theo kinh nghiệm nhà nông, óc quan sát tinh xảo và kiến thức sâu kín của mình về các điều kiện của địa phương.

Trong hai năm sau, những kết luận của nông dân nói trên đã trở nên đặc biệt vững chắc, khi nông dân làm theo các kết luận của mình, và những đổi mới thích hợp đó đã nhanh chóng được phổ biến sang 10 làng khác thông qua nỗ lực khuyến nông do cấp làng chủ trương.

5. Thể chế hoá quá trình

Sau khi khởi xướng quá trình tự phát triển nông nghiệp đã được trình bày trên đây, WN tiến hành củng cố, cải tiến, mở rộng và làm cho quá trình đó có khả năng tự duy trì. Một mạng lưới nông dân được đề án tuyển để thực hiện thí nghiệm, đã tham gia khóa đào tạo bổ sung

về cách thức tiến hành các cuộc thí nghiệm quy mô nhỏ, học cách tổ chức các cuộc thí nghiệm đơn giản, không chỉ về cách tiến hành các thí nghiệm đạ dạng, mà còn cả cách kiểm nghiệm việc tròng xen, mật độ tròng luân canh, việc làm đất, độ màu mỡ đất đai, bảo quản và nguồn nước, các kỹ thuật trữ sâu.

Vì hầu hết nông dân trong các vùng thực hiện chương trình của WN là mù chữ, nên dạy văn hoá là một bộ phận của khoá đào tạo, giúp cho nông dân tình nguyện có khả năng đo lường chính xác và ghi lại các số liệu bổ sung liên quan, như lượng mưa, thời hạn gieo trồng, các vị trí trồng cây v.v... Khi nông dân có thể tiếp thu cách tổ chức trực tiếp, WN nhận thấy rằng chương trình khuyến nông do làng quản lý dựa trên các huấn luyện viên là nông dân tình nguyện, có thể dễ dàng được thực hiện. Phương pháp này có hiệu quả kinh tế hơn nhiều so với các phương pháp khuyến nông truyền thống bởi vì:

1. Các đổi mới đó đã được chính nông dân kiểm nghiệm và làm thích ứng với các hoàn cảnh địa phương.

2. Các đổi mới đó không đòi hỏi sự đi lại và thuê nhân viên.

Trong mỗi chương trình của mình, WN luôn tìm cách chế hoá quá trình thực hiện cả ở cấp làng lẫn cấp liên làng, sao cho nông dân vẫn có thể tiếp tục phân tích các vấn đề, xác định và kiểm nghiệm các đổi mới, đánh giá các kết quả và tự lực triển khai các công nghệ đã được kiểm nghiệm sau khi WN ngừng hỗ trợ.

Những vấn đề nông - sinh thái, mà nông dân nghèo ở Tây Phi đã gặp phải, hiện đang được giải quyết.

Các cơ quan phát triển và chính phủ đang rất cần một phương pháp đặc biệt có hiệu quả hơn để nghiên cứu và khuyế n nông nhằm sử dụng có hiệu quả hơn nguồn vốn ít ỏi.

Muốn có hiệu quả, phương pháp đó phải: Không tốn kém, thiết thực, nhanh, mềm dẻo, dễ truyền bá cho nông dân. Phương pháp đó phải dựa trên việc học tập thông qua công việc trong quá trình hành động - đánh giá - hành động. Cuối cùng, phương pháp đó phải dựa trên các khả năng và tri thức nông dân cũng như phải phát triển các quan hệ xã hội của họ để họ có thể tiếp tục quá trình bưới sự hỗ trợ ít nhất từ bên ngoài.

Vài nét về tổ chức "Những người láng giềng toàn cầu" (WN):

WN là một tổ chức phi lợi nhuận, tương trợ nhân dân, đang hoạt động ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ La tinh trên trận tuyến nỗ lực toàn cầu nhằm thanh toán nạn đói, dịch bệnh và nạn nghèo khổ.

Những ưu tiên của các chương trình WN là sản xuất lương thực, sức khoẻ dựa trên cộng đồng, kế hoạch hoá gia đình, nguồn nước và vệ sinh, bảo vệ môi trường.

WN khẳng định quyền tự quyết, tự lực và phẩm giá vốn có của tất cả các dân tộc. Thông qua việc tăng cường các nguồn lực cơ bản này, WN giúp đỡ dân chúng phân tích và giải quyết các vấn đề của mình. Thành công đã đạt được thông qua triển khai, thử nghiệm và truyền bá những công nghệ đơn giản ở cấp cộng đồng và đào tạo những người lãnh đạo địa phương để các kết quả được duy trì và nhân rộng.

Được thành lập năm 1951 và bắt nguồn từ truyền thống Do thái - Cơ đốc giáo, WN là một phong trào tương trợ lẫn nhau, không có tính bè phái, được các quý tư nhân bảo trợ. WN không xin cũng như không nhận tài trợ của Chính phủ Mỹ.

Chịu trách nhiệm xuất bản

GS. ĐẶNG NGỌC DINH – TS. LÊ ĐÌNH TIẾN

Biên tập

TS. NGÔ TẤT THẮNG

Đánh máy

CHU THỊ THU HÀ

In 500 bản, khổ 14,5 x 20,5cm tại xí nghiệp in 15. Giấy phép xuất
bản số 3244/GFBC do Bộ Văn hóa – Thông tin cấp ngày 15/12/1994.